

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐỒNG THỊ KIM XUYỀN

DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐỒNG THỊ KIM XUYẾN

**DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Công tác tư tưởng

Mã số: 9310201

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS, TS. MAI ĐỨC NGỌC

HÀ NỘI - 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN.....	10
1.1. Các công trình nghiên cứu về dân chủ.....	10
1.2. Các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền và dân chủ trong công tác tuyên truyền	18
1.3. Các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền và dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	27
1.4. Nhận định về các công trình đã khảo cứu và hướng nghiên cứu tiếp tục	31
Chương 2 DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	37
2.1. Quan niệm và nội dung dân chủ trong công tác tuyên truyền	37
2.2. Những yếu tố tác động đến việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền và sự cần thiết phải phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở nước ta hiện nay.....	60
Chương 3: DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	77
3.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long có liên quan đến dân chủ trong công tác tuyên truyền	77
3.2. Thực trạng dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	88
3.3. Những vấn đề đặt ra về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	124

Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI.....	133
4.1. Quan điểm phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới	133
4.2. Giải pháp phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới	142
KẾT LUẬN	168
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	171
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ	186
PHỤ LỤC	187

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CNTB	: Chủ nghĩa tư bản
CTTT	: Công tác tuyên truyền
DCH	: Dân chủ hoá
DCTS	: Dân chủ tư sản
DCXH	: Dân chủ xã hội
DCXHCN	: Dân chủ xã hội chủ nghĩa
ĐCSVN	: Đảng Cộng sản Việt Nam
NCS	: Nghiên cứu sinh
Nxb	: Nhà xuất bản
VĐBSCL	: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Dân chủ là một hiện tượng lịch sử xã hội gắn liền với sự tồn tại và phát triển của đời sống con người. Vấn đề dân chủ đã được các nhà kinh điển Mác - Lênin nói đến rất nhiều, bởi dân chủ chính là bản chất, mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội. Là người tiên phong trong cuộc đấu tranh vì một nền dân chủ ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” [96, tr.434] và “thực hành dân chủ là cái chìa khoá vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn” [92, tr.20].

Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng ta khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực” [55, tr. 84-85]. Kế thừa và phát triển quan điểm đó, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Đảng ta tiếp tục khẳng định “thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [56, tr.96]. Như vậy, thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa thực chất là bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có cả công tác tư tưởng nói chung và công tác tuyên truyền nói riêng.

Trong công tác tuyên truyền, dân chủ bảo đảm cho chủ thể và đối tượng thể hiện, thực hiện tính chủ động, tự giác, sáng tạo của mình trong việc truyền bá, giáo dục và tiếp thu, lĩnh hội chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp

luật của Nhà nước,... Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Đảng ta đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” [56, tr. 181]. Do vậy, dân chủ trong công tác tuyên truyền là vấn đề rất cần thiết và cấp bách, cần được đặt ra như một quan điểm, một chủ trương, nhất là trong bối cảnh hiện nay.

Đồng bằng sông Cửu Long (còn được gọi là Tây Nam Bộ hay miền Tây) - vùng cực nam của Tổ quốc, có một vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của nước ta; đây cũng là một trong những địa bàn trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Trong những năm qua, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã có sự đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng. Chủ thể và đối tượng thể hiện tinh thần tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo trong công tác tuyên truyền, từ khâu lãnh đạo, quản lý đến quá trình tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả; qua đó, chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền của Vùng được nâng cao, nhân dân tin tưởng và ủng hộ quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền của Vùng vẫn còn những hạn chế, yếu kém như: hoạt động lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ và chính quyền các cấp đôi khi còn lỏng lẻo, hình thức; việc xác định nội dung và lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền có lúc có nơi chưa thật sự sát hợp với đối tượng và hoàn cảnh địa phương; hoạt động đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền đôi khi chưa thật sự khách quan.

Hiện nay, trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và khó khăn trong nước, các thế lực thù địch, phản động đang ra sức phá hoại, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với mục đích làm giảm niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên phạm vi cả nước nói chung và ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Do vậy, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đòi hỏi công tác tuyên truyền phải thật sự chất lượng và hiệu quả. Chính vì thế, thực hiện và phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long càng trở nên quan trọng và cấp thiết hơn nữa.

Xuất phát từ cơ sở lý luận và tình hình thực tiễn trên, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vấn đề cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hiện nay. Chính vì thế, tác giả quyết định chọn đề tài ***“Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”*** để làm luận án Tiến sĩ Chính trị học, chuyên ngành Công tác tư tưởng.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án tập trung làm rõ các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan các công trình khoa học có liên quan đến đề tài luận án, nhận định về các công trình đó, xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về dân chủ trong công tác tuyên truyền.

- Khái quát, phân tích thực trạng, làm rõ những vấn đề đặt ra đối với dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đề xuất, luận giải, phân tích cơ sở khoa học của các quan điểm và giải pháp phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận án nghiên cứu về dân chủ trong công tác tuyên truyền.

Về không gian: Luận án nghiên cứu về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Luận án chọn 5 tỉnh, thành phố để nghiên cứu, khảo sát: Cần Thơ, Bến Tre, An Giang, Sóc Trăng và Kiên Giang. Trong đó:

Thành phố Cần Thơ là đô thị loại 1 (một trong 05 thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam), có vị trí, vai trò quan trọng với nhiều tiềm năng, lợi thế cả về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật. Đây cũng là đô thị hạt nhân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long về dịch vụ, thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; là trung tâm đầu mối phát triển có chức năng tổng hợp của Vùng.

Tỉnh Bến Tre được hợp thành bởi 03 dãy cù lao: An Hóa, Bảo và Minh, do phù sa 04 nhánh sông Cửu Long (Cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên) bồi tụ. Đây là tỉnh có vị trí thuận lợi về đường thủy với các trục giao thông đối ngoại quan trọng gắn kết kinh tế tỉnh Bến Tre với các tỉnh của vùng Đồng

bằng sông Cửu Long cũng như vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; từ đó, tạo điều kiện khơi dậy và phát triển mạnh mẽ tiềm năng kinh tế - xã hội, với thế mạnh là kinh tế vườn và kinh tế biển.

An Giang là tỉnh biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, đầu nguồn sông Cửu Long, thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp; Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ; phía Tây giáp Kiên Giang; phía Tây Bắc giáp Campuchia với đường biên giới dài gần 100 km. Do vậy, An Giang có vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh trong khu vực vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đây cũng là cửa ngõ giao thương với Vương quốc Campuchia và các nước Asean. Dân số của tỉnh có gần 2 triệu người (là tỉnh có dân số đông nhất của vùng) với nhiều dân tộc và nhiều tôn giáo.

Sóc Trăng là tỉnh có đặc trưng văn hoá đặc sắc giao thoa giữa 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa. Đây cũng là tỉnh có đồng bào dân tộc Khmer sinh sống nhiều nhất cả nước. Sóc Trăng nằm ở vị trí ven biển và cửa sông Hậu, với nhiều tuyến giao thông thủy bộ quốc gia đi qua và đường bờ biển dài 72 km, tạo cho Sóc Trăng có lợi thế về mở rộng giao lưu với các tỉnh trong khu vực cũng như với bên ngoài và lợi thế phát triển kinh tế ở cả 3 khu vực (nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - du lịch), đồng thời có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Kiên Giang là tỉnh ven biển, thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nằm tận cùng phía Tây Nam của Việt Nam; trong đó lãnh thổ đất liền và hải đảo (hơn 100 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó lớn nhất là đảo Phú Quốc và xa nhất là quần đảo Thổ Chu). Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 56,8 km; phía Nam giáp tỉnh Cà Mau; phía Tây giáp Vịnh Thái Lan với đường bờ biển dài 200 km; phía Đông giáp tỉnh An Giang, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Bạc Liêu và thành phố Cần Thơ. Là tỉnh nằm trong vùng vịnh Thái Lan (gần với các nước thuộc Đông Nam Á như

Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore), Kiên Giang có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực, đồng thời đóng vai trò cầu nối quan trọng các tỉnh miền Tây với bên ngoài.

Về thời gian: Thực trạng dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long được nghiên cứu từ năm 2015, các giải pháp đề xuất có ý nghĩa vận dụng đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, luận án vận dụng lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ trong công tác tuyên truyền; lý luận về dân chủ và lý luận về công tác tuyên truyền.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận của đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời, quán triệt nguyên tắc lý luận gắn chặt với thực tiễn, tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận.

Luận án sử dụng các *phương pháp nghiên cứu liên ngành* của các khoa học: Chính trị học, Xây dựng Đảng, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xã hội học, Luật học, trong đó các phương pháp của Chính trị học là chủ đạo.

Các *phương pháp nghiên cứu cụ thể* là: lịch sử và logic, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, phân tích và tổng hợp, quy nạp và diễn dịch, thống kê, so sánh, thu thập thông tin, xử lý thông tin,...

- Phương pháp lịch sử và logic: sử dụng phương pháp logic để phát hiện ra quy luật vận động, phát triển của vấn đề dân chủ; đồng thời, nghiên cứu lịch sử về vai trò của dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương pháp tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận: bắt đầu từ nghiên cứu thực tiễn việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền làm cơ sở, kết hợp nghiên cứu lý luận chung có liên quan đến luận án, nhằm xây

dựng khung lý thuyết, đánh giá thực trạng, từ đó đề ra quan điểm và giải pháp của luận án.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: được dùng để phân tích các số liệu thu thập được từ điều tra, qua đó nhận biết mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; và tổng hợp các số liệu, tri thức có được từ hoạt động phân tích tài liệu, xin ý kiến chuyên gia nhằm mục đích đưa ra những luận giải, nhận xét và đề xuất của tác giả luận án ở các chương về thực trạng và quan điểm, giải pháp.

- Phương pháp quy nạp và diễn dịch: được dùng để làm rõ các vấn đề, nội dung, hình thức của công tác tuyên truyền và dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương pháp thống kê: được dùng để thống kê tài liệu, số liệu, sự kiện, dữ liệu... có được trong quá trình nghiên cứu, tiếp cận thông tin về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương pháp so sánh: được dùng để so sánh, đối chiếu giữa các phương pháp, hình thức tuyên truyền, từ đó thấy được thế mạnh của các phương pháp, hình thức đối với việc thể hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, tác giả so sánh, nhận xét mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền được thể hiện trong báo cáo của các cơ quan chức năng với khảo sát thực tế trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương pháp thu thập thông tin:

+ Thu thập thông tin thứ cấp: được sử dụng để tổng quan tài liệu nghiên cứu; xây dựng khung lý thuyết về dân chủ trong công tác tuyên truyền; khái quát về tình hình kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của vùng, trong nước và thế giới,...

+ Thu thập thông tin sơ cấp: Tác giả chọn 05 tỉnh, thành phố của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí là vùng kinh tế - chính trị trọng điểm là

Cần Thơ, Bến Tre, An Giang, Sóc Trăng và Kiên Giang. Về chọn mẫu điều tra: Nghiên cứu sinh tiến hành thu thập số liệu theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đối với 100 chủ thể và 400 đối tượng. Về nội dung của phiếu khảo sát: các thông tin chung về chủ thể và đối tượng; nhận thức, thực hiện, đánh giá của chủ thể và đối tượng về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Phương pháp chuyên gia: được dùng để xin ý kiến, trao đổi trực tiếp với những chuyên gia nghiên cứu sâu về dân chủ, về công tác tư tưởng nói chung và công tác tuyên truyền nói riêng trong quá trình viết đề cương, xây dựng phiếu khảo sát và viết nội dung luận án.

- Phương pháp xử lý thông tin: Luận án sử dụng phần mềm SPSS để phân tích nội dung thông tin thu thập được bằng phiếu khảo sát.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

- Từ góc độ công tác tư tưởng, luận án làm rõ những vấn đề lý luận về dân chủ trong công tác tuyên truyền: hệ thống hoá, làm rõ các khái niệm cơ bản, đặc biệt là khái niệm và nội dung dân chủ trong công tác tuyên truyền; phân tích những yếu tố khách quan, chủ quan tác động và sự cần thiết phải phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền.

- Khảo sát thực trạng về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay; đánh giá ưu điểm, hạn chế, nêu rõ nguyên nhân và xác định những vấn đề đặt ra trong năng lực lãnh đạo, quản lý của các chủ thể, trong tính chất và mức độ tham gia của đối tượng vào công tác tuyên truyền, trong chất lượng nội dung, trong sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện và trong việc thiết lập môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

- Đề xuất, luận giải cơ sở khoa học của các quan điểm và giải pháp phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về mặt lý luận: Luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống và chuyên sâu về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung những vấn đề lý luận vào khoa học công tác tư tưởng; đặc biệt là khái niệm và nội dung dân chủ trong công tác tuyên truyền.

Về thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận án là một trong những cơ sở để các nhà lãnh đạo, quản lý, cán bộ tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng cả nước nói chung tham khảo để hoạch định kế hoạch, chương trình, chính sách; xác định nội dung; lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện sao cho sát hợp với đối tượng và tình hình thực tiễn trong các hoạt động tuyên truyền. Đồng thời, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy ngành Chính trị học, Xây dựng Đảng, đặc biệt là nghiên cứu, giảng dạy chuyên ngành Công tác tư tưởng trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có kết cấu gồm 4 chương, 11 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu về dân chủ

Vấn đề dân chủ nói chung và DCXHHCN nói riêng từ lâu đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu với nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau. Cụ thể như:

Cuốn sách *Democracy and its Critics* (Dân chủ và sự phê phán) (2000) của Robert Alan Dahl [159]. Tác giả đã khẳng định quyền lực nhà nước là quyền lực gốc của Nhân dân; nhưng với tác giả, một nền dân chủ phải có sự chế ước lẫn nhau giữa các chủ thể trong xã hội. Đồng thời, tác giả cũng cho rằng, mỗi một chế độ dân chủ được duy trì, phát triển còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kinh tế, văn hóa, truyền thống dân tộc,... Theo ông, để đạt tới nền dân chủ lý tưởng cần phải đạt được 05 tiêu chí về dân chủ, cụ thể: (1) Effective participation (Sự tham gia hiệu quả); (2) Voting equality at the decisive stage (bình đẳng công bằng trong bầu cử); (3) Enlightened understanding (sự hiểu biết sâu sắc); (4) Control of the agenda (kiểm soát các chương trình nghị sự); (5) Inclusiveness (tính toàn diện).

Cuốn sách *The right to Democracy, Towards a community of democracy* (*Quyền dân chủ, Hướng tới một cộng đồng dân chủ*), *Issue of Democracy* (2000) của Harold Hongju Koh [154]. Tác giả đã nêu ra nhiều tiêu chuẩn của dân chủ và cho thấy dân chủ bao trùm lên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội; đồng thời xác định mục tiêu của việc xây dựng dân chủ không chỉ dừng lại ở cách hành xử về chính trị, mà còn làm cho dân chủ trở thành yếu tố định hướng hành vi của con người.

Cuốn sách *Dân chủ với phát triển cộng đồng* (2006) của Trần Quang Nhiếp [101]. Tác giả trình bày một cách khái quát những vấn đề lý luận về dân chủ và thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở*; cụ thể như: tư tưởng Hồ Chí Minh

về dân chủ; vai trò của dân chủ đối với phát triển cộng đồng; thực trạng thực hiện dân chủ ở cơ sở của nước ta. Từ đó, tác giả xác định những vấn đề đặt ra và đề ra các giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết những vấn đề đó để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước.

Cuốn sách *Tương lai của nền dân chủ xã hội* (2007) của Thomas Meyer và Nicole Breyer (Trần Danh Tạo và Ngô Lan Anh dịch) [139]. Nội dung cuốn sách là dự án DCXH và những nhiệm vụ quan trọng nhất của thế giới toàn cầu hóa tương lai. Nhóm tác giả nhấn mạnh các quyền cơ bản về dân sự và chính trị phải được bổ sung bằng các quyền xã hội và kinh tế, để tạo dựng được những điều kiện sống có nhân phẩm cho tất cả mọi người. Đồng thời, nhóm tác giả đã phân tích, so sánh, chỉ rõ sự khác nhau giữa DCXH và chủ nghĩa tự do thuần túy; từ đó, đưa ra những luận chứng về tương lai phát triển của DCXH với dân chủ tân tự do trong thế giới đương đại.

Cuốn sách *Democracy and democratization processes and prospects in changing world (Dân chủ và quá trình dân chủ hóa và triển vọng trong một thế giới chuyển đổi)* (2007) của Sorensen Georg [160]. Trong công trình nghiên cứu này, vấn đề dân chủ được tiếp cận từ góc độ lịch sử. Tác giả đã xem xét, đánh giá triển vọng của dân chủ; làm rõ khái niệm dân chủ và cho thấy tiềm năng tích cực trong xu hướng dân chủ hóa cũng như sự phát triển dân chủ trong những điều kiện khác nhau ở các nước có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau.

Cuốn sách *Capitalism, Socialism, and Democracy (Chủ nghĩa tư bản, Chủ nghĩa xã hội và Dân chủ)* (2008) của Joseph Schumpeter [156]. Đây là kết quả gần 4 năm quan sát, nghiên cứu, suy ngẫm của tác giả về CNXH với 5 vấn đề: *một là*, học thuyết Mácxit; *hai là*, sự tồn tại của CNTB; *ba là*, sự nghiệp XHCN; *bốn là*, mối quan hệ giữa trật tự xã hội của CNXH với phương pháp dân chủ của chính phủ; và *năm là*, sơ lược lịch sử các Đảng XHCN.

Cuốn sách *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới* (2010) của Hoàng Chí Bảo [46]. Nội dung cuốn sách phân tích tính chất

và đặc điểm của DCXH; những cơ sở và điều kiện thực hiện do lịch sử quy định khi CNXH bắt đầu phát sinh với tư cách là một chế độ xã hội. Đồng thời, tác giả phân tích những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở; từ đó, đề xuất một số giải pháp khắc phục nhằm góp phần nâng cao hiệu quả phát huy dân chủ trong đời sống xã hội ở nước ta.

Cuốn sách *Về quá trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay* (2011) của Lê Minh Quân [104]. Nội dung cuốn sách là các quan niệm, khái niệm, lý thuyết và mô hình DCH; những yếu tố tác động và quá trình DCH trên thế giới. Đồng thời, tác giả phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình DCH XHCN ở Việt Nam hiện nay, cụ thể như: DCH trong quá trình đổi mới, xây dựng nhà nước pháp quyền, cơ chế kiểm soát quyền lực, mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng, DCH ở cơ sở...

Cuốn sách *Nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng* (2011) của Lê Văn Giang [69]. Tác giả khẳng định, “dân chủ là quyền làm chủ của nhân dân, là quyền lực của nhân dân đối với nhà nước, đối với xã hội hay quyền lực thuộc về nhân dân. Quyền làm chủ đó được biểu hiện trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội” [69; tr.10-11]. Từ đó, tác giả đưa ra khái niệm “thực hiện dân chủ trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng là việc chủ thể và đối tượng kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và đảng viên, tổ chức đảng có liên quan thực hiện đúng, đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng” [69; tr.14].

Cuốn *Dân chủ trực tiếp - Sổ tay IDEA quốc tế* (2014) của nhóm tác giả Virginia Beramandi, Andrew Elis và một số tác giả khác (do Đào Trí Úc, Nguyễn Công Giao chủ biên bản dịch tiếng Việt) [45]. Với nội dung cuốn sách này, nhóm tác giả đã tiếp cận “dân chủ” theo nghĩa là chế độ chính trị, hệ thống tổ chức quyền lực và cơ chế, quy trình vận hành hệ thống dân chủ. Cuốn sách đã cung cấp các thông tin về việc vận dụng dân chủ trực tiếp, nhất

là trung cầu ý dân, sáng kiến công dân, sáng kiến chương trình nghị sự và bãi miễn được thực hiện ở các vùng trên thế giới. Đồng thời, trên cơ sở đánh giá điển hình ở một số quốc gia như ở Thụy Sĩ, Uruguay, Venezuela, Hungary và bang Oregan (Hoa Kỳ), nhóm tác giả đã đưa ra các khuyến nghị và bài học thực tiễn trong vận dụng dân chủ trực tiếp ở các vùng trên thế giới về các hoạt động trung cầu dân ý, sáng kiến chương trình nghị sự và bãi miễn,...

Luận án Tiến sĩ Triết học *Vấn đề xây dựng chế độ dân chủ Nhân dân Lào hiện nay* (2014) của tác giả Khăm Phon Bun Na Di [82]. Tác giả đã tập trung hệ thống hoá lịch sử ra đời, phát triển, quan điểm đổi mới của Đảng Nhân dân cách mạng Lào ở các mặt kinh tế, xã hội, chính trị,... trong quá trình xây dựng phát triển chế độ dân chủ nhân dân ở Lào. Trên cơ sở đó, tác giả khảo sát, đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp xây dựng chế độ dân chủ nhân dân ở Lào trên các nội dung kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và hoạt động đối ngoại.

Cuốn sách *Dân chủ, độc tài và phát triển* (2014) của tác giả Hồ Sỹ Quý [107]. Tác giả đã phân tích những vấn đề cấp thiết về lý luận dân chủ; đồng thời đề cập đến các chế độ dân chủ và độc tài trên thế giới cùng với những vấn đề về phương diện phát triển. Ngoài ra, tác giả còn luận bàn về một số vấn đề thực tiễn của tình trạng mất dân chủ; về DCH theo phương thức từ trên xuống; về trình độ tiếp nhận dân chủ của xã hội; về vấn đề độc tài và cuối cùng ông khẳng định: sự vận động phát triển của các nền dân chủ luôn phải trải qua những bước quanh co và không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết.

Cuốn sách *Tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh* (2014) của Phạm Hồng Chương và Doãn Thị Chín [51]. Nội dung cuốn sách khái quát nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích những nội dung cơ bản trong tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh, bao gồm khái niệm, vai trò, bản chất và đặc điểm của dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các hình thức dân chủ và điều kiện thực hành dân chủ; đồng thời phân tích quá trình vận dụng tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay.

Giáo trình *Vấn đề dân chủ và dân chủ hóa đời sống xã hội lịch sử và hiện đại* (2016) dùng cho cao học chuyên ngành Triết học của Trần Thành [114]. Tác giả đã trình bày một cách có hệ thống về khái niệm dân chủ, lịch sử hình thành, phát triển dân chủ; đồng thời, phân tích lịch sử phát triển, bản chất, thực trạng của chế độ DCTS và chế độ DCXHCN ở Việt Nam hiện nay. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh vấn đề xây dựng chế độ dân chủ ở nước ta hiện nay “dân chủ hoá, xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình lâu dài. Quá trình đó đòi hỏi một nỗ lực chủ quan cao của Đảng, Nhà nước và nhân dân không chỉ trong việc tạo lập được cơ chế, công nghệ dân chủ, mà còn xây dựng cho được những điều kiện về vật chất và văn hoá làm cơ sở, nền tảng cho chế độ đó” [114; tr.144].

Cuốn sách *Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền* (2017) do Phạm Văn Đức (chủ biên) [67]. Nội dung cuốn sách đã phân tích, luận giải lý luận về dân chủ, thực hành dân chủ và tổng kết kinh nghiệm thực hành dân chủ ở một số nước trên thế giới; từ đó, đề ra một số quan điểm, phương hướng và giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam hiện nay.

Cuốn sách *Democracy - a life* (2018) (Dân chủ - một cuộc đời) của Paul Cartledge [157]. Nội dung cuốn sách trình bày những vấn đề về dân chủ từ Hy Lạp cổ đại đến thế kỷ 21: từ cách dân chủ được sinh ra và phát triển trong thế giới cổ đại; dân chủ trải qua những thế kỷ mù mịt từ Byzantium đến thời Phục hưng;... cho đến sự tái sinh của nền dân chủ vào thế kỷ XVII và cho đến nay.

Cuốn sách *Nhận thức mới về dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới* (2018) của Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên) [145]. Với phương pháp tiếp cận toàn diện, chỉnh thể, nội dung cuốn sách đã phân tích và trình bày quan niệm về dân chủ, nền dân chủ, nền DCXHCN và xây dựng nền dân chủ, DCXHCN; phân tích, làm rõ những nội dung mới, những vấn đề đặt ra trong

nhận thức về DCXHCN và xây dựng nền DCXHCN ở Việt Nam; từ đó, đề xuất những quan điểm và các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức về DCXHCN và xây dựng nền DCXHCN ở nước ta hiện nay. Theo đó, dân chủ được hiểu theo nghĩa rộng với 5 nội dung cơ bản và xây dựng nền dân chủ được hiểu là xây dựng, thiết lập 4 điều kiện cơ bản (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội) của nền dân chủ nhằm thực thi những nguyên tắc, yêu cầu, chuẩn mực dân chủ trong 4 lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.

Sách chuyên khảo *Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp* (2020) của Nguyễn Đình Hoà (chủ biên) [77]. Tập thể tác giả đã trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCSVN về dân chủ và thực hiện dân chủ trong Đảng; đồng thời, đề cập đến một số nội dung chủ yếu về thực hiện dân chủ trong Đảng, đó là: (1) thực hiện dân chủ trong công tác tư tưởng, lý luận, (2) thực hiện dân chủ trong công tác tổ chức, (3) thực hiện dân chủ trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Tập thể tác giả xác định “Thực hiện dân chủ trong công tác tư tưởng của Đảng là nội dung rất quan trọng trong hoạt động của Đảng... Trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền, vận động, điều cần chú ý là Đảng không chỉ phải biết cách nói cho dân nghe, tuyên truyền, giảng giải cho dân hiểu, thuyết phục để nhân dân tin và đi theo mình, mà còn phải biết lắng nghe dân nói, biết đối thoại dân chủ với các tầng lớp nhân dân, giúp nhân dân giải quyết các vướng mắc của họ, hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, biết học tập quần chúng để phát huy sáng kiến của các tầng lớp nhân dân nhằm biến công việc của Đảng thực sự là công việc của nhân dân” [77, tr.61 - 62]. Đây là tài liệu có ý nghĩa quan trọng đối với tác giả trong quá trình nghiên cứu quan niệm và nội hàm dân chủ trong CTTT.

Bên cạnh đó, còn có các đề tài nghiên cứu khoa học, kỷ yếu hội thảo và luận án; tiêu biểu như:

Kỷ yếu hội thảo *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam* (2014) của Đại học Quốc gia Hà Nội [53]. Trong nội dung kỷ yếu này, các tác giả đi sâu phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về dân chủ, cũng như các mô hình tổ chức thực hiện dân chủ trực tiếp, dân chủ ở cơ sở trên thế giới và Việt Nam. Từ đó, các tác giả đưa ra những quan điểm, giải pháp nhằm ngày càng hoàn thiện hệ thống pháp luật về dân chủ và các cơ chế bảo đảm dân chủ trực tiếp, dân chủ ở cơ sở của nước ta.

Luận án Tiến sĩ Triết học *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và ý nghĩa hiện thời của nó* (2016) của Đỗ Thị Kim Thoa [116]. Tác giả trình bày khái niệm dân chủ và nêu lên cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, phân tích và làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ; trên cơ sở đó làm rõ ý nghĩa hiện thời của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong quá trình DCH ở Việt Nam hiện nay.

Đề tài cấp bộ *Dân chủ hoá kinh tế ở Việt Nam hiện nay* (2017) của Vũ Văn Viên [149]. Tác giả đã đi sâu phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn về DCH trong kinh tế ở Việt Nam như: khái niệm dân chủ, DCH, DCH trong kinh tế ở Việt Nam hiện nay; tính tất yếu, vai trò của dân chủ kinh tế ở Việt Nam; thực trạng DCH kinh tế ở nước ta hiện nay (các thành tựu cơ bản; hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế); một số vấn đề đặt ra (quan hệ giữa tập trung và dân chủ; giữa nhất nguyên chính trị và đa nguyên kinh tế; vấn đề sở hữu còn nhiều bất cập). Từ đó, tác giả đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu, quan trọng nhằm đẩy mạnh DCH kinh tế ở Việt Nam.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở *Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị* (Giáo trình nội bộ) (2018) của Ngô Đình Xây [152]. Tác giả đã khái quát về quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCSVN về dân chủ và hệ thống chính trị; đặc biệt là phân tích mối quan hệ giữa dân chủ với đổi mới hệ thống chính trị. Tác giả cho rằng “thực

chất của mối quan hệ giữa phát huy dân chủ với đổi mới hệ thống chính trị là mối quan hệ của quá trình dân chủ hoá hệ thống chính trị, làm cho dân chủ thực sự là nền tảng cho hệ thống chính trị và hệ thống chính trị là hạt nhân gắn kết và định hướng cho dân chủ” [152; tr.57].

Luận án Tiến sĩ Chính trị học *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ trong Đảng Cộng sản Việt Nam và định hướng xây dựng Đảng hiện nay* (2019) của Nguyễn Thị Bích Thủy [117]. Tác giả đã phân tích, luận giải sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ trong ĐCSVN; đồng thời khảo sát thực trạng thực hành dân chủ trong Đảng và chỉ rõ những vấn đề đặt ra với thực hành dân chủ trong xây dựng Đảng hiện nay; từ đó đề xuất định hướng đẩy mạnh thực hành dân chủ trong xây dựng Đảng hiện nay.

Ngoài ra, một số bài viết về dân chủ như: *Xây dựng chế độ dân chủ chính trị ở Trung Quốc theo tinh thần của chủ nghĩa Mác* (2007) của Tạp chí “Tân Hoa xã”, dịch đăng trên Thông tin Những vấn đề lý luận - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, (22); *Đảng Cộng sản Trung Quốc và vấn đề dân chủ* (2008), Tạp chí Thông tin Những vấn đề lý luận; *Ideological Congruence and Citizen Satisfaction: Evidence From 25 Advanced Democracies* (2017) của Quinton Mayne và Armen Hakhverdian, Tạp chí Comparative Political Studies, tập 50 (6); *Popular Perceptions of Democracy in China: Characteristics and Longitudinal Changes* (2020) của Yida Zhai, Tạp chí Asian Survey, số 3; *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trong giai đoạn hiện nay* (2021) của Trần Thanh Giang, Tạp chí Triết học, số 5; *Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân* (2022) của Nguyễn Thanh Tuấn, Tạp chí Lý luận chính trị, số 527; *Sự phát triển tư duy của Đảng về dân chủ xã hội chủ nghĩa* (2022) của Nguyễn Thị Hà, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 5; *Hiểu đúng về bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay* (2022) của Đặng Văn Luận, Tạp

chí Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn, số 2; *Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở - Bước phát triển mới về dân chủ ở nước ta* (2023) của Nguyễn Thế Trung, Tạp chí Dân vận, số 1+2; *Phát huy dân chủ trong xã hội ở nước ta hiện nay* (2023) của Hoàng Thị Ngọc Bích, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 325; *Một số nhận thức lý luận về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn với tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc qua tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng* (2023) của Nguyễn Trọng Lâm, Tạp chí Cộng sản, số 1009;...

1.2. Các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền và dân chủ trong công tác tuyên truyền

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền

CTTT là một hình thái, một bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng (công tác lý luận, CTTT và công tác cổ động). CTTT tiếp nối công tác lý luận, làm cho lý luận có sức sống mạnh mẽ, thể hiện sinh động trong thực tiễn; đồng thời, đóng vai trò xây dựng cơ sở nhận thức, thái độ, xu hướng tình cảm, tạo điều kiện để công tác cổ động thuận lợi và đạt hiệu quả. Do vậy, trong quá trình tổng quan các công trình nghiên cứu về CTTT, tác giả tổng quan cả các công trình nghiên cứu về công tác tư tưởng vì nó bao hàm cả CTTT. Tiêu biểu như:

Giáo trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ tuyên truyền *Công tác tuyên truyền tư tưởng trong thời kỳ mới* (2005) [44] của Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc do Trần Khang và Lê Cự Lộc dịch. Các tác giả khẳng định tầm quan trọng của công tác tuyên truyền tư tưởng trên các mặt trận lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, nội dung giáo trình còn là những bài viết về những bài học kinh nghiệm, thao tác, kỹ năng,... trong công tác tuyên truyền tư tưởng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, như: công tác lý luận, CTTT, công tác truyền thông báo chí, công tác điều tra, nghiên cứu thông tin,... Các tác giả còn nhấn mạnh: công tác tuyên truyền tư tưởng phải tạo ra động lực to lớn, bảo đảm về tư tưởng và môi trường dư luận lành mạnh cho

công cuộc cải cách, mở cửa và xây dựng chế độ xã hội XHCN tiến bộ trên tất cả các mặt.

Luận án Tiến sĩ Khoa học Chính trị *Chất lượng công tác tư tưởng của các Đảng bộ tỉnh đồng bằng miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay* (2008) [49] của Bun Đuông Cay Xôn. Tác giả phân tích về chất lượng và tiêu chí đánh giá chất lượng công tác tư tưởng; đánh giá đúng thực trạng chất lượng công tác tư tưởng của các đảng bộ tỉnh đồng bằng miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào; qua đó đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác tư tưởng của đảng bộ các tỉnh đồng bằng miền Trung của Lào.

Lương Khắc Hiếu với *Nguyên lý công tác tư tưởng* tập 1 [73] và *Nguyên lý công tác tư tưởng* tập 2 (2008) [74] đã xác định những vấn đề cơ bản của công tác tư tưởng như đối tượng, khái niệm, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương châm hoạt động, phương pháp, hình thức và hiệu quả công tác tư tưởng. Đặc biệt, tác giả trình bày những nội dung cơ bản, quan trọng về CTTT, như: tuyên truyền miệng; tổ chức, hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên; các phương tiện truyền thông đại chúng;... Tác giả cho rằng, để đạt hiệu quả cao, công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng phải gắn với từng đối tượng cụ thể “phải tính đến để đưa nội dung tuyên truyền sao cho thích hợp nhu cầu, lợi ích, tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của từng đối tượng; đồng thời mỗi phương pháp, hình thức công tác tư tưởng được tiến hành phải tính đến đặc điểm tâm lý, thói quen, khả năng tiếp nhận của chính đối tượng” [73; tr.99].

Các cuốn sách chuyên khảo như *Công tác tư tưởng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá* (2009) [63] và *Công tác tư tưởng và vấn đề đào tạo cán bộ làm công tác tư tưởng* (2014) [64] của Trần Thị Anh Đào. Nội dung hai cuốn sách trình bày một cách có hệ thống các vấn đề về công tác tư tưởng như khái niệm về tư tưởng, công tác tư tưởng, tính khoa học và tính cách mạng

trong công tác tư tưởng; phân tích sâu sắc nội dung và các phương thức hoạt động của công tác tư tưởng; nêu rõ một số giải pháp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng. Về CTMT, tác giả cho rằng “Công tác tuyên truyền nhằm truyền bá và giải thích sâu rộng trong quần chúng nhân dân hiểu rõ lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản, trang bị cho quần chúng nhân dân tri thức về các quy luật phát triển của xã hội, trên cơ sở đó xây dựng niềm tin vào lý tưởng cộng sản và nâng cao tính tích cực, sáng tạo của quần chúng trong cuộc đấu tranh xây dựng xã hội mới” [64; tr.24].

Tập thể tác giả bao gồm Trần Văn Khánh, Đinh Phương Duy, Vũ Tình, Phạm Phương Thảo, Tần Xuân Bảo với kỷ yếu tọa đàm *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên thành phố Hồ Chí Minh* (2014) [81]. Nội dung kỷ yếu là tổng hợp các bài tham luận về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên thành phố Hồ Chí Minh. Các tác giả đánh giá thực trạng công tác tuyên truyền miệng; đánh giá về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị, xã hội đối với công tác tuyên truyền miệng. Từ đó, đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền miệng ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung.

Luận án Tiến sĩ Chính trị học *Đổi mới công tác tuyên truyền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay* (2014) của Nguyễn Thị Thu Hà [70]. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về CTMT kinh tế và đổi mới CTMT kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam, tác giả đánh giá thực trạng CTMT kinh tế và đổi mới CTMT kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam trong thời gian qua: những thành tựu, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với việc đổi mới CTMT kinh tế ở Việt Nam; từ đó, đề xuất quan điểm và giải pháp tiếp tục đổi mới CTMT kinh

tế ở Việt Nam. Theo tác giả, một trong những giải pháp chủ yếu đổi mới CTMT kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay là đa dạng hoá các hình thức, phương pháp tuyên truyền kinh tế; coi trọng phát huy dân chủ trong CTMT, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tăng cường đối thoại, thông tin hai chiều.

Luận án Tiến sĩ Chính trị học *Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay* (2016) của Lê Mai Trang [141]. Nội dung luận án là những vấn đề lý luận về CTMT của Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế; thực trạng và giải pháp đổi mới CTMT của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Theo tác giả, “Công tác tuyên truyền tư tưởng của Đảng là hoạt động truyền bá hệ tư tưởng của Đảng, là hoạt động vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu, lý tưởng của Đảng” [141; tr.25] và “Hội nhập quốc tế có ảnh hưởng rất lớn, tạo ra thuận lợi và cơ hội, nguy cơ và thách thức đối với công tác tuyên truyền của Đảng. Hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu đối với công tác tuyên truyền của Đảng như yêu cầu nâng cao vị trí và vai trò của công tác tuyên truyền của Đảng, nắm vững nội dung tuyên truyền về hội nhập quốc tế, mở rộng phạm vi, khách thể và đối tượng của công tác tuyên truyền của Đảng, đổi mới nội dung và phương pháp, tổ chức bộ máy và cán bộ tuyên truyền của Đảng” [141; tr.57].

Bài viết *Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tuyên truyền đến việc nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền của Đảng trong giai đoạn hiện nay* (2018) của Trần Thị Minh Tuyết [146]. Bài viết luận giải để khẳng định rằng Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà tuyên truyền vĩ đại, một hình mẫu về cách thức tuyên truyền hiệu quả mà còn là nhà lý luận về CTMT với hệ thống quan điểm hết sức sâu sắc. Theo tác giả, công cuộc đổi mới đất nước hiện nay với sự đan xen giữa thời cơ và thách thức đang đòi hỏi CTMT của Đảng phải vươn lên một tầm cao mới, đạt tới một chất lượng mới. Theo đó, những người làm

CTTT phải có sự đổi mới về tư duy, nội dung và phương thức hoạt động; thông tin tuyên truyền phải minh bạch, kịp thời; hình thức tuyên truyền phải chuyển mạnh từ độc thoại sang đối thoại để cùng nhân dân tìm ra chân lý, khẳng định chân lý và hoá giải những bức xúc trong dân.

Bài viết *Chủ động, kịp thời thông tin tuyên truyền để tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội* (2020) của Bùi Thế Đức [68]. Trong nội dung bài viết, tác giả đã xác định trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, ngành Tuyên giáo đã không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, chủ động kịp thời thông tin tuyên truyền tạo sự thống nhất trong Đảng và tạo sự đồng thuận xã hội. Đồng thời, tác giả đã tập trung phân tích những thành tựu nổi bật của ngành Tuyên giáo trong thời gian qua với tinh thần đổi mới sâu sắc, toàn diện, đồng bộ nội dung, phương thức tuyên truyền, kịp thời định hướng tư tưởng chính trị, dư luận xã hội, mở đường cho chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi nhanh vào cuộc sống.

Bài viết *Đổi mới công tác tuyên truyền đáp ứng yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng* (2020) của Nguyễn Thanh Hoàng [79]. Tác giả xác định đổi mới CTTT đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội là nhiệm vụ hệ trọng, cấp thiết, sống còn của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới. Một trong những giải pháp cụ thể, quan trọng để đổi mới CTTT, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong thời gian tới là đẩy mạnh và đa dạng hóa hình thức thông tin, tuyên truyền; lựa chọn đúng nội dung và luôn có những thông tin mới trong tuyên truyền; phải hướng mạnh về cơ sở, tăng cường thông tin đối ngoại; tiến hành điều tra dư luận xã hội để nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm cơ sở để xây dựng nội dung tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của kẻ địch.

Bài viết *Công tác tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các tạp chí lý luận chính trị* (2021) của Trần Thị Thuý Linh và Hà Thị Ánh Tuyết [89]. Theo tác giả, truyền thông, nhất là mạng internet có vai trò quan trọng trong việc định hướng dư luận, tác động và làm thay đổi nhận thức, tư tưởng hành vi của con người nhanh nhất; tuy nhiên, đó cũng là “mảnh đất màu mỡ”, là môi trường thuận lợi và là công cụ hữu hiệu để tuyên truyền những quan điểm sai trái, thù địch chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch. Trước tình hình đó, báo chí nói chung và các tạp chí lý luận chính trị nói riêng là công cụ, phương tiện, vũ khí sắc bén để tuyên truyền, đấu tranh, phản bác, đáp trả nhanh nhạy, kịp thời; đồng thời cũng là diễn đàn huy động được đông đảo lực lượng quần chúng tham gia đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch bằng sự tương tác đa chiều với bạn đọc.

Bài viết *Học và làm theo lời Bác dạy về công tác tuyên truyền* (2022) của Bùi Đình Phong [102]. Nội dung bài viết là những lời dạy sâu sắc của Hồ Chí Minh lúc sinh thời về CTMT. Theo tác giả, nhiệm vụ tuyên giáo và cách tuyên truyền hiện nay là làm cho nhân dân và cán bộ hiểu được những vấn đề lý luận và thực tiễn đó; làm rõ hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau là xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN; và để hoàn thành nhiệm vụ công tác tuyên giáo, tuyên truyền phải giản đơn, rõ ràng, cụ thể, thiết thực, đúng chỗ, đúng lúc.

Ngoài những công trình nghiên cứu trên, các ấn phẩm đề cập một cách trực tiếp hoặc gián tiếp về CTMT như: *Nhận thức đúng đắn và nâng cao tính thiết thực, hiệu quả công tác tuyên truyền trong giai đoạn hiện nay* (2020) của Đỗ Minh Hùng, Tạp chí Cộng sản, số 938; *Công tác tuyên truyền miệt mài sát thực tiễn, hướng về cơ sở* (2021) của Phạm Hoàng Tinh, Tạp chí Tuyên giáo, số 3; *Sử dụng mạng xã hội trong công tác tuyên truyền* (2021) của Đoàn Thị Minh Oanh, Tạp chí Lý luận và Truyền thông, số 8; *Phát huy vai trò công*

tác tuyên truyền miệng thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị (2022) của Phan Xuân Thủy, Tạp chí Tuyên giáo, số 8; *Đổi mới công tác tuyên truyền chính trị* (2023) của Nguyễn Thị Ánh, Tạp chí Tuyên giáo, số 3; *Nhận thức mới về công tác tuyên truyền, cổ động* (2023) của Hoàng Quốc Bảo, Tạp chí Tuyên giáo, số 3; *Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ở Việt Nam hiện nay* (2023) của Lê Văn Lợi, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số 1; *Kinh nghiệm của Trung Quốc trong phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, góp phần bảo vệ nền tảng của Đảng* (2023), của Nguyễn Thị Trường Giang, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông, số 1;...

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về dân chủ trong công tác tuyên truyền

Bài viết *Thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng* (2006) của Nguyễn Thị Thu Hoài [78]. Tác giả khái quát thực trạng thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số mặt chủ yếu như: thực hành dân chủ trong công tác lý luận, tổng kết thực tiễn, xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hành dân chủ trong công tác thông tin và cổ động chính trị, CTMT, giáo dục tư tưởng. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng của Đảng (trong đó có CTMT); cụ thể: *một là*, xây dựng hành lang pháp lý về dân chủ và thực hành DCXHNCN trong lĩnh vực công tác tư tưởng; *hai là*, bổ sung và nâng cao chất lượng nội dung dân chủ và phương thức thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng; *ba là*, nâng cao kỹ năng thực hành dân chủ trong các hoạt động bầu cử các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước, trong thuyết trình, đối thoại, chất vấn, trong các cuộc trưng cầu ý kiến cán bộ, đảng viên, nhân dân; và *bốn là*, nâng cao năng lực, trình độ thực hành dân chủ của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tư tưởng của Đảng.

Bài viết *Thực hành dân chủ trong công tác lý luận và tư tưởng của Đảng* (2014) của Trần Văn Đông - Dương Phú Hiệp [66]. Tập thể tác giả xác

định thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của Đảng. Trong hoạt động giáo dục, tuyên truyền, vận động quần chúng, tập thể tác giả nhấn mạnh là Đảng không chỉ phải biết cách nói cho dân nghe, tuyên truyền, giảng giải cho dân hiểu, thuyết phục để nhân dân đi theo mình, mà còn phải biết lắng nghe nhân dân nói, biết đối thoại dân chủ với các tầng lớp nhân dân; giúp dân giải quyết các vướng mắc của mình; hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; biết học tập quần chúng để phát huy sáng kiến của các tầng lớp nhân dân nhằm biến công việc của Đảng thực sự là công việc của nhân dân.

Đề tài khoa học cấp cơ sở trọng điểm *Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận ở Việt Nam hiện nay* (2017) của tác giả Phạm Huy Kỳ (chủ nhiệm) [84]. Trên cơ sở lý luận về công tác tư tưởng, lý luận và đổi mới công tác tư tưởng, lý luận ở Việt Nam hiện nay, nhóm nghiên cứu đã phân tích, đánh giá thực trạng đổi mới công tác tư tưởng, lý luận ở Việt Nam và tổng kết những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Đề tài đã nêu ra các nhóm giải pháp chung để đổi mới công tác tư tưởng, lý luận và các nhóm giải pháp riêng cho việc đổi mới công tác tư tưởng, lý luận. Một trong những giải pháp đổi mới công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng của Đảng trong thời gian tới là “Cần mở rộng những hình thức đối thoại, thảo luận dân chủ, cởi mở với các tầng lớp nhân dân, qua đó mà thu thập ý kiến phê bình, nguyện vọng, đề nghị và sáng kiến của nhân dân” [84, tr. 121].

Sách chuyên khảo *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (2017) của Lương Khắc Hiếu [75]. Nội dung cuốn sách trình bày có hệ thống, chuyên sâu về những vấn đề lý luận trọng yếu của công tác tư tưởng, làm rõ khái niệm, phạm trù về các yếu tố, các bộ phận cấu thành của công tác tư tưởng; đi sâu nghiên cứu lý luận về các hình thái, các bộ phận của công tác tư tưởng và sự gắn bó hữu cơ với các quá trình tư tưởng chủ yếu. Để nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng, tác giả cho

rằng “Trong quá trình tham gia vào các hoạt động công tác tư tưởng, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và quần chúng nhân dân đã sáng tạo ra nhiều hình thức mới, độc đáo có hiệu quả cần được nghiên cứu, tổng kết và phổ biến rộng rãi. Trong số những hình thức mang lại hiệu quả cao hiện nay, cần phải kể đến hình thức tranh luận, đối thoại bình đẳng, dân chủ với công chúng” [75, tr.321].

Cuốn sách *Chất lượng lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (2019) của tập thể tác giả Trần Thị Anh Đào và Phan Sỹ Thanh (đồng chủ biên) [65]. Cuốn sách tập trung luận giải những vấn đề cơ bản về chất lượng lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng, đồng thời đánh giá thực trạng, xác định nguyên nhân và kinh nghiệm; từ đó, tập thể tác giả đề xuất yêu cầu và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng hiện nay. Trong nội dung cuốn sách, tập thể tác giả xác định “Công tác tuyên truyền cần triển khai sát đối tượng, phù hợp với trình độ nhu cầu của từng đối tượng, đặc biệt quan tâm cán bộ hưu trí, cựu chiến binh; coi trọng đối thoại, thảo luận, trao đổi cung cấp thông tin hai chiều,... để nâng cao tính dân chủ, sức thuyết phục” [65, tr.170].

Bài viết *Một số bài học công tác tư tưởng trong thời kỳ đổi mới* (2020) của Đỗ Khánh Tặng [113]. Bài viết xác định vai trò quan trọng của công tác tư tưởng đối với sự nghiệp đổi mới đất nước và tổng kết những bài học quý báu về đổi mới công tác tư tưởng. Trong đó, thực hiện DCH trong công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng là một bài học quan trọng có ý nghĩa then chốt. Theo tác giả nói chung, chúng ta đã từng bước khắc phục căn bệnh áp đặt trong công tác tư tưởng gắn với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp; thực hiện nguyên tắc dân chủ trong công tác tư tưởng, thể hiện qua ba nội dung: *thứ nhất là tôn trọng các đối tượng của công tác tư tưởng; thứ hai là dân chủ trong lựa chọn phương pháp công tác tư tưởng; thứ ba là mở rộng các chủ thể làm công tác tư tưởng.*

Đề tài khoa học cấp cơ sở *Tuyên truyền miệng: Lý luận - Tổ chức - Phương pháp* (2021) của Lương Khắc Hiếu [76]. Về tính tương tác và khả năng thực hiện đối thoại trong tuyên truyền miệng, tác giả cho rằng bối cảnh giao tiếp trực tiếp tạo cho tuyên truyền miệng khả năng tương tác đa chiều, ngay tức thời giữa người nói - người nghe và giữa những người nghe với nhau. Trong các khả năng tương tác đó, đối thoại (bao gồm trao đổi, thảo luận, tranh luận, hỏi - đáp) là một ưu thế của tuyên truyền miệng và cần được phát huy, vận dụng trong bối cảnh bùng nổ thông tin và quá trình DCH ngày càng mở rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta hiện nay.

Sách chuyên khảo *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới* (2021) của tập thể tác giả Lương Ngọc Vĩnh (chủ biên), Ngô Văn Thạo và Nguyễn Chí Mỹ [151]. Cuốn sách đã khái quát hoá hệ thống lý luận về CTTT và đề cập một cách đầy đủ về CTTT trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đồng thời làm rõ các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả CTTT trong thời gian tới. Trong cuốn sách này, tập thể tác giả viết: “Để nhân dân trở thành chủ thể sáng tạo của hoạt động tuyên truyền, các phương tiện, công cụ tuyên truyền phải thuộc về nhân dân, do nhân dân lao động làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng, lấy những thành tựu thực tế mà nhân dân tạo ra trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng làm động lực mới của tuyên truyền... Để tuyên truyền trong dân nhân đạt hiệu quả, phải sử dụng các phương pháp tuyên truyền mang tính dân chủ như tuyên truyền miệng, đối thoại, tọa đàm...” [151; tr.69].

1.3. Các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền và dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đề cương tuyên truyền trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011 - 2015 (2011) của Ban Tuyên giáo

Trung ương và Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ [2]. Tài liệu trình bày khái quát tình hình về kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội,... của VDBSCL; về đặc điểm các dân tộc cơ bản (Kinh, Khmer, Hoa, Chăm) của Vùng. Đồng thời, Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ đánh giá về tình hình tôn giáo và quan hệ tôn giáo trên địa bàn; về chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ. Ngoài ra, tài liệu còn thể hiện những phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội Vùng giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

Luận án Tiến sĩ Khoa học chính trị *Công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay* (2012) của Đặng Trí Thủ [118]. Nội dung luận án là tổng quan công tác vận động đồng bào Khmer của các Đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Tây Nam Bộ. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác vận động đồng bào Khmer của các Đảng bộ xã, phường, thị trấn ở các tỉnh Tây Nam Bộ đến năm 2020.

Luận án Tiến sĩ Chính trị học *Xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị của các trường chính trị tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* (2017) của Bùi Hải Dương [52]. Kết quả luận án là nội dung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị của các trường chính trị tỉnh, thành phố VDBSCL và những quan điểm, giải pháp nhằm tiếp tục xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị đảm bảo về số lượng và chất lượng của các trường chính trị tỉnh, thành phố của Vùng.

Cuốn sách *Công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay* (2019) của Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ [3]. Nội dung cuốn sách là tổng hợp các bài viết về quan điểm, đường lối của Đảng và lý luận chung về CTTT; kinh nghiệm CTTT trong đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ nói chung và kinh nghiệm CTTT trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ nói riêng.

Với tài liệu này, tác giả kế thừa có chọn lọc về cơ sở lý luận và thực tiễn, nhất là nét đặc thù của vùng đồng bào dân tộc Khmer trong CTMT ở thành phố Cần Thơ nói riêng và ở VDBSCL nói chung.

Cuốn sách *Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay* (2021) của tập thể tác giả Trần Việt Trường và Nguyễn Ngọc Quy chủ biên [144]. Nội dung cuốn sách là tập hợp những tài liệu về cơ sở lý luận của CTMT, kinh nghiệm CTMT trong đồng bào dân tộc Khmer ở VDBSCL; đồng thời, phân tích vị trí, vai trò và thực chất, thực trạng của CTMT trong đồng bào dân tộc Khmer ở thành phố Cần Thơ. Đây là tài liệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên quan trực tiếp đến nội dung luận án của tác giả.

Ngoài ra, nghiên cứu về CTMT ở VDBSCL còn có một số công trình khác như: Luận văn Thạc sĩ *Đổi mới phương pháp công tác tuyên truyền của Đảng bộ thành phố Bến Tre hiện nay* (2014) của Lê Thị Hồng Duyên, chuyên ngành Công tác tư tưởng, Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Luận văn Thạc sĩ *Công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của Đảng bộ huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng hiện nay* (2017) của Lê Thanh Vị, chuyên ngành Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Luận văn Thạc sĩ *Chất lượng công tác tuyên truyền miệng của các Đảng bộ huyện ở tỉnh Đồng Tháp giai đoạn hiện nay* (2018) của Mai Ngọc Minh Phúc, chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Luận văn Thạc sĩ *Công tác tư tưởng của các Đảng bộ huyện ở tỉnh Kiên Giang giai đoạn hiện nay* (2019) của Lâm Thanh Dạng, chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Bài viết *Sóc Trăng: Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết 68 của Chính phủ* (2021) của Hoàng Cảnh, Tạp chí Lao động và Xã hội, số 654;...

Một số công trình nghiên cứu tiêu biểu đề cập đến vấn đề dân chủ trong CTMT ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Luận án Tiến sĩ Chính trị học *Chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* (2016) của Nguyễn Văn Út [147]. Trong luận án, tác giả trình bày những vấn đề lý luận về chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; phân tích, đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế, yếu kém về chất lượng giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở VĐBSCL; xác định những vấn đề đặt ra và đề xuất một số phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của Vùng. Theo tác giả, để đạt chất lượng, hiệu quả cao, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở VĐBSCL phải “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, phương thức giáo dục chính trị - tư tưởng để đáp ứng yêu cầu của đối tượng giáo dục ngày càng cao là rất cần thiết. Đổi mới theo hướng tăng cường thông tin hai chiều, đối thoại. Nội dung phong phú, gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương.... Hình thức, phương pháp cần đa dạng, phù hợp từng nhóm đối tượng” [147; tr.154].

Bài viết *Tăng cường công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới* (2016) của Trần Bình Trọng [142]. Nội dung trọng tâm bài viết là các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền miệng; cụ thể như: nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp về công tác tuyên truyền miệng; tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên; nâng cao chất lượng điều tra, nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền miệng; đặc biệt là tăng cường đối thoại, phát huy dân chủ, nắm bắt nhu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm giải đáp kịp thời những vấn đề nảy sinh tại địa phương, đơn vị.

Luận án Chính trị học *Chất lượng hoạt động của báo cáo viên vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* (2018) của Phạm Tuyết Lê [88]. Tác giả

đi sâu phân tích những vấn đề lý luận về chất lượng hoạt động báo cáo viên; khảo sát, đánh giá thực trạng và xác định những vấn đề đặt ra về chất lượng hoạt động báo cáo viên VĐBSCL; từ đó, đề xuất những phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động báo cáo viên VĐBSCL giai đoạn hiện nay. Trong luận án, tác giả đã xác định một trong những vấn đề đặt ra đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động báo cáo viên của Vùng là “Sự phát triển của dân chủ hóa trong hoạt động thông tin yêu cầu phải đổi mới, tăng cường đối thoại, đáp ứng nhu cầu thông tin của đối tượng tuyên truyền; trong khi đó, nội dung và phương thức hoạt động của báo cáo viên còn chậm đổi mới, chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra” [88; tr.129].

1.4. Nhận định về các công trình đã khảo cứu và hướng nghiên cứu tiếp tục

1.4.1. Nhận định về các công trình đã khảo cứu

Theo tìm hiểu, nghiên cứu của tác giả, trong thời gian qua, có khá nhiều công trình nghiên cứu về dân chủ, về CTMT, về dân chủ trong CTMT. Mặc dù những vấn đề này đã được các nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách trong và ngoài nước tiếp cận, nghiên cứu với những góc độ khác nhau nhưng nhìn chung các công trình nghiên cứu có những đặc điểm sau đây:

Đối với các công trình nghiên cứu về dân chủ: Các công trình nghiên cứu đều khẳng định dân chủ là hiện tượng lịch sử xã hội gắn liền với sự tồn tại và phát triển của đời sống con người; đó là một quá trình lịch sử rất dài, được các nhà nghiên cứu tiếp cận với sự đa diện, đa chiều. Các tác giả đã nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận chung về dân chủ như: lịch sử hình thành dân chủ, khái niệm dân chủ, khái niệm và các đặc trưng của ĐCSHCN; những cơ sở kinh tế - xã hội của sự hình thành dân chủ, những nhu cầu và đòi hỏi về dân chủ của nhân dân, cũng như bản chất, đặc trưng và những chức năng cơ bản của dân chủ trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại; cơ chế thực hiện dân chủ; các khía cạnh lý luận và thực tiễn của *Quy chế dân chủ ở cơ sở*, *Pháp*

lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; mối quan hệ giữa dân chủ và pháp luật;... Đồng thời, do nhận thức được tầm quan trọng dân chủ trong công cuộc đổi mới đất nước, các tác giả cũng đã phân tích rõ vai trò, vị trí, ý nghĩa của dân chủ; đánh giá thực trạng, chỉ ra nguyên nhân thực trạng và xác định những vấn đề đặt ra; từ đó, đưa ra các giải pháp phát huy DCXHCN ở nước ta trong thời gian tới, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là những tài liệu tham khảo hữu ích đối với tác giả khi nghiên cứu, luận bàn đến nội hàm và bản chất của vấn đề dân chủ nói chung và dân chủ trong CTTT nói riêng.

Đối với các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền: Các công trình nghiên cứu đều khẳng định CTTT là một trong ba bộ phận của công tác tư tưởng, có vai trò quan trọng trong việc phổ biến, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thành tựu, hạn chế trong công cuộc đổi mới đất nước,... nhằm củng cố, bồi dưỡng niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vào con đường CNXH; làm cho họ ý thức được quyền và trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Qua các công trình nghiên cứu, các tác giả đã luận giải những vấn đề lý luận CTTT như: quan niệm, yêu cầu, nội dung, phương pháp, hình thức CTTT của Đảng; trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện CTTT trên phạm vi cả nước nói chung và ở các địa phương nói riêng. Từ đó, các tác giả đề xuất những giải pháp cơ bản, thiết thực nhằm ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT của Đảng ta, nhất là trong bối cảnh hiện nay.

Đối với các công trình nghiên cứu về dân chủ trong công tác tuyên truyền: Mặc dù vẫn chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu, chưa đề cập trực tiếp và thật sự đầy đủ, rõ ràng về dân chủ trong CTTT; nhưng đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu chỉ rõ khía cạnh bản chất của vấn đề dân chủ trong CTTT, đó là phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của chủ thể và đối

tượng tuyên truyền trong việc xác định nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền sao cho sát hợp với thực tiễn tình hình. Đáng chú ý là Luận văn Thạc sĩ *Nâng cao hiệu quả thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam* của Nguyễn Thị Thu Hoài và một số bài viết như: *Đối thoại và văn hoá đối thoại*, *Đối thoại trong tuyên truyền miệng* của Lương Khắc Hiếu; *Một số bài học công tác tư tưởng trong thời kỳ đổi mới* của Đỗ Khánh Tăng;...

Đối với các công trình nghiên cứu về công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã khái quát, phân tích, đánh giá và đề ra giải pháp đối với các yếu tố cấu thành CTTT, nhất là đối với chủ thể và đối tượng tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VDBSCL. Đặc biệt là, hai cuốn sách: *Công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay* của Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ và *Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay* của Trần Việt Trường, Nguyễn Ngọc Quy (chủ biên), đã khái quát hoá cơ sở lý luận và phân tích thực tiễn CTTT đối với đồng bào dân tộc Khmer ở VDBSCL nói chung và ở thành phố Cần Thơ nói riêng; từ đó đề ra những giải pháp sát hợp với thực tiễn, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT trong vùng đồng bào dân tộc Khmer ở VDBSCL trong thời gian tới.

Đối với các công trình nghiên cứu về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Vấn đề dân chủ trong CTTT ở VDBSCL mới chỉ được các nhà khoa học đề cập trong các công trình nghiên cứu ở những mức độ nhất định, phản ánh một cách khái quát; chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề dân chủ trong CTTT của Vùng. Tiêu biểu là bài viết *Tăng cường công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới* của Trần Bình Trọng và luận án Chính trị học *Chất lượng hoạt động của báo cáo viên vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* của Phạm Tuyết Lê.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu phần nào cho chúng ta thấy được vai trò quan trọng của việc thực hiện dân chủ trong CTTT nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT. Đây là những nội dung quan trọng, gợi ý cho tác giả luận án nghiên cứu đề tài sát hợp với điều kiện thực tế của VDBSCL. Do vậy, lựa chọn đề tài “Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, tác giả luận án tiếp thu những kết quả nghiên cứu của những tác giả đi trước; đồng thời, hệ thống, khái quát và bổ sung thêm những ý kiến, đề xuất để làm sáng rõ hơn vấn đề; góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT ở VDBSCL nói riêng và trên cả nước nói chung.

1.4.2. Một số hướng nghiên cứu tiếp theo về dân chủ trong công tác tuyên truyền và định hướng nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về dân chủ, lý luận và thực tiễn của CTTT, có thể nêu một số định hướng nghiên cứu về dân chủ trong CTTT ở nước ta như sau:

Một là, nghiên cứu bản chất của dân chủ trong CTTT và những biểu hiện của dân chủ trong từng yếu tố cấu thành CTTT như chủ thể, đối tượng, mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và hiệu quả.

Hai là, nghiên cứu về dân chủ trong lãnh đạo, quản lý CTTT; trong hoạt động tham mưu, chỉ đạo, kiểm tra CTTT; trong tổ chức thực hiện CTTT.

Ba là, nghiên cứu về dân chủ trong CTTT đối với từng nhóm đối tượng, đối với từng địa bàn (địa phương, vùng miền).

Bốn là, nghiên cứu mối quan hệ biện chứng, sự tác động qua lại giữa dân chủ trong CTTT và dân chủ trong các bộ phận khác của công tác tư tưởng như công tác lý luận và công tác cổ động.

Năm là, nghiên cứu ở cấp độ lý luận, cấp độ thực tiễn, nghiên cứu thực trạng và quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của các vấn đề trên.

Từ những định hướng trên và từ tính cấp thiết của đề tài luận án, luận án “Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay” dự định nghiên cứu những vấn đề trọng tâm như sau:

Một là, dựa trên cơ sở lý luận của các công trình nghiên cứu về dân chủ, về CTTT, luận án tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về dân chủ trong CTTT, cụ thể là xây dựng khái niệm dân chủ trong CTTT; làm rõ nội dung dân chủ trong CTTT; đồng thời phân tích những yếu tố tác động và sự cần thiết phải phát huy dân chủ trong CTTT ở nước ta hiện nay.

Hai là, trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về dân chủ trong CTTT của Đảng, luận án nghiên cứu, khảo sát, tổng hợp và phân tích, đánh giá thực trạng của dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL hiện nay với những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân. Đồng thời, luận án xác định những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết đối với quá trình thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL hiện nay.

Ba là, từ những thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong CTTT ở VĐBSCL hiện nay, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy hơn nữa dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL thời gian tới để ngày càng nâng cao hiệu quả và chất lượng CTTT của Vùng, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Với các nội dung tiếp cận như trên, tác giả mong muốn luận án sẽ đóng góp, bổ sung và phát triển các kết quả nghiên cứu đã có về mặt lý luận cũng như thực tiễn về vấn đề thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL. Đó cũng chính là điểm mới của luận án đối với vấn đề nghiên cứu.

Tiểu kết chương 1

Do tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn của vấn đề dân chủ trong cách mạng XHCN nói chung, dân chủ trong CTTT nói riêng, nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong, ngoài nước đã quan tâm nghiên cứu chủ đề này và đạt được những kết quả quan trọng mà đề tài luận án có thể sử dụng như là cơ sở lý luận của quá trình nghiên cứu. Những kết quả nghiên cứu về bản chất, nội dung, hình thức, biểu hiện của dân chủ và quá trình thực hiện dân chủ ở các

lĩnh vực của đời sống xã hội trong tiến trình cách mạng XHCN thực sự là những căn cứ lý luận, thực tiễn cho quá trình tiếp cận bản chất, nội dung, hình thức, đặc điểm dân chủ trong CTMT ở nước ta.

Tuy nhiên, do tính chất chuyên sâu trong chủ đề nghiên cứu của luận án, theo đó là những khó khăn của quá trình nghiên cứu, đề tài này chưa được giới khoa học nước ta nghiên cứu nhiều, chưa được các cơ quan, các nhà hoạt động thực tiễn trong CTMT quan tâm tổng kết, đánh giá. Chính vì vậy, vấn đề dân chủ trong công tác tư tưởng nói chung, dân chủ trong các mặt của công tác tư tưởng, trong đó có CTMT nói riêng còn một khoảng trống khá lớn mà giới khoa học nước ta và các cấp uỷ, chính quyền, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ tư tưởng, cán bộ tuyên truyền cần quan tâm nghiên cứu lấp dần khoảng trống đó. Luận án ***“Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”*** là một cố gắng của tác giả trong việc đồng hành cùng giới khoa học và thực tiễn nước ta từng bước tiếp cận và có những đóng góp khoa học nhất định cho việc nghiên cứu đầy đủ hơn, toàn diện hơn, sâu sắc hơn vấn đề quan trọng về lý luận và cấp thiết về thực tiễn trên đây.

Chương 2

DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Quan niệm và nội dung dân chủ trong công tác tuyên truyền

2.1.1. Quan niệm về công tác tuyên truyền và dân chủ trong công tác tuyên truyền

2.1.1.1. Quan niệm về tuyên truyền và công tác tuyên truyền

- *Quan niệm về tuyên truyền:*

Theo một số tài liệu nghiên cứu, cách đây trên 400 năm, thuật ngữ “tuyên truyền” xuất hiện và được các nhà truyền giáo thời La Mã sử dụng để thuyết phục, lôi kéo những người khác tin và theo đạo Kitô. Trong tiếng La tinh “tuyên truyền” (propaganda) có nghĩa là truyền bá, truyền đạt một quan điểm nào đó. Sau đó, thuật ngữ “tuyên truyền” được sử dụng một cách rộng rãi với mục đích biểu đạt các hoạt động cụ thể với việc sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, đạo cụ,... để tác động đến suy nghĩ, tư tưởng và định hướng hành động của người khác theo một khuynh hướng nhất định. Cho đến nay, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu trên thế giới có nhiều quan niệm khác nhau về tuyên truyền.

Ở Mỹ, các nhà khoa học cho rằng tuyên truyền là hoạt động truyền thông có sử dụng kỹ thuật thuyết phục, nhằm làm cho đối tượng tuyên truyền có phản hồi theo mong muốn của người tuyên truyền. Theo Richard C.Vincent, “Tuyên truyền là việc sử dụng các kênh truyền thông, thông qua kỹ thuật thuyết phục và gây ảnh hưởng nhằm hình thành hay thay đổi dư luận xã hội” [158, tr.233]. R.A.Nelson cho rằng “tuyên truyền được định nghĩa một cách trung tính là một dạng thuyết phục chủ đích có hệ thống nhằm tác động đến cảm xúc, thái độ, ý kiến và hành động của một nhóm công chúng mục tiêu xác định vì mục đích tư tưởng, chính trị hay thương mại” [155, tr.103].

Ở Liên Xô, các nhà khoa học quan niệm tuyên truyền là giải thích, phổ biến một tư tưởng, học thuyết, lý luận chính trị nhất định nào đó cho các đối

tượng là quần chúng nhân dân [103, tr.793]. Trong *Đại từ điển Bách khoa Liên Xô*, thuật ngữ “tuyên truyền” được hiểu theo 2 nghĩa như sau: *Theo nghĩa rộng*, tuyên truyền là sự truyền bá những quan điểm, tư tưởng về chính trị, triết học, khoa học, nghệ thuật,... nhằm phổ biến quan điểm, tư tưởng ấy thành ý thức xã hội, thành hành động cụ thể của quần chúng; *Theo nghĩa hẹp*, tuyên truyền là truyền bá những quan điểm lý luận nhằm xây dựng cho quần chúng một thế giới quan nhất định phù hợp với lợi ích của chủ thể tuyên truyền và kích thích những hoạt động thực tế phù hợp với thế giới quan ấy [83, tr.1].

Theo *Từ điển Hán - Việt*, “tuyên” có nghĩa là tản khắp mọi nơi; “truyền” có nghĩa là đem của người này trao cho người khác [85, tr.494]. *Đại Từ điển Tiếng Việt* viết rằng: “tuyên truyền” có nghĩa là “giải thích rộng rãi để thuyết phục, vận động mọi người làm theo” [153, tr.1700]. Hồ Chí Minh thì nói một cách giản dị, mộc mạc: “Tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm” [94, tr.191]. Theo tác giả Lưu Trần Toàn, tuyên truyền là “hoạt động mang tính thuyết phục có chủ đích để chuyển tải, cung cấp, chia sẻ quan điểm, tư tưởng, tri thức, kinh nghiệm về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, nghệ thuật nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng” [140, tr.11].

Tựu trung, *tuyên truyền là một hoạt động xã hội đặc biệt, mang tính thuyết phục có chủ đích nhằm phổ biến, giải thích một học thuyết, một tư tưởng, một quan điểm,... hướng tới hình thành, củng cố ở đối tượng một thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức hệ nhất định và kích thích, cổ vũ hành động của đối tượng phù hợp với thế giới quan, nhân sinh quan, ý thức hệ ấy.*

- *Quan niệm về công tác tuyên truyền:*

Theo *Đại Từ điển tiếng Việt*, “công tác” có nghĩa là công việc của cơ quan nhà nước hoặc của đoàn thể, tổ chức xã hội [153, tr.384]. Do vậy, CTTT có nghĩa là hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước hoặc của đoàn thể, tổ chức xã hội nhằm truyền bá những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đến đối

tượng, biến những kiến thức, giá trị tinh thần đó thành nhận thức, niềm tin, tình cảm của đối tượng, thôi thúc đối tượng hành động theo những định hướng, những mục tiêu do chủ thể tuyên truyền đặt ra.

Tác giả Lương Khắc Hiếu cho rằng: “Công tác tuyên truyền là hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những tinh hoa văn hoá của dân tộc và nhân loại... làm cho chúng trở thành nhân tố chi phối, thống trị trong đời sống tinh thần của xã hội; động viên, cổ vũ tính tích cực, tự giác, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [75, tr.54-55].

Theo tác giả Trần Thị Anh Đào, “Công tác tuyên truyền nhằm truyền bá và giải thích sâu rộng trong quần chúng nhân dân hiểu rõ lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản, trang bị cho quần chúng nhân dân tri thức về các quy luật phát triển của xã hội, trên cơ sở đó xây dựng niềm tin vào lý tưởng cộng sản và nâng cao tính tích cực, sáng tạo của quần chúng trong cuộc đấu tranh xây dựng xã hội mới” [64, tr.24].

Tác giả Lê Mai Trang quan niệm “Công tác tuyên truyền của Đảng là hoạt động truyền bá hệ tư tưởng của Đảng, là hoạt động vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu, lý tưởng của Đảng” [141, tr.25].

Như vậy, *công tác tuyên truyền là một bộ phận cấu thành công tác tư tưởng nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những tinh hoa văn hoá của dân tộc, nhân loại đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nhằm tạo nên sự thống nhất nhận thức, ý chí và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện thắng lợi mục tiêu, lý tưởng của Đảng.*

Khi xem xét như một hoạt động, CTTT bao gồm những yếu tố cơ bản sau: chủ thể, đối tượng, mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và hiệu quả. Cụ thể như sau:

Chủ thể CTTT là những giai cấp, những tổ chức, những cộng đồng xã hội mà lợi ích của họ gắn liền với các hoạt động tuyên truyền. Chủ thể CTTT là toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và cán bộ tuyên truyền (bao gồm cán bộ chuyên trách và cán bộ bán chuyên trách). Nói cách khác, chủ thể công tác tuyên truyền bao gồm: (1) Chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý: Chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo là các tổ chức đảng, các cấp uỷ đảng từ trung ương đến cơ sở, từ Ban Chấp hành Trung ương đến chi uỷ, chi bộ; Chủ thể quản lý là Nhà nước, là người đứng đầu cơ quan nhà nước, là thủ trưởng một cơ quan, đơn vị; (2) Chủ thể có chức năng tham mưu, giúp cấp uỷ, các đoàn thể nhân dân và chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ đạo, kiểm tra CTTT: cơ quan tuyên giáo các cấp, các ngành; các cơ quan, bộ phận trực thuộc hệ thống chính quyền nhà nước như ngành thông tin - truyền thông, ngành văn hoá - thể thao - du lịch; (3) Chủ thể tác chiến (chủ thể trực tiếp tiến hành tuyên truyền) là những người, những lực lượng, những tổ chức trực tiếp thực hiện các mặt, các lĩnh vực hoạt động của CTTT.

Đối tượng CTTT là những người, những nhóm người (cộng đồng, giai cấp, dân tộc, quốc gia, toàn nhân loại) chịu sự tác động về mặt tư tưởng của chủ thể. Ở nước ta, đối tượng chủ yếu của CTTT là cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân và những lực lượng xã hội tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đất nước. Trong quá trình thực hiện CTTT, mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân vừa là đối tượng tuyên truyền, vừa là chủ thể truyền truyền.

Mục đích CTTT là sự phản ánh những kết quả mong muốn đạt tới; là sự dự báo trước về sản phẩm tương lai của hoạt động tuyên truyền. Ở nước ta, CTTT có mục đích là trang bị những kiến thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền tảng tư tưởng, về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; trên

cơ sở đó hình thành cho họ niềm tin và tính tích cực, tự giác trong hành động thực tiễn nhằm hiện thực hóa mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Nội dung CTTT là những gì mà chủ thể truyền bá, phổ biến đến đối tượng nhằm thực hiện mục đích đặt ra. Nội dung tuyên truyền do đối tượng, mục đích CTTT và nhiệm vụ cụ thể của mỗi giai đoạn cách mạng quy định. Nội dung của CTTT hiện nay là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; những tinh hoa văn hoá của dân tộc và nhân loại; tình hình quốc tế và trong nước; kết quả, thành công của công cuộc đổi mới ở nước ta;...

Phương pháp CTTT là các con đường, cách thức mà chủ thể sử dụng để truyền đạt và đối tượng sử dụng để lĩnh hội, tiếp nhận nội dung nhằm đạt được mục đích đặt ra. Phương pháp CTTT có nhiều loại tùy theo cách phân chia. Người ta thường phân thành: nhóm phương pháp tuyên truyền bằng lời nói (bài giảng, báo cáo chuyên đề, thuyết trình, đối thoại, đàm thoại, kể chuyện, nói chuyện thời sự, trao đổi, tranh luận, hỏi - đáp,...); nhóm phương pháp tuyên truyền trực quan (sử dụng biểu đồ, bản đồ, đồ thị, niên biểu,...); nhóm phương pháp thực tiễn (tham quan, nêu gương, tổng kết điển hình tiên tiến,...).

Hình thức CTTT là biểu hiện bề ngoài của nội dung, là hình thức tổ chức hoạt động truyền bá và tiếp nhận nội dung của chủ thể và đối tượng. Hình thức công tác tuyên truyền rất đa dạng và phong phú; cụ thể như: tuyên truyền miệng; tuyên truyền thông qua sử dụng hệ thống thông tin đại chúng, tuyên truyền thông qua hoạt động thư viện, sách báo, tranh ảnh, nhà văn hóa, câu lạc bộ; tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức lễ hội truyền thống; tuyên truyền thông qua các hoạt động tham quan thực tế, báo cáo điển hình, học tập gương người tốt, việc tốt;...

Phương tiện CTTT là những vật mang nội dung, phương pháp tác động tư tưởng, là những công cụ của chủ thể và công cụ mà nhờ đó đối tượng tiếp nhận, lĩnh hội nội dung.

Hiệu quả CTTT là sự so sánh giữa kết quả mà CTTT đạt được với mục đích của CTTT được đặt ra trong một điều kiện xã hội nhất định và với một chi phí nhất định. Hiệu quả CTTT là yếu tố điều chỉnh, là kênh thông tin phản hồi, là kết quả của chu trình tác động tư tưởng này nhưng lại là xuất phát điểm của chu trình tác động mới, tiếp theo.

Nghiên cứu về dân chủ trong CTTT cần nghiên cứu, làm rõ những biểu hiện đa dạng và đặc thù của dân chủ trong từng yếu tố và trong cơ chế vận hành của tất cả các yếu tố cấu thành CTTT.

2.1.1.2. Quan niệm về dân chủ và dân chủ trong công tác tuyên truyền

- Quan niệm về dân chủ

Dân chủ là khái niệm xuất hiện khi con người sống thành xã hội, do hành động của cá nhân này có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến phúc lợi của các cá nhân khác. Theo tiếng Hy Lạp cổ, dân chủ là do hai từ “demos” (nhân dân) và “kratos” (quyền lực) hợp thành. Do vậy, dân chủ (demokratos) được hiểu là nhân dân cai trị và sau này được các nhà chính trị quan niệm dân chủ là quyền lực của nhân dân hay quyền lực thuộc về nhân dân. Theo *Từ điển Chính trị*, dân chủ là “hình thức chính trị dựa trên cơ sở công nhận những nguyên tắc về quyền lực nhân dân, quyền tự do và bình đẳng của công dân” [103, tr.92]. Theo *Đại Từ điển tiếng Việt*, dân chủ có hai nghĩa: *thứ nhất*, dân chủ “có tính chất của chế độ dân chủ, nhằm thực hiện chế độ dân chủ; *thứ hai*, dân chủ là (phương thức công tác) “quyền tham gia, bàn bạc vào công việc chung, được tôn trọng quyền lợi của từng thành viên trong xã hội” [153, tr.398].

Quan niệm thực sự khoa học về dân chủ lần đầu tiên được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nêu ra. C. Mác chủ trương xây dựng một chế độ dân chủ triệt để với quan niệm dân chủ là “do nhân dân tự quy định”. V.I.Lênin cho rằng: “Dân chủ là tự do, là bình đẳng, là quyết định của đa số” [87, tr.414]; đồng thời khẳng định “chế độ dân chủ” là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước, trong đó thừa nhận sự tham

gia của đông đảo quần chúng nhân dân vào công việc quản lý nhà nước. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng khẳng định, trong xã hội có giai cấp, dân chủ bao giờ cũng biểu hiện tính giai cấp rõ rệt, đại biểu cho lợi ích giai cấp, là công cụ, phương tiện của giai cấp thống trị.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, các thời đại lịch sử và các chế độ xã hội kế tiếp nhau, thay thế nhau một cách hợp lý là do sự tác động của quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Đấu tranh cho các quyền dân sinh, dân chủ trong chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến và chủ nghĩa tư bản đã có tác dụng tích cực thúc đẩy sự hoàn thiện xã hội và giải phóng con người. Với tư cách là một hình thái nhà nước, một chế độ chính trị thì trong lịch sử có ba chế độ (nền) dân chủ: (1) Nền dân chủ chủ nô, gắn với chế độ chiếm hữu nô lệ; (2) Nền dân chủ tư sản, gắn với chế độ TBCN; (3) Nền DCXHCN, gắn với chế độ XHCN. Trong đó, DCXHCN là nền dân chủ mà mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền XHCN, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các quan điểm về dân chủ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng:

Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương đều do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân [92, tr.19].

Trong nhận thức và quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định dân làm chủ đất nước, dân là chủ. Do đó, nguyên tắc quan trọng nhất trong xây dựng, tổ chức thực hiện dân chủ là để người dân tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội một cách đầy đủ và thực sự.

Trong giai đoạn hiện nay, để hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, Đảng ta nhận thức và quán triệt ngày càng sâu sắc về tầm quan trọng của việc phát huy DCXHHCN. Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Đảng ta khẳng định:

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực [55, tr.84-85].

Điều đó được khẳng định lại trong *Hiến pháp năm 2013*: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân” [105]. Do đó, phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ” [56, tr. 173] là quan điểm bất di, bất dịch của ĐCSVN.

Dân chủ là nguyện vọng, khát vọng sống của con người. Nó phản ánh sự ý thức về quyền làm chủ và tự do trong các quan hệ xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Quyền lực này bao quát một phạm vi rất rộng, bao gồm quyền dân chủ là quyền tham gia quản lý xã hội, quyền tự khẳng định vai trò và trách nhiệm làm chủ của người dân với tư cách người chủ xã hội và nhân dân đóng vai trò người chủ trong hoạt động xã hội. Đó là: quyền được cung cấp thông tin; quyền được trao đổi, thảo luận, tranh luận; quyền được quyết định; và quyền tham gia của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào các hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đối với các vấn đề của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Khảo sát, nghiên cứu, phân tích, tham khảo các quan niệm về dân chủ cho thấy, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu tiếp cận dân chủ từ nhiều góc độ, nhiều phương diện: (1) Tiếp cận dân chủ như là quyền lực của nhân dân (Triết

học, Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Luật học); (2) Tiếp cận dân chủ như là một hình thái nhà nước (Triết học, Chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Luật học); (3) Tiếp cận dân chủ như là một nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội (Khoa học xây dựng Đảng); (4) Tiếp cận dân chủ như là một phương pháp quản lý xã hội, quản trị xã hội (Khoa học quản lý) hay như một phong cách giao tiếp, phong cách công tác (Tâm lý học, Khoa học quản lý) hay như một cơ chế vận hành của tổ chức, thiết chế xã hội.

Ở góc độ khoa học công tác tư tưởng, dân chủ cần thiết phải tiếp cận từ nhiều phương diện: Dân chủ như quyền của các chủ thể trong CTTT; dân chủ như một nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cơ chế vận hành của hệ thống CTTT; dân chủ như một phong cách, một phương pháp công tác.

- Quan niệm về dân chủ trong CTTT

Các nhà kinh điển mácxít đã khẳng định dân chủ có vai trò rất quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng. Trong CTTT, dân chủ là vấn đề rất cần thiết trong việc truyền bá hệ tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Tuy các nhà mácxít không trực tiếp bàn đến vấn đề dân chủ trong CTTT nhưng nhiều bài viết, bài báo của họ ít nhiều có đề cập đến vấn đề này.

Dân chủ trong CTTT có nhiều nội dung, trong đó một nội dung quan trọng được thể hiện là mọi người thuộc các tầng lớp khác nhau trong xã hội đều có quyền tự do trình bày quan điểm của mình. Khi phê phán chế độ DCTS, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra nhận định, đến một lúc nào đó, khi nhu cầu dân chủ lên cao, dân chủ vô sản thắng thế thì “chúng ta đều có khả năng bày tỏ quan điểm của mình trên một tờ báo Luân Đôn nào đó” [91, tr.554] và C.Mác cho rằng “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” [90, tr.628]. Kế thừa tư tưởng đó,

V.I. Lênin viết: “Mỗi cá nhân có quyền tự do viết và nói lên tất cả những điều họ muốn, không có một chút hạn chế nào” [86, tr.125].

Tiếp thu những luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề này, trong suốt quá trình hoạt động và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc đảm bảo dân chủ trong công tác tư tưởng nói chung và CTMT nói riêng; đó cũng là một trong những yếu tố quan trọng phản ánh chất lượng dân chủ của một chế độ xã hội. Người cho rằng hoạt động tuyên truyền thực sự dân chủ phải là hoạt động mà ở đó biện luận và tranh luận được phát huy cao nhất. Với Người, tranh luận, biện luận không phải là nói gàn, cãi cò, mà phải trên cơ sở văn hoá tranh luận; “Trong lúc thảo luận, mọi người được hoàn toàn tự do phát biểu ý kiến, dù đúng hoặc không đúng cũng vậy. Song không được nói gàn, nói vòng quanh. Những kết luận trong cuộc thảo luận phải có cấp trên duyệt y mới là chính thức” [94, tr.272].

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta nhấn mạnh “Việc giải thích đường lối không dừng lại ở những điểm chung. Phải chứng minh bằng những luận cứ khoa học và bằng thực tế sinh động, giúp cho mọi người hiểu rõ, hiểu sâu đường lối của Đảng; gắn chặt việc làm thấu suốt đường lối của Đảng với việc giải thích các chính sách cụ thể của Nhà nước” [54, tr.33]. Tính dân chủ còn được thể hiện ở chỗ là Đảng không những phải biết cách nói cho dân nghe, tuyên truyền, giảng giải cho dân hiểu, thuyết phục dân, mà còn phải biết lắng nghe dân nói, đối thoại dân chủ với các tầng lớp nhân dân, hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giúp dân giải quyết các vướng mắc của mình. Đồng thời, cán bộ làm CTMT phải biết học tập quần chúng để phát huy sáng kiến của các tầng lớp nhân dân nhằm biến công việc của Đảng thực sự là công việc của nhân dân.

Từ những quan niệm và cách tiếp cận đã nêu trên, có thể hiểu *Dân chủ trong CTMT là quyền được cung cấp thông tin, quyền thảo luận - tranh luận, quyền quyết định và quyền tham gia của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào các*

quá trình, các hoạt động và sự vận hành của các yếu tố cấu thành CTTT, từ lãnh đạo, quản lý đến tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả CTTT. Dân chủ trong CTTT bảo đảm cho chủ thể và đối tượng tuyên truyền thể hiện, thực hiện tính chủ động, tự giác, sáng tạo của mình trong việc truyền bá, giáo dục và tiếp thu, lĩnh hội chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Dân chủ trong CTTT là tôn trọng và đặt đúng vị trí đối tượng, xây dựng và phát triển các chủ thể CTTT; xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền phù hợp với tình hình thực tiễn; lựa chọn và sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền sát hợp với đặc điểm đối tượng cũng như hoàn cảnh, thời điểm cụ thể; đánh giá CTTT phải thật sự khách quan.

2.1.2. Nội dung dân chủ trong công tác tuyên truyền

2.1.2.1. Dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác tuyên truyền

- Dân chủ trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với CTTT

Lãnh đạo CTTT là lãnh đạo việc phổ biến, truyền bá đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống, thông tin kịp thời tình hình thời sự, chính trị..., định hướng tư tưởng trước các sự kiện tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, tâm trạng và hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân. Hoạt động lãnh đạo của Đảng dựa trên cơ sở dân chủ, bao chứa nội dung dân chủ sẽ đảm bảo cho CTTT đạt hiệu quả cao. Để đảm bảo dân chủ và nhằm mục đích phát huy dân chủ, chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo CTTT cần được xây dựng dựa trên những yêu cầu sau:

Một là, xuất phát từ tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tính dân chủ trong hoạt động lãnh đạo của Đảng đối với CTTT được thể hiện trước hết qua việc xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT ở từng giai đoạn cách mạng, từng thời điểm cụ thể. Để xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT, cấp uỷ các cấp không

chỉ dựa trên cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng về ổn định chế độ chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, mở rộng hội nhập quốc tế; dựa trên lợi ích của nhân dân, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng... mà còn phải căn cứ vào đặc điểm, nhu cầu thông tin của đối tượng tuyên truyền và tình hình thực tiễn ở mỗi giai đoạn cụ thể của đất nước, từng khu vực, từng địa phương; thường xuyên tham khảo kết quả các cuộc điều tra thăm dò dư luận xã hội để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng cũng như nhu cầu, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cấp uỷ các cấp phải có sự nhạy cảm, mẫn cảm và phải quan tâm đầy đủ đến dư luận cũng như nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong CTTT để soạn thảo, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, nhất là những vấn đề có quan hệ đến lợi ích thiết thân của mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp.

Hai là, bảo đảm quyền của nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT. Trong quá trình xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo đối với CTTT, cấp uỷ cần phát huy trí tuệ tập thể đảng viên, lấy ý kiến của các đảng viên trong Đảng; đồng thời tổ chức lấy ý kiến của nhân dân, bởi vì “Không học hỏi dân thì không lãnh đạo được dân” [95, tr.432]. Cấp uỷ các cấp có ý thức trách nhiệm đầy đủ giải quyết những yêu cầu chính đáng của nhân dân trong CTTT theo hướng dựa vào nhân dân, lắng nghe ý kiến những người trung thực, thông tin cho nhân dân những gì nhân dân cần biết; từ đó mà cùng bàn, cùng giải quyết tại cơ sở một cách có lý có tình, trong trật tự và đúng luật pháp những vấn đề nảy sinh từ cơ sở. Trong tuyên truyền, việc thảo luận, tranh luận, phê phán, phản biện là rất quan trọng và cần thiết; có như vậy, vấn đề mới được sáng rõ, mới mang lại hiệu quả cao nhất trong CTTT. Với mục đích phát huy trí tuệ trong hoạt động lãnh đạo CTTT, cán bộ, đảng viên, nhân dân khi trình bày suy nghĩ của mình cần thể hiện cao tinh thần trách nhiệm, thái độ xây dựng, không chỉ phê phán mà quan trọng là phải tích cực

đóng góp ý kiến, kinh nghiệm và tham gia vào việc giải quyết những vấn đề cuộc sống đặt ra.

Ba là, dân chủ trong chỉ đạo phối hợp các yếu tố bên trong và ngoài hệ thống tuyên truyền đối với quá trình tổ chức các hoạt động tuyên truyền. CTTT là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Do đó, CTTT không phải là công tác độc lập, của riêng hệ thống tổ chức đảng; mà đó còn là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị. Thông qua cấp uỷ các cấp và cơ quan tham mưu về lĩnh vực tư tưởng (Ban Tuyên giáo Trung ương, ban tuyên giáo các cấp), Đảng thường xuyên chỉ đạo nội dung tư tưởng chính trị của các cơ quan báo chí, đài truyền hình, đài phát thanh, các cơ quan quản lý văn hoá - văn nghệ,... để đảm bảo nội dung tuyên truyền luôn hướng vào việc góp phần giải quyết những nhiệm vụ chính trị thực tiễn cụ thể. Trong quá trình chỉ đạo phối hợp các cơ quan, ban, ngành trong và ngoài hệ thống tuyên truyền, cấp uỷ các cấp căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ, nội dung, đặc điểm đối tượng và tình hình thực tiễn địa phương mà có sự chỉ đạo, phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các “binh chủng tuyên truyền” một cách phù hợp, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong CTTT.

Bốn là, dân chủ trong cơ chế, chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng, quản lý cán bộ tuyên truyền. Cấp uỷ xác định những tiêu chí để tuyển chọn cán bộ tuyên truyền một cách khách quan, khoa học và phù hợp với từng vùng miền, địa phương; lập kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ tuyên truyền nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tuyên truyền ở tất cả các cấp, các ngành. Bên cạnh đó, với những cơ chế đặc thù, cấp uỷ bố trí, phân công, sử dụng cán bộ tuyên truyền một cách hợp lý, tạo điều kiện cho họ phát huy khả năng và sở trường của mình nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT. Ngoài ra, hoạt động lãnh đạo của Đảng còn được thể hiện qua việc ban hành chính sách và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ tuyên truyền một cách hợp lý nhằm thu hút những người có năng lực và có

nguyện vọng, tạo điều kiện tốt nhất có thể để họ hoàn thành thật tốt nhiệm vụ của mình nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT.

Năm là, dân chủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát đối với CTTT. Đó là việc chủ thể và đối tượng kiểm tra, giám sát thực hiện đúng, đầy đủ quyền cũng như trách nhiệm của mình theo quy định của CTTT. Vấn đề này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm và phát huy dân chủ trong CTTT, loại bỏ các yếu tố phi dân chủ, bảo đảm cho các yếu tố của CTTT được hoạt động, vận hành một cách có hiệu quả. Việc kiểm tra, giám sát CTTT được thể hiện qua các nội dung kiểm tra, giám sát (định kỳ hoặc đột xuất theo quy chế) đối với việc thực hiện các nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức và phương tiện thực hiện hoạt động tuyên truyền. Đây chính là “thước đo” tình hình, tính khả thi và cả những bất cập của một nghị quyết, một quyết định, hay một chỉ thị,... về CTTT, nhằm hình thành chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch tuyên truyền mới phù hợp với thực tiễn, hoàn cảnh lịch sử cụ thể; qua đó, tạo ra cơ sở khoa học để đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền và kiện toàn bộ máy các cơ quan làm CTTT theo hướng DCH.

- Dân chủ trong quản lý nhà nước đối với CTTT

Quản lý nhà nước đối với CTTT là hoạt động có định hướng nhằm thể chế hoá quan điểm và sự lãnh đạo của Đảng đối với việc phổ biến, truyền bá đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống, thông tin kịp thời tình hình thời sự, chính trị,... trong cán bộ, đảng viên và nhân dân với những phương thức nhất định nhằm đạt được mục đích của CTTT. Hoạt động quản lý của Nhà nước đối với CTTT dựa trên cơ sở dân chủ, bao chứa nội dung dân chủ sẽ đảm bảo cho CTTT đạt hiệu quả cao. Điều đó được thể hiện ở những nội dung cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về CTTT thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong CTTT. Dựa trên cơ sở đường lối cách mạng của Đảng, luật pháp và chính sách chung, hệ thống pháp luật, văn bản dưới luật và chính sách liên quan đến công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng được ban hành và ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, hợp lý. Các khâu của quá trình tuyên truyền, từ việc xác định mục đích, nội dung, lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện, phân bổ kinh phí, xây dựng, phát triển lực lượng, kiểm tra, đánh giá hiệu quả CTTT,... được các cấp chính quyền hoàn thiện và cụ thể hoá nhằm bảo đảm thực thi các quyền cũng như lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong CTTT.

Hai là, Nhà nước, bộ máy chính quyền các cấp tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền. Dân chủ trong hoạt động quản lý của Nhà nước được thể hiện ở cả sự tôn trọng, mở rộng sự tự do sáng tạo trong hoạt động của cán bộ tuyên truyền. Cơ quan quản lý tạo ra môi trường thông tin, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các cán bộ tuyên truyền một cách có tổ chức, có nguyên tắc và có mục tiêu thống nhất. Đồng thời, Nhà nước còn có quy định về phương pháp, hình thức thảo luận, tranh luận cụ thể để qua đó thể hiện sự tôn trọng, lắng nghe được những ý kiến khác nhau từ cán bộ, đảng viên, nhân dân. Nhưng bất kỳ ý kiến nào trước khi được thực thi ngoài xã hội đều phải được kết luận rõ ràng và có sức thuyết phục; còn những ý kiến khác với kết luận chung thì được bảo lưu. Đây cũng là nội dung và điều kiện để có dân chủ đúng đắn trong các hoạt động tuyên truyền.

Ba là, Nhà nước tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong CTTT có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân. Nhà nước ban hành những văn bản pháp lý về dân chủ và DCH ở cơ sở, quy định về việc tiếp dân tại các

cơ quan chính quyền, tiếp xúc định kỳ với công dân để trả lời, giải quyết những vấn đề liên quan đến nhu cầu, lợi ích, đến quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong CTTT. Những văn bản pháp lý như vậy sẽ tạo ra không gian và môi trường pháp lý cần thiết cho sự tham gia của cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở vào công tác quản lý của Nhà nước nói chung và CTTT nói riêng. Tuy nhiên, thực hiện dân chủ trong CTTT không chỉ dừng lại ở việc thực hiện những quy định trong *Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* mà còn đòi hỏi môi trường pháp lý rộng rãi hơn, với những phạm vi ngày càng rộng và cấp độ ngày càng cao hơn. Cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia vào các hoạt động tuyên truyền với cả hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Qua đó, họ có điều kiện tiếp nhận thông tin và được bàn bạc, trao đổi, đối thoại, tham gia quyết định về những vấn đề trong CTTT có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân.

Bốn là, xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc, vi phạm quyền tiếp cận thông tin đúng đắn, chính xác của nhân dân. Thực hiện dân chủ trong CTTT là cuộc đấu tranh để loại trừ những biểu hiện phi dân chủ, độc tài, áp đặt, dân chủ hình thức, vô kỷ luật và những tin đồn nhảm, thông tin sai sự thật nhằm gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, mất an toàn thông tin; bởi vì đó là rào cản kìm hãm sự vận động, phát triển của dân chủ trong CTTT. Với vai trò chủ thể quản lý, Nhà nước tăng cường pháp luật, kỷ luật, trật tự, kỷ cương trong CTTT một cách đồng bộ, phổ biến. Đây chính là công cụ tối thượng của quản lý, của các cơ quan chính quyền để xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin; qua đó, giáo dục sâu rộng ý thức pháp luật, kỹ năng và thói quen thi hành luật pháp của chủ thể và đối tượng trong CTTT.

2.1.2.2. Dân chủ trong tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền

Khi đã có văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, việc thực hiện dân chủ trong CTMT có hiệu quả hay không phụ thuộc phần lớn vào khâu tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền. Do vậy, để thật sự có dân chủ trong CTMT thì chủ thể lẫn đối tượng phải thể hiện tinh thần chủ động, tự giác, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện, từ việc xác định, thực hiện nội dung tuyên truyền, đến việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền sao cho sát hợp với đặc điểm đối tượng và tình hình thực tiễn địa phương. Cụ thể như sau:

- *Dân chủ trong việc xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền:*

Thứ nhất, nội dung tuyên truyền phải hướng vào việc đáp ứng nhu cầu, lợi ích thông tin của đối tượng, nhóm đối tượng và đây chính là căn cứ đầu tiên, trực tiếp để xác định nội dung tuyên truyền. CTMT là công tác đối với con người mang những đặc điểm xã hội - giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, học vấn, tâm lý,... khác nhau. Để đạt hiệu quả cao, CTMT nhất thiết phải gắn với từng nhóm đối tượng, thậm chí từng người cụ thể, có nghĩa là phải tính đến để đưa nội dung tuyên truyền sao cho thích hợp, đáp ứng được nhu cầu, lợi ích, phản ánh được tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng của từng đối tượng, từng nhóm đối tượng; không áp dụng máy móc, rập khuôn cùng một nội dung cho các đối tượng khác nhau. Hơn nữa, cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trình độ về mọi mặt của các tầng lớp nhân dân được nâng cao, nhiều nhu cầu thông tin mới nảy sinh; do vậy, đối tượng của CTMT hiện nay ngày càng trở nên đa dạng, biến đổi về mặt xã hội, trình độ ngày càng cao nên nhu cầu, lợi ích, tư tưởng cũng ngày càng phong phú, đa dạng và phức tạp hơn. Chính vì thế, chủ thể cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng và có thể phân loại các đối tượng nhằm xác định và thực hiện nội dung phù hợp với yêu cầu và điều kiện của đối tượng, nhóm đối tượng trong các hoạt động tuyên truyền.

Thứ hai, nội dung tuyên truyền phải phản ánh nhiệm vụ chính trị của đối tượng, phục vụ đắc lực việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của đối tượng. Là một bộ phận quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, CT TT phải gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Trong quá trình xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền, chủ thể phải căn cứ vào nhiệm vụ chính trị của đối tượng ở từng thời kỳ, từng giai đoạn, từng địa phương và từng cơ sở; kịp thời thông tin các nhiệm vụ chính trị, chủ trương, chính sách lớn, định hướng những vấn đề quan trọng, có tính thời sự, thu hút sự quan tâm của cán bộ, đảng viên và nhân dân; định hướng và cổ vũ, động viên các đối tượng hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị. Đồng thời, nội dung tuyên truyền phải gắn bó với việc thực hiện các phong trào hành động cách mạng ở địa phương.

Thứ ba, nội dung tuyên truyền phải góp phần nâng cao nhận thức, hình thành niềm tin, cổ vũ đối tượng hoàn thành nghĩa vụ công dân, hoàn thành trách nhiệm người cán bộ, đảng viên. Thông tin có giá trị khi nó tác động vào nhận thức, niềm tin, vào lòng quyết tâm và tinh thần sẵn sàng bắt tay vào công việc lao động sáng tạo của đối tượng. Niềm tin và lý tưởng là sự phản ánh những lợi ích (lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần) của con người; khi lợi ích được thoả mãn thì niềm tin, lý tưởng trở thành hiện thực. Do vậy, nội dung tuyên truyền không thể được xác định và thực hiện một cách chung chung, theo kiểu ý chí luận, mang tính chất áp đặt, chủ quan; mà phải gắn liền với lợi ích thiết thân, chính đáng của từng đối tượng, nhóm đối tượng ở từng địa bàn và từng giai đoạn cụ thể. Khi lợi ích được nhận thức và đã biến thành mục đích, thành động cơ tư tưởng bên trong, nó sẽ trực tiếp thúc đẩy mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân phấn đấu, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm của mình.

- Dân chủ trong việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức tuyên truyền

Thứ nhất, việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền phải xuất phát từ đặc điểm đối tượng tuyên truyền. Đặc điểm tư duy, trình độ chính trị, trình độ nhận thức, các vấn đề tư tưởng,... của đối tượng là căn cứ đầu tiên trong việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền. Hồ Chí Minh từng chỉ ra rằng: “Trong dân chúng, có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau. Có lớp tiên tiến, có lớp chùng chùng, có lớp lạc hậu” [94, tr.336]. Song song đó, một căn cứ quan trọng nữa khi lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền là đặc điểm tâm lý của đối tượng; bởi vì mỗi đối tượng hoặc nhóm đối tượng với độ tuổi, giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo,... khác nhau thì sẽ có nhu cầu tiếp nhận thông tin bằng những phương pháp và hình thức khác nhau. Do vậy, trong quá trình thực hiện CTTT, chủ thể phải đi sâu tìm hiểu đối tượng thông qua ý kiến, phản hồi của họ đối với mỗi vấn đề tác động tư tưởng để lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức phù hợp.

Thứ hai, việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức tuyên truyền phải căn cứ vào mục đích, nội dung, nhiệm vụ và các điều kiện cụ thể của CTTT. Mục đích của CTTT là cơ sở quan trọng để lựa chọn phương pháp và hình thức; tùy theo mục đích cần đạt được của CTTT mà chủ thể sử dụng những phương pháp và hình thức khác nhau. Nội dung CTTT là yếu tố trực tiếp quy định việc lựa chọn phương pháp và hình thức tuyên truyền. Mỗi nội dung cụ thể yêu cầu những phương pháp và hình thức tuyên truyền cụ thể, phù hợp để chuyển tải. Giữa nội dung và phương pháp, hình thức có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ: nội dung quy định phương pháp và hình thức vì nội dung là cơ sở, là tiền đề để lựa chọn phương pháp và hình thức; song phương pháp và hình thức phù hợp sẽ chuyển tải nội dung trọn vẹn, thậm chí góp phần làm phong phú, sâu sắc hơn nội dung. Bên cạnh đó, việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền cũng tùy thuộc vào từng nhiệm vụ cũng như điều kiện, hoàn cảnh cụ thể cùng những phương tiện vật chất - kỹ thuật hiện có trong từng thời điểm, ở từng địa phương, cơ sở nhất định.

Thứ ba, phương pháp, hình thức tuyên truyền phải góp phần phát huy khả năng trao đổi, đối thoại, tương tác hai chiều giữa chủ thể và đối tượng, giữa các chủ thể và giữa các đối tượng với nhau. Ngày nay, cùng với sự bùng nổ thông tin và trình độ dân trí không ngừng nâng lên, nhu cầu tiếp nhận, đáp ứng thông tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân đã, đang đặt ra yêu cầu rất bức thiết; hơn nữa, cùng một vấn đề tư tưởng thường có nhiều quan điểm, cách nhìn khác nhau, thậm chí đối lập nhau; chỉ thông qua các cuộc tranh luận, trao đổi trực tiếp giữa chủ thể và đối tượng, giữa các chủ thể và giữa các đối tượng với nhau mới có thể đi đến sự thống nhất. Qua những hoạt động trao đổi, đối thoại, tương tác, đối tượng có thể bày tỏ suy nghĩ, tâm tư, nguyện vọng của mình một cách tỉ mỉ, dân chủ, thẳng thắn, nhất là đối với các vấn đề bức xúc, lo lắng trong xã hội và liên quan đến lợi ích chính đáng của mình; chủ thể được tiếp thu, bàn thảo, giải đáp kịp thời và định hướng đúng cho đối tượng về những vấn đề mà đối tượng vẫn còn đang băn khoăn, nhằm tạo đồng thuận trong xã hội. Đây là tiền đề quan trọng, là yếu tố then chốt đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT.

Thứ tư, phương pháp, hình thức tuyên truyền phải khơi dậy, phát huy tính chủ động, tự giác, tiềm năng sáng tạo của chủ thể và đối tượng trong việc truyền đạt, tiếp thu, vận dụng nội dung tuyên truyền. Trong các hoạt động tuyên truyền, chủ thể lẫn đối tượng phải “làm chủ” các phương pháp và hình thức tuyên truyền. Chủ thể phải “biết cách tuyên truyền”; phải tuyên truyền giản đơn, rõ ràng, cụ thể, đúng chỗ, đúng lúc, để người dân hiểu, dân tin và làm được; phải chủ động, sáng tạo trong các tình huống và trường hợp cụ thể, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy “Các chú phải tự hỏi, tự trả lời. Chứ không phải chờ trên gửi tài liệu xuống, rồi theo một, hai, ba, bốn mà làm” [100, tr.159]. Cán bộ tuyên truyền phải dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong,

gương mẫu. Đồng thời, đối tượng không phải chịu sự tác động thụ động của chủ thể, mà đối tượng cũng chính là chủ thể tiếp nhận, lĩnh hội nội dung một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Do vậy, để có dân chủ trong CTTT, các chủ thể cần sử dụng các phương pháp, hình thức phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo của đối tượng.

Thứ năm, không sử dụng phương pháp, hình thức nhồi sọ, áp đặt, phi dân chủ. Trước sự biến đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, một số hình thức và phương pháp không còn phù hợp với xu hướng DCH trong CTTT; nhưng điều đó không có nghĩa là phủ định sạch trơn các phương pháp, hình thức cũ. Trên cơ sở xem xét, đánh giá từng phương pháp, từng hình thức, cần phải giữ lấy những gì tích cực, có giá trị và cải tạo nó sao cho phù hợp với điều kiện mới; đồng thời, khắc phục thái độ bảo thủ, khư khư giữ lại những phương pháp, hình thức cũ, lạc hậu, không phù hợp với yêu cầu DCH trong CTTT. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của đối tượng cũng như sự biến đổi tâm lý của đối tượng, chủ thể cần tích cực, chủ động nghiên cứu, vận dụng một cách hiệu quả vốn có các phương pháp và hình thức tuyên truyền; đẩy mạnh quá trình hiện đại hoá và sáng tạo các hình thức mới; tiếp thu có chọn lọc các phương pháp, hình thức, kinh nghiệm của nước ngoài;... trong các hoạt động tuyên truyền. Tuy nhiên, không vì chạy theo mục tiêu hiện đại hoá mà áp dụng các phương pháp và hình thức tuyên truyền trái với cách nghĩ, cách làm của người Việt Nam, các hình thức phản khoa học, ru ngủ, nhồi sọ hoặc những phương pháp và hình thức lai căng, xa lạ mang tính kích động vượt qua ngoài khuôn khổ của pháp luật.

- *Dân chủ trong lựa chọn và sử dụng phương tiện tuyên truyền:*

Thứ nhất, việc lựa chọn và sử dụng phương tiện tuyên truyền do đối tượng quy định. Trong CTTT, đối tượng không chỉ quy định việc xác lập nội dung, lựa chọn và sử dụng phương pháp, hình thức mà đối tượng còn quy định việc lựa chọn phương tiện tuyên truyền nào tác động đến họ. Để CTTT đạt hiệu

quả cao, khi chủ thể lựa chọn và sử dụng phương tiện tác động đến đối tượng, chủ thể không chỉ căn cứ vào khả năng về phương tiện mình đang sở hữu, quản lý, sử dụng mà quan trọng hơn là phải xem xét phương tiện đó có thể được đối tượng sử dụng để tiếp cận nội dung tuyên truyền được hay không, phương tiện đó có thuận lợi cho việc sử dụng của đối tượng không; đồng thời, khi sử dụng phương tiện đó, đối tượng có khả năng chi trả hay không. Chủ thể không thể, không nên, không được lựa chọn phương tiện tác động đến đối tượng mà đối tượng do thiếu khả năng chi trả nên không thể tiếp cận và sử dụng phương tiện đó để tiếp nhận, lĩnh hội nội dung mà chủ thể truyền đạt.

Thứ hai, phương tiện phải thích hợp, phù hợp với cả đối tượng, chủ thể và nội dung tuyên truyền. Bởi vì, phương tiện là công cụ mà thông qua đó chủ thể triển khai sử dụng phương pháp và hình thức để chuyển tải nội dung đến đối tượng; không có phương tiện thì không triển khai sử dụng được phương pháp và hình thức để chuyển tải, truyền đạt nội dung. Hay nói cách khác, chủ thể tuyên truyền muốn sử dụng được phương pháp, hình thức phải có các phương tiện tương ứng, thích hợp; và để sử dụng được các phương pháp, hình thức tiên tiến, hiện đại phải có các phương tiện hiện đại, đồng bộ. Do vậy, căn cứ vào quá trình xây dựng và thực hiện nội dung, phương pháp và hình thức mà chủ thể có sự lựa chọn phương tiện hoặc có sự kết hợp các loại phương tiện tuyên truyền một cách phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong các hoạt động tuyên truyền.

Thứ ba, phương tiện tuyên truyền phải tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tương tác hai chiều, qua lại giữa chủ thể và đối tượng, giữa các chủ thể và các đối tượng với nhau. Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, phương tiện tuyên truyền ngày phong phú, đa dạng, hiện đại và được bố trí ở khắp mọi nơi. Ngoài việc truyền tải những nội dung tư tưởng của chủ thể đến với đối tượng, các phương tiện còn có thể tiếp nhận những thông tin phản hồi từ đối tượng tuyên truyền; đồng thời, phương tiện còn là kênh qua đó thực

hiện sự tương tác giữa các chủ thể và giữa các đối tượng với nhau. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, các phương tiện tuyên truyền, nhất là các phương tiện truyền thông mới, mạng xã hội có những bước chuyển lớn trong ứng dụng công nghệ mới, tính năng tương tác đa chiều ngày càng phát triển. Điều đó cũng có nghĩa là sử dụng các phương tiện tuyên truyền hiện đại sẽ tạo điều kiện cho thực hiện dân chủ trong CTTT.

2.1.2.3. Dân chủ trong đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền

Nội dung dân chủ trong CTTT không chỉ thể hiện ở hoạt động lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện, mà còn thể hiện ở việc đánh giá hiệu quả của công tác này. Hiệu quả CTTT được đánh giá một cách đúng đắn, khách quan, dân chủ, chính là căn cứ quan trọng để chủ thể xác định phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả ở giai đoạn tiếp theo của công tác này. Dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT thể hiện như sau:

Thứ nhất, đánh giá hiệu quả CTTT được xác định ở sự thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng, được đo lường ở phía đối tượng.

Hiệu quả CTTT được đánh giá không phải ở phía chủ thể của công tác này, ở mức độ tác động từ phía chủ thể mà được đo đạc ở sự thay đổi trong nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực xã hội của đối tượng, từ phía đối tượng. Việc đo đạc, đánh giá hiệu quả phải được tiến hành ở đối tượng là cán bộ, đảng viên và nhân dân, từ chính ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngoài ra, dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT còn được thể hiện ở phạm vi, mức độ tham gia của đối tượng vào hoạt động đánh giá hiệu quả CTTT. Lôi cuốn, phát huy trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đồng đạo, nhiệt tình, có trách nhiệm vào quá trình CTTT, đánh giá hiệu quả CTTT là một biểu hiện của dân chủ trong CTTT.

Thứ hai, nhu cầu, lợi ích, tâm tư, nguyện vọng của đối tượng được thể hiện trong kết quả CTTT sẽ là căn cứ, là xuất phát điểm cho việc xây dựng chiến lược, chiến dịch, kế hoạch, xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp CTTT cho giai đoạn tiếp theo.

Nhu cầu, lợi ích, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân được thể hiện trong kết quả CTTT là cơ sở, là căn cứ quan trọng để chủ thể xác định mục đích, nội dung và lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền. Trong CTTT, không phải chủ thể muốn tuyên truyền nội dung gì, bằng phương pháp, hình thức và phương tiện nào cũng được; nếu như chủ thể chọn theo ý muốn chủ quan của mình sẽ trở nên áp đặt, thiếu dân chủ. Nội dung tuyên truyền phải đáp ứng nhu cầu thông tin của công chúng và mang lại lợi ích cho đối tượng. Phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền được lựa chọn và sử dụng phải là những phương pháp, hình thức, phương tiện chuyển tải được nội dung đó đến đối tượng một cách phù hợp; đồng thời những phương pháp, hình thức, phương tiện đó phải được đối tượng tiếp cận một cách dễ dàng và tạo điều kiện để đối tượng dễ tiếp thu nội dung, dễ lĩnh hội, vận dụng nội dung tuyên truyền trong thực tiễn. Do vậy, trên cơ sở dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT, chủ thể tuyên truyền có thể rút ra những nguyên nhân của hiệu quả và đó cũng là căn cứ, là xuất phát điểm cho việc xây dựng chiến lược, chiến dịch, kế hoạch, xác định nhiệm vụ, giải pháp CTTT cho giai đoạn tiếp theo.

2.2. Những yếu tố tác động đến việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền và sự cần thiết phải phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở nước ta hiện nay

2.2.1. Những yếu tố tác động đến việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền

2.2.1.1. Những yếu tố khách quan

Một là, quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho nhiều học thuyết, nhiều khuynh hướng tư tưởng thâm nhập vào nước ta, cũng như mang lại nhiều phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền hiện đại và hiệu quả phục vụ cho CTTT. Đây là điều kiện thuận lợi để chủ thể cũng như đối tượng

tuyên truyền nghiên cứu, đối chiếu, so sánh,... làm nổi bật tính khoa học, cách mạng và bổ sung, phát triển nội dung cơ bản của CTTT; đồng thời, tiếp cận được nguồn tri thức vô tận của nhân loại một cách nhanh chóng, kịp thời và nhiều chiều, nhiều hướng. Khi có kiến thức sâu rộng và nắm bắt được tình hình thực tiễn, chủ thể và đối tượng chủ động, tích cực và sáng tạo hơn trong CTTT, từ hoạt động lãnh đạo, quản lý đến tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả CTTT.

Tuy nhiên, với khối lượng thông tin khổng lồ, nhiều chiều như hiện nay, đối tượng và chủ thể tuyên truyền khó có thể nhận diện và phân biệt đúng sai; từ đó gây ra tâm lý bất an, lo lắng, hoài nghi về con đường CNXH ở nước ta, về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước,... trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các phương pháp và hình thức tuyên truyền sẽ nhanh chóng trở nên lạc hậu và nhàm chán so với sự phát triển ngày càng nhanh của nhân loại. Bên cạnh đó, việc lựa chọn các phương tiện phục vụ CTTT trở nên đa dạng hơn, hiệu quả hơn nhưng cũng rất khó trong khâu quản lý và kiểm soát đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT.

Hai là, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và trình độ dân trí.

Hiện nay, với cơ chế cạnh tranh, phân hoá và kích thích sự phát triển vượt trội của cơ chế kinh tế thị trường đã tạo nên tính năng động của đời sống xã hội, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng, nâng cao mức sống người dân; đồng thời mở ra không gian xã hội rộng lớn cho sự phát triển nhu cầu và các khả năng sáng tạo của con người. Điều đó làm cho lợi ích cá nhân của người lao động được coi trọng và thông tin xã hội liên quan tới mọi mặt đời sống của con người được quảng bá rộng rãi bằng những phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền đa dạng, phong phú trong xã hội hiện đại ngày nay.

Khi nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam càng phát triển, thị trường càng được mở rộng thì sự biểu hiện của hai nhân tố lợi ích và thông tin càng ảnh hưởng đến cuộc sống của con người. Trong đó, lợi ích cá

nhân của người lao động, người sản xuất, kinh doanh là cơ sở trực tiếp tạo ra động lực phát triển kinh tế, đó cũng là cơ sở để thực hiện lợi ích xã hội; còn thông tin là những nguyên liệu, những nhiên liệu đặc biệt cần thiết cho sự phát triển xã hội, cho hoạt động sống của con người. Tính phong phú của nội dung thông tin, tính xác thực của những khả năng được tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời mà xã hội có thể đáp ứng cho con người như đáp ứng một nhu cầu thiết yếu của phát triển. Điều đó cho chúng ta thấy rõ, sự phát triển của kinh tế - xã hội chính là lực đẩy quan trọng đầu tiên đối với quá trình dân chủ và phát triển dân chủ ở nước ta trong đổi mới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong CTMT nói riêng.

Tuy nhiên, cơ chế kinh tế - xã hội cũng có tính hai mặt của nó. Nó cũng chính là mảnh đất cho chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa thực dụng phát triển. Trong sự cạnh tranh của cơ chế kinh tế - xã hội ấy, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân coi trọng lợi ích cá nhân, xem nhẹ lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng. Họ chỉ quan tâm đến lợi ích vật chất mà coi nhẹ đời sống tinh thần, nhất là tư tưởng, đạo đức, lối sống, truyền thống; từ đó dẫn đến sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống,... Trước điều kiện và hoàn cảnh mới, CTMT phải nắm vững đặc điểm của đối tượng, tăng cường định hướng thông tin; đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện để CTMT có tính thuyết phục hơn, dân chủ hơn.

Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, trình độ dân trí cũng ngày càng được nâng cao. Điều đó đồng nghĩa với nhu cầu DCH đời sống xã hội, nhu cầu tự do tư tưởng ngày càng cao và nhu cầu định hướng thông tin cũng ngày càng lớn. Sự hiểu biết sâu rộng của cán bộ, đảng viên và nhân dân về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội sẽ làm nền cho sự tiếp thu những tri thức lý luận, quan điểm, đường lối của Đảng một cách thuận lợi hơn; và đặc biệt là nhu cầu thực hiện dân chủ trong CTMT ngày càng được quan tâm. Do vậy, yêu cầu của đối tượng tuyên truyền hiện nay không chỉ dừng lại ở nhu cầu cung cấp thông tin mà quan trọng hơn là phân tích, đánh giá và định hướng thông tin trong CTMT - đây là vấn đề

cực kỳ quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất tư tưởng và đồng thuận trong toàn xã hội. Điều đó vừa tạo điều kiện, vừa đặt ra yêu cầu CTTT phải đổi mới về chất, thực hiện thông tin đa chiều, tăng cường trao đổi, đối thoại, gợi mở vấn đề cho phù hợp,... nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân phát huy năng lực, trí tuệ của mình, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT.

Ba là, thực trạng của hệ thống chính trị và quá trình DCXH.

Qua 37 năm đổi mới đất nước, việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta cũng đã đạt được những thành tựu quan trọng: phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được cải tiến theo hướng thực hiện, mở rộng dân chủ; tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo các nguyên tắc pháp quyền từng bước được xây dựng và hoàn thiện; hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cũng có những bước đổi mới, sắp xếp lại. Song song đó, DCXHCN ở Việt Nam đã có nhiều tiến bộ: Dân chủ trong Đảng, trong các tổ chức và xã hội được mở rộng, nâng cao; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn; việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật được coi trọng.

Tuy nhiên, đổi mới hệ thống chính trị có phần lúng túng, có mặt còn chậm, chưa theo kịp và đáp ứng tốt yêu cầu của những bước phát triển kinh tế - xã hội; một số vấn đề về chức năng, nhiệm vụ và phương thức tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị ở các cấp nói chung và của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được phân định cụ thể và còn chồng chéo, bất hợp lý. Thực tiễn xây dựng và phát huy nền dân chủ có lúc, có nơi dân chủ chưa được thực hiện đầy đủ; vẫn còn tình trạng dân chủ hình thức trong Đảng; việc xây dựng Nhà nước pháp quyền còn những bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ nguyên tắc cơ bản như: thượng tôn pháp luật, Nhà nước “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”; quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, một số lĩnh vực còn bị vi phạm.

Mối quan hệ giữa xây dựng hệ thống chính trị với quá trình DCXH là mối quan hệ biện chứng, tác động và chuyển hoá lẫn nhau. Hệ thống chính trị

là cơ chế thực hiện và đảm bảo dân chủ cho mọi công dân và cho cả xã hội, đặc biệt là nó có tác dụng trực tiếp tới dân chủ chính trị, tạo ra lực thúc đẩy đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá chung. Do vậy, những kết quả đạt được trong đổi mới một hệ thống chính trị và quá trình DCXH là điều kiện đảm bảo và tạo động lực cho việc thực hiện, phát huy dân chủ trong CTTT. Ngược lại, những hạn chế, bất cập trong đổi mới hệ thống chính trị và quá trình DCXH, trở thành lực cản đối với việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều đó dẫn đến CTTT của Đảng cũng sẽ mang tính áp đặt, độc đoán, được thực hiện một chiều từ trên xuống.

Bốn là, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phương tiện truyền thông mới và mạng xã hội.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) là kết quả tất yếu của sự phát triển trí tuệ con người trên lĩnh vực khoa học, công nghệ; là xu hướng hiện tại của tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nó hàm chứa sự thay đổi lớn lao, không chỉ biến đổi kinh tế mà cả văn hóa, xã hội, nhận thức, tư duy một cách toàn diện. Hiện nay, làn sóng công nghệ mới này đang diễn ra với tốc độ rất nhanh và tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội, bao gồm cả công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng.

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã, đang và sẽ làm thay đổi tư duy, nhận thức, tư tưởng, tình cảm của con người với thế giới xung quanh. Con người tiếp cận với tri thức nhanh chóng hơn, mở ra khả năng tương tác nhiều hơn; phương thức tác động của chính quyền với người dân cũng đa dạng hơn, nhất là thông qua các phương tiện truyền thông mới và mạng xã hội. Do vậy, trong những năm gần đây, các địa phương, các ngành đều đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong CTTT như: sử dụng trang thông tin điện tử; các tạp chí chuyên đề phát hành trên báo, đài truyền thanh, truyền hình; các cuộc thi trực tuyến;

các Fanpage để tuyên truyền trên mạng xã hội Facebook;... Ngoài ra, những sản phẩm truyền thông mới, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung như báo chí đa phương tiện (multimedia) với các kiểu bài như: infographics, mega story, e-magazine, long-form... Theo kết quả khảo sát của Tiến sĩ Lương Ngọc Vĩnh: Trong năm 2019, có tới 70,78% người sử dụng mạng xã hội để nắm bắt thông tin về mọi mặt của đời sống; 67,5% để học hỏi nâng cao kiến thức [150, tr.14]. Thực trạng đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện dân chủ trong CTMT; bởi vì xu thế này đòi hỏi chủ thể tuyên truyền phải thay đổi, phải thường xuyên tự học, tự tìm hiểu, lựa chọn thông tin để cập nhật, bổ sung kiến thức, cập nhật công nghệ và phải luôn tự làm mới phương pháp và hình thức tuyên truyền để bắt kịp xu hướng phát triển của thời đại.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, sự phát triển cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phương tiện truyền thông mới và mạng xã hội cũng có những tác động tiêu cực đến việc thực hiện dân chủ trong CTMT. Các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng lợi thế của mạng internet và các phương tiện truyền thông mới để tuyên truyền tư tưởng tư sản về tự do, dân chủ, đạo đức, lối sống tư sản. Họ đưa những thông tin, hình ảnh, nội dung sai lệch, bóp méo sự thật, bịa đặt, vu cáo quá trình DCH XHCN ở Việt Nam,... gây ảnh hưởng và hoang mang trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong khi đó, việc kiểm soát thông tin trên mạng xã hội ở nước ta chưa có những giải pháp quản lý triệt để; việc xử lý các thông tin “xấu, độc” sai trái, thù địch còn hạn chế, làm cho một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận diện không đầy đủ về các thông tin sai trái, thù địch. Tình hình đó đòi hỏi phải ngày càng đa dạng hóa nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện trên nền tảng của thành tựu khoa học - công nghệ mới, bảo đảm sự nhanh nhạy, hiệu quả, sát đối tượng trong CTMT.

2.2.1.2. Những yếu tố chủ quan

Một là cấu trúc, hoạt động và cơ chế vận hành của hệ thống tổ chức, thực hiện CTMT.

CTTT bao gồm những yếu tố như: chủ thể CTTT (toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị và cán bộ tuyên truyền); đối tượng của CTTT (cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân); khách thể của CTTT (những yếu tố về mặt tư tưởng, các quan hệ xã hội của con người và điều kiện xã hội khách quan); mục đích CTTT; nội dung CTTT; phương pháp CTTT; hình thức CTTT; và hiệu quả CTTT. Tất cả các yếu tố này không tồn tại biệt lập mà luôn tác động, quy định lẫn nhau tạo thành chuỗi dài nhân quả, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT.

Khi xem xét CTTT là một trong ba quá trình của công tác tư tưởng thì bao giờ cũng do chủ thể tiến hành và tác động lên đối tượng, khách thể nhằm đạt được mục đích đặt ra; đó là một quá trình liên tục gồm nhiều khâu và các bộ phận kế tiếp nhau. Để đạt được mục đích, CTTT phải có nội dung và nội dung đó phải được thực hiện bằng những phương pháp, hình thức với những phương tiện tương ứng. Sau một chu trình tác động, CTTT phải đạt được hiệu quả nhất định. Chính vì thế, khi được xem xét như một hệ thống hoạt động, dân chủ trong CTTT có được thực hiện và phát huy hay không cũng phụ thuộc ít nhiều về cơ chế hoạt động của hệ thống cấu trúc này.

Trước những chuyển biến mới, tình hình mới và nhiệm vụ mới, nếu chủ thể tuyên truyền nhận thức và giải quyết một cách đúng đắn các mối quan hệ giữa các yếu tố trong hệ thống tuyên truyền và phân tích những mâu thuẫn, những biến động trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, các quan hệ xã hội khác,... thì sẽ phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả chủ thể và đối tượng tiếp nhận trong các hoạt động tuyên truyền của Đảng. Trái lại, nếu chủ thể nhận thức và giải quyết không đúng, không phù hợp một trong các mối quan hệ giữa các yếu tố trong hệ thống tuyên truyền có thể sẽ dẫn đến thiếu dân chủ hoặc tuyên truyền một chiều một cách sáo rỗng, không mang lại hiệu quả như mong muốn.

Hai là, nhận thức và tư duy của người dân với tư cách là đối tượng của CTTT.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của các lĩnh vực đời sống xã hội, trình độ dân trí của các tầng lớp nhân dân cũng ngày càng được nâng cao. Trình độ dân trí cao cùng với môi trường thông tin ngày càng phong phú, đa dạng và nhiều chiều, người dân với tư cách là đối tượng của CTTT không những tiếp nhận tác động của CTTT một cách thụ động mà còn chủ động hướng tới CTTT, và còn tác động trở lại thậm chí chi phối chủ thể tuyên truyền. Không ít ý kiến khá sắc sảo, nhiều góc cạnh, nhiều lập luận của người dân đòi hỏi chủ thể tuyên truyền phải nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp và hình thức để thuyết phục được ý kiến đi đến thống nhất. Đôi khi có những vấn đề đối tượng đưa ra mà chủ thể tuyên truyền chưa từng biết đến hoặc biết chưa đầy đủ buộc chủ thể sau đó phải tìm hiểu kỹ hơn, qua đó mà kiến thức chủ thể được nâng lên, được “vặn chặt” hơn.

Tuy nhiên, trình độ nhận thức các vấn đề tư tưởng - lý luận của đối tượng tuyên truyền là không đồng đều. Vì vậy, cán bộ tuyên truyền không thể sử dụng một nội dung, một phương pháp hay một hình thức cho mọi đối tượng mà cần phải đi sâu tìm hiểu đối tượng thông qua ý kiến, phản ứng của họ trong mỗi vấn đề tác động của CTTT để điều chỉnh, đưa ra nội dung giáo dục tuyên truyền phù hợp từng loại đối tượng cụ thể. Đối tượng có trình độ cao có thể đưa ra những vấn đề ở tầm khái quát cao hoặc mức độ tìm hiểu sâu; nhưng đối với những đối tượng có trình độ còn hạn chế thì vấn đề đưa ra cần cụ thể, dễ hiểu. Do đó, trước khi thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, chủ thể tuyên truyền phải xác định “Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền cách thế nào?” [100, tr.159]. Có nghĩa là chủ thể tuyên truyền phải tìm hiểu đối tượng tuyên truyền gồm các đặc điểm về tâm, sinh lý, trình độ nhận thức, tư duy, khả năng tiếp thu thông tin,... đặc biệt là đối với đồng bào các tôn giáo, dân tộc, đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng căn cứ cách mạng cũ.

Ba là, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của cán bộ lãnh đạo, quản lý và trình độ, năng lực, kinh nghiệm của cán bộ tuyên truyền.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là những người có ảnh hưởng rất lớn và chịu trách nhiệm cao nhất về CTTT ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Họ là những người có vai trò quan trọng trong việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách trong CTTT. Nếu như một địa phương, một cơ quan, một đơn vị có được đội ngũ lãnh đạo, quản lý có năng lực, “có tầm có tâm”, có khả năng quy tụ cán bộ, nhạy bén chính trị, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng thì họ sẽ xác định và xây dựng mục tiêu, nội dung, kế hoạch, chương trình hành động một cách đúng đắn, sát hợp với thực tiễn, huy động được sức mạnh và sự sáng tạo của cả chủ thể lẫn đối tượng trong CTTT. Trái lại, cơ sở đảng và cấp chính quyền với những cán bộ lãnh đạo, quản lý không có khả năng nắm bắt được tâm trạng, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân sẽ dễ dẫn đến tình trạng áp đặt, thiếu dân chủ trong công tác này.

CTTT là công tác của cấp ủy nhưng trước hết là của đội ngũ cán bộ chuyên trách làm CTTT. Cán bộ tuyên truyền là “chiến sĩ tiên phong”, “gác cửa” cho Đảng trên mặt trận tư tưởng. Nếu chúng ta có đội ngũ CTTT như lời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng “rất bản lĩnh, kiên cường, trí tuệ, làm một cách có nghệ thuật, có phương thức hoạt động khoa học” [143] và “tuyệt đối trung thành, kiên định, vững vàng, biết cách tổ chức công việc, có dũng khí đấu tranh, có đủ trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, phải nói được, làm được, thuyết phục được, không dễ bị mua chuộc bởi các thế lực xấu, thù địch. Phương pháp phải dân chủ, chân thành, không thể gò ép, áp đặt, mệnh lệnh; phải rất tinh tế, đi vào lòng người” [143] thì mang lại chất lượng và hiệu quả tốt nhất, cao nhất trong việc thực hiện dân chủ trong CTTT. Ngược lại, nếu như cán bộ không vững vàng về bản lĩnh chính trị, yếu kém về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sẽ dẫn đến tình trạng thiếu dân chủ trong việc xác định, thực hiện nội dung cũng như lựa chọn, sử dụng các phương pháp, hình thức và phương tiện trong các hoạt động tuyên truyền; lúng túng trong việc xử lý các tình huống đặt ra hoặc không dám đối thoại với đối tượng tuyên truyền; thậm chí có thể bị dao động

trước những biến động phức tạp của tiến trình cách mạng và dễ sa ngã trước những thủ đoạn tấn công phá hoại tư tưởng tinh vi của các thế lực thù địch.

2.2.2. Sự cần thiết phải phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở nước ta hiện nay

Một là, phát huy tính chủ động, tự giác, sáng tạo của các chủ thể, các lực lượng và các tầng lớp nhân dân trong CTMT.

Theo quan điểm của C.Mác và Ph. Ăngghen, tự do trong tư tưởng là hết sức cần thiết để phát huy sức sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội nói chung, của các nhà tuyên truyền nói riêng. Do vậy, dân chủ trong CTMT là điều kiện cơ bản phát huy tính chủ động, tự giác, sáng tạo của các chủ thể, các lực lượng và các tầng lớp nhân dân trong CTMT; nhất là khơi dậy tiềm năng sáng tạo các quan điểm, chính kiến, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTMT của Đảng.

Dân chủ trong CTMT là huy động cho được lực lượng tích cực trong xã hội tham gia CTMT. Để thực hiện tốt CTMT thì phải có lực lượng xã hội rất mạnh mới làm được; do đó, mở rộng dân chủ còn tạo ra sức mạnh trí tuệ để tuyên truyền. Nếu như tuyên truyền mà cán bộ, đảng viên, nhân dân không trân trọng, không động não thì không nghĩ ra được cái mới; không nghĩ ra được cái mới thì không có sự đổi mới trong tuyên truyền để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác này. Mở rộng dân chủ trong CTMT còn có ý nghĩa xây dựng được ý thức cộng đồng chịu trách nhiệm, mọi người cùng làm và cùng rút kinh nghiệm. Mở rộng dân chủ cũng là khâu có vai trò quyết định đối với chất lượng và hiệu quả CTMT vì nó tạo ra lực để đổi mới, tạo ra trí để đổi mới, tạo ra ý thức cộng đồng trách nhiệm để đổi mới, tạo điều kiện để trưởng thành trong quá trình đổi mới.

Trong các lực lượng tham gia CTMT, cán bộ tuyên truyền có vị trí, vai trò rất quan trọng, đóng vai trò là then chốt trong các hoạt động tuyên truyền hệ tư tưởng của Đảng và vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước. Thực hiện dân chủ trong CTMT, cán bộ tuyên truyền nêu cao tinh thần trách

nhiệm và phát huy tối đa những mặt tích cực, thường xuyên chủ động, sáng tạo trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Họ luôn ý thức được việc phải thực hiện tốt nghĩa vụ, công việc của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ được phân công với chất lượng và hiệu quả cao nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “khi Đảng, Chính phủ hoặc cấp trên giao cho ta việc gì, bất kỳ to hay nhỏ, khó hay dễ, ta cũng đưa cả tinh thần, lực lượng ra làm cho đến nơi, đến chốn, vượt mọi khó khăn, làm cho thành công. Làm một cách cầu thả, làm cho có chuyện, dễ làm khó bỏ, đánh trống bỏ dùi, gặp sao làm vậy, vv... là không có tinh thần trách nhiệm” [96, tr. 249].

Hai là, góp phần khai thác thế mạnh của các phương pháp và hình thức tuyên truyền trong hệ thống DCXHCN.

Phương pháp và hình thức là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong hoạt động tuyên truyền; không chỉ quyết định chất lượng, hiệu quả của việc chuyển tải thông tin làm thay đổi nhận thức của đối tượng mà còn góp phần tích cực vào việc hướng dẫn hành động của đối tượng tuyên truyền. Trong hoạt động tuyên truyền, chủ thể sử dụng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau để tác động đến đối tượng; tuy nhiên, mỗi phương pháp và hình thức có đặc điểm riêng, có vai trò nhất định, có sự tác động khác nhau đối với quá trình nhận thức của đối tượng. Do vậy, thực hiện dân chủ trong CTTT sẽ góp phần khai thác thế mạnh của các phương pháp và hình thức tuyên truyền trong hệ thống DCXHCN.

Trong điều kiện bùng nổ thông tin như hiện nay, nhóm phương pháp tuyên truyền bằng lời nói (bài giảng, báo cáo chuyên đề, thuyết trình, đối thoại, đàm thoại, kể chuyện, nói chuyện thời sự, trao đổi, tranh luận, hỏi - đáp,...) có nhiều ưu điểm, có sức lan toả nhanh, phù hợp với từng nhóm đối tượng, không hạn chế nội dung và có thể biết ngay hiệu quả tác động của thông tin đến đối tượng tuyên truyền. Đây là kênh thông tin chính thống, thông báo kịp thời, có định hướng những vấn đề thời sự trong nước và thế

giới, những thông tin nội bộ mà lý do nào đó không thể đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng, giải thích cho đối tượng tuyên truyền hiểu rõ thông tin; trên cơ sở đó định hướng dư luận xã hội, góp phần tạo ra sự thống nhất về chính trị, tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Với điều kiện trình độ dân trí ngày càng cao và sự bùng nổ thông tin ngày càng lớn hiện nay, phương pháp đối thoại rất phù hợp với quá trình thực hiện dân chủ trong CTTT. Khi sử dụng phương pháp đối thoại có thể thực hiện thông tin hai chiều, giải đáp kịp thời những vấn đề nhiều người quan tâm với sự tham gia ý kiến của cả đối tượng tuyên truyền. Phương pháp này đặt ra các tình huống “có vấn đề”, cuốn hút đối tượng cùng tham gia giải quyết trong quá trình nhận thức, kích thích cả trí nhớ lẫn tư duy, gây hứng thú, chủ động tìm hiểu quan điểm, tư tưởng. Thông qua đối thoại, đối tượng được trình bày ý kiến của mình, được giải toả tâm lý về những vấn đề tư tưởng còn đang băn khoăn, khúc mắc. Đối thoại thành công, cũng có nghĩa là tư tưởng được thông suốt. Đây là tiền đề quan trọng cho sự thống nhất về hành động cách mạng.

Để tác động trực tiếp vào thị giác đối tượng, làm cho họ nhận thức đúng đắn nội dung tuyên truyền, chủ thể có thể sử dụng phương pháp tuyên truyền trực quan (biểu đồ, bản đồ, đồ thị, niên biểu,...). Thế mạnh của phương pháp này là dễ gây ấn tượng mạnh cho đối tượng vì hình ảnh trực quan tác động trực tiếp vào các giác quan (tai nghe, mắt thấy), tạo cảm xúc và sự khắc sâu kiến thức; tác động trực tiếp vào tâm lý, tình cảm của đối tượng nên dễ có khái niệm cụ thể về đúng – sai; đồng thời nhanh chóng hình thành những hành động noi gương với những việc làm nhân đạo, những hành động hợp với lẽ phải trong khả năng và điều kiện hiện có của đối tượng.

Cùng với phương pháp, hình thức là một trong các yếu tố cấu thành CTTT và có ảnh hưởng quan trọng đến việc thực hiện dân chủ trong CTTT. Một hình thức đặc biệt của CTTT và cũng là hình thức tuyên truyền có tính chất dân chủ nhất, dễ thực hiện, rẻ nhất, hiệu quả nhất, đó chính là tuyên

truyền miệng. Khi sử dụng hình thức này, chủ thể tuyên truyền sẽ trực tiếp tiếp xúc, trao đổi, thảo luận với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong các hội nghị, lớp học, sinh hoạt hoặc đến nói chuyện trao đổi với từng gia đình từng người. Qua đó, cán bộ tuyên truyền trực tiếp nghe cán bộ, đảng viên và nhân dân trao đổi lại nhằm nâng cao nhận thức, củng cố và xây dựng niềm tin, cổ vũ mọi người suy nghĩ và hành động theo những yêu cầu cụ thể của nhiệm vụ tuyên truyền đặt ra.

Để định hướng nhận thức và hành động cho đối tượng tuyên truyền, việc sử dụng hệ thống thông tin đại chúng là sự lựa chọn tối ưu. Hình thức tuyên truyền này được thực hiện qua hệ thống truyền thông của Đảng, Nhà nước như báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình của Trung ương và địa phương. Đây là một trong những hình thức tuyên truyền có tính định hướng rất cao, nhất là qua các bài báo, phóng sự, chuyên đề,... có chất lượng về các gương điển hình, về các cơ sở địa phương hoạt động tốt nên nó có ảnh hưởng sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Để thu hút, hấp dẫn và lôi cuốn cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, chủ thể nên tuyên truyền thông qua hoạt động thư viện, sách báo, tranh ảnh, nhà văn hóa, câu lạc bộ và các hình thức trực quan (khẩu hiệu, panô, áp phích, tờ rơi,...); thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức lễ hội truyền thống; hoạt động tham quan thực tế, báo cáo điển hình;... Khi sử dụng các hình thức này, chủ thể sử dụng các biểu tượng, hình tượng, hình ảnh, biểu trưng,... có tính cụ thể, dễ hiểu, gần gũi với đời sống với không khí hứng khởi, vui tươi nhằm cổ vũ, khuyến khích, động viên đối tượng hành động đúng với mục đích của CTTT.

Đặc trưng cơ bản của phương pháp và hình thức tuyên truyền là cách thức tổ chức phối hợp hoạt động giữa chủ thể và đối tượng. Sự phối hợp giữa chủ thể và đối tượng có thể trực tiếp hoặc gián tiếp, quy mô nhỏ hoặc quy mô lớn, đối tượng đóng vai trò tích cực hay thụ động. Mỗi sự kết hợp đó tạo ra một loại

phương pháp và hình thức khác nhau với những nét đặc trưng riêng và thể mạnh riêng. Chủ thể và đối tượng tuyên truyền cần lựa chọn, xác định một cách cụ thể sao cho phù hợp với mục đích, nhiệm vụ của hoạt động tuyên truyền. Chính vì thế, việc thực hiện dân chủ trong CTTT góp phần khai thác thể mạnh của các phương pháp và hình thức, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT.

Ba là, khắc phục khuynh hướng bị động, áp đặt, thiếu dân chủ trong CTTT.

Trong điều kiện do một Đảng lãnh đạo toàn diện, CTTT được đặt ra, được tổ chức thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và tham mưu của ban tuyên giáo các cấp. Việc soạn thảo các văn bản với việc xác định mục đích, định hướng, kế hoạch tuyên truyền và tổ chức thực hiện CTTT tất nhiên đòi hỏi sự tập trung ở một bộ phận những nhà lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong CTTT. Tuy nhiên, thực tiễn xã hội vô cùng phong phú và phức tạp; do đó, nếu chỉ riêng một bộ phận dù là ưu tú nhất lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và thực hiện CTTT có thể phạm sai lầm, chủ quan, duy ý chí, giáo điều, bảo thủ.

Mặt khác, CTTT hiện nay vẫn ít nhiều chịu ảnh hưởng của cơ chế bao cấp thời kỳ trước đổi mới; bởi vì, cơ chế quản lý này không chỉ được thực hiện trên lĩnh vực kinh tế, nó còn thâm nhập cả vào lĩnh vực tuyên truyền. Cấp trên nghe thay, viết thay, nghĩ thay, làm thay cấp dưới; do đó, tạo ra sự chờ đợi, ỷ lại, tính lười suy nghĩ trong một bộ phận không nhỏ của đội ngũ cán bộ tuyên truyền. Đội ngũ cán bộ tuyên truyền chỉ được coi như là bộ phận giải thích đường lối, chính sách của Đảng và sự giải thích ấy lại được tiến hành theo cơ chế “đăng cấp” một chiều từ trên xuống; điều đó đã làm cho không ít người làm CTTT tiếp nhận đường lối của Đảng một cách thiếu căn cứ khoa học và không có điều kiện tự chủ, sáng tạo trong các hoạt động tuyên truyền. Những đề xuất, đóng góp từ phía người tuyên truyền không được quan tâm chú ý tới, nhiều khi bị bỏ quên và nó dần dần bị lạc hậu so với thực tiễn cuộc sống. Mặt khác, một bộ phận cán bộ tuyên truyền cũng không dám nói

thắng, nói thật những quan điểm, chính kiến của mình về những lĩnh vực mình đang quan tâm, tìm hiểu, phụ trách khi có những phát hiện mới và sáng kiến mới.

Trong tuyên truyền, việc thảo luận, tranh luận, phê phán, phản biện là rất quan trọng và cần thiết, nếu những đóng góp có tính xây dựng; bởi chỉ có tranh luận, đóng góp ý kiến thì vấn đề mới được sáng rõ, mới mang lại hiệu quả cao nhất trong CTTT. Do vậy, CTTT trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế hiện nay ở nước ta đòi hỏi phải được DCH, chống chủ nghĩa quan liêu, dân chủ hình thức. Chỉ có như vậy, chủ thể và đối tượng mới có điều kiện để tranh luận, sáng tạo, mạnh dạn đề xuất những ý tưởng táo bạo, đột phá, mới mẻ, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT.

Bốn là, phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và phản động trên mặt trận tư tưởng, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trên tất cả các lĩnh vực nói chung và lĩnh vực tư tưởng nói riêng, các thế lực thù địch công khai rõ mục đích lợi dụng vấn đề dân chủ để phá hoại CNXH và công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam. Họ sử dụng chiêu bài “dân chủ” để “cấy” vào trong đời sống xã hội Việt Nam tư tưởng tự do DCTS, hòng xoá bỏ ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị của nền DCXHCN trong tâm thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Theo đó, núp dưới chiêu bài mị dân như: “sự nhích lại gần”, “giải phóng tư tưởng”, “cạnh tranh hoà bình”, “tự do”, “dân chủ”,... để gieo rắc, làm cho tư tưởng tư sản về tự do, dân chủ sinh sôi, nảy nở trong đời sống xã hội Việt Nam hòng từng bước gây ra sự “tự chuyển hoá”, “tự diễn biến”, “tự diễn biến chính trị” từ bên trong; kích động lôi kéo nhân dân vào các hoạt động chống lại Đảng, Nhà nước, chống lại chế độ, tiến tới mục tiêu cuối cùng là thiết lập nền DCTS ở Việt Nam.

Thời gian qua, các tổ chức và cá nhân phản động ở nước ngoài phối hợp với các phần tử chống đối trong nước lập ra hàng trăm trang web nhằm

đăng tải những thông tin tuyên truyền xuyên tạc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội; đưa những thông tin, hình ảnh, nội dung sai lệch, bóp méo sự thật, bịa đặt, vu cáo quá trình DCH XHCN ở Việt Nam. Chúng đặc biệt lợi dụng những sơ hở yếu kém trong hoạt động lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước như hạn chế trong công cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lợi dụng tình hình khiếu kiện, các “điểm nóng” ở một số địa phương; lợi dụng tình trạng thiếu thống nhất, mất đoàn kết trong một số cơ quan của Đảng và Nhà nước, địa phương để chia rẽ nội bộ ta;...để công kích, vu khống Đảng, Nhà nước ta vi phạm dân chủ và phát tán các tài liệu tuyên truyền tư tưởng tự do, DCTS. Trong quá trình thực hiện âm mưu, thủ đoạn của mình, các thế lực thù địch luôn chú ý đặc điểm tâm lý, trình độ chính trị, kinh nghiệm xã hội của các tầng lớp dân cư để có những hình thức, biện pháp riêng.

Đứng trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước trên lĩnh vực tư tưởng, cán bộ, đảng viên và nhân dân cần phải đề cao cảnh giác, nhận rõ mục đích, ý đồ thâm hiểm của chúng sử dụng chiêu bài “dân chủ” trong chiến lược “diễn biến hoà bình” chống Việt Nam. Từ đó, xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền một cách đúng đắn, với những phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền phù hợp nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân vững tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; tin vào chế độ xã hội XHCN mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Tiểu kết chương 2

Dân chủ là nguyện vọng, khát vọng sống của con người; phản ánh ý thức về quyền làm chủ và tự do trong các quan hệ xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Hiện nay, có nhiều quan niệm về dân chủ với những cách tiếp cận khác nhau. Ở góc độ khoa học công tác tư tưởng, dân chủ cần thiết phải tiếp cận từ nhiều phương diện: Dân chủ như quyền của các chủ thể trong CTTT; dân chủ như một nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cơ chế vận hành của hệ thống CTTT; dân chủ như một phong cách, một phương pháp công tác.

Trong CTTT, dân chủ là vấn đề rất cần thiết và quan trọng trong việc truyền bá hệ tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. *Dân chủ trong CTTT là quyền được cung cấp thông tin, quyền thảo luận - tranh luận, quyền quyết định và quyền tham gia của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào các quá trình, các hoạt động và sự vận hành của các yếu tố cấu thành CTTT, từ lãnh đạo, quản lý đến tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả CTTT.*

Nội dung dân chủ trong CTTT được xác định bao gồm: *dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý CTTT; dân chủ trong tổ chức thực hiện CTTT* (dân chủ trong xây dựng và thực hiện nội dung tuyên truyền; dân chủ trong lựa chọn và sử dụng phương pháp, hình thức tuyên truyền; dân chủ trong lựa chọn và sử dụng phương tiện tuyên truyền); và *dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT.*

Dân chủ trong CTTT chịu sự tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Phát huy dân chủ trong CTTT là đòi hỏi khách quan của việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTTT. Do đó, xác định đúng các yếu tố khách quan, chủ quan tác động đến dân chủ và quá trình dân chủ trong CTTT cũng như nhận thức rõ sự cần thiết của dân chủ trong CTTT có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng giải pháp tăng cường và phát huy dân chủ trong CTTT ở nước ta thời gian tới.

Chương 3

DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Đặc điểm tự nhiên và xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long có liên quan đến dân chủ trong công tác tuyên truyền

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng cực nam của Việt Nam (còn được gọi là Tây Nam Bộ hay là miền Tây). Vị trí nằm liền kề vùng Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam là Biển Đông. Đồng bằng sông Cửu Long; gồm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Trà Vinh, Tiền Giang, Vĩnh Long). Vùng có vị trí chiến lược rất quan trọng về chính trị, kinh tế và quân sự; nằm kề tuyến hàng hải Đông - Tây trong khu vực có đường giao thông hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng, giữa Nam Á và Đông Á với hơn 700 km bờ biển (bằng 23% bờ biển cả nước), khoảng 360.000 km² vùng biển và vùng đặc quyền kinh tế.

Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình khá thấp, độ cao trung bình là 3 - 5m, có nơi chỉ cao 0,5 - 1m so với mực nước biển. Nhiệt độ trung bình từ 24 đến 27 độ C, biên độ nhiệt từ 2 đến 3 độ/ năm. Vùng có hai mùa rõ rệt là mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10) và mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Mùa nắng với tiết trời khô ráo, giao thông thuận lợi là điều kiện tốt để tập trung cán bộ, đảng viên và nhân dân thành từng nhóm (có thể là nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn) với các hoạt động tuyên truyền như hội nghị, hội thảo, lớp học, nói chuyện thời sự, sinh hoạt văn hoá - văn nghệ,... Tuy nhiên, những địa phương (vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo ở một số địa phương của các tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang) không có cơ sở vật chất

tốt (hội trường, quạt gió, máy lạnh,...) sẽ tạo cảm giác không được thoải mái của cả chủ thể lẫn đối tượng, làm ảnh hưởng không tốt đến quá trình trao đổi, thảo luận, tranh luận trong các hoạt động tuyên truyền. Mùa mưa với khí hậu ẩm ướt và nước nổi mênh mông gây khó khăn cho việc tập trung đông người trong các hoạt động tuyên truyền.

Những địa phương có các tụ điểm dân cư tập trung đông trong phạm vi hẹp, trình độ dân trí khá cao (như các thành phố, thị xã, thị trấn, xã, ấp,...) tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền với sự đa dạng, phong phú về nội dung, phương pháp và hình thức. Tuy nhiên, các tỉnh như Đồng Tháp, Bến Tre, Hậu Giang, Tiền Giang, Long An,... với hệ thống kênh, rạch chằng chịt, việc dân cư sinh sống trải dài theo các bờ kênh, rạch và phân tán rải rác trên các cánh đồng, bị chia cắt trong mùa nước nổi,... làm ảnh hưởng không ít đến việc tập hợp số lượng đông người nghe tại một địa điểm nhất định nhằm trao đổi, thảo luận, tranh luận về những thông tin từ chủ thể tuyên truyền. Với những địa phương có đồi, núi (An Giang, Kiên Giang), ven biển, hải đảo (Kiên Giang, Cà Mau), vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang), dân cư thưa thớt, trình độ chưa cao, ngôn ngữ và đời sống văn hoá tinh thần có nhiều đặc điểm riêng; điều đó cũng là một trở ngại đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VDBSCL.

3.1.2. Đặc điểm xã hội

3.1.2.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Những năm qua, được sự chỉ đạo sát sao của Trung ương, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân, VDBSCL đã có *những chuyển biến tích cực, đạt được nhiều thành tựu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo điều kiện thuận lợi đối với việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT của Vùng*. Cụ thể như:

Kinh tế VĐBSCL hiện có tăng trưởng khá là 5,8% [1, tr.14]. Quy mô GRDP của Vùng đạt 596 nghìn tỷ đồng, đóng góp 11,95% vào tổng GDP cả nước [1, tr.14]. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tương đối tích cực, tiệm cận dần với cơ cấu kinh tế của cả nước. Nông nghiệp là điểm sáng lớn của Vùng, liên tục tăng trưởng với tốc độ cao, phát triển vượt bậc, khẳng định là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, hiện đại [115]. Kinh tế VĐBSCL ngày càng phát triển đã tạo điều kiện cho việc đầu tư vào CTĐT. Các cơ quan có chức năng thực hiện CTĐT được cấp kinh phí nhiều hơn và tổ chức quy mô hơn, chất lượng hơn đối với các hoạt động tuyên truyền. Phương tiện tuyên truyền và cơ sở vật chất phục vụ CTĐT cũng được cải thiện và ngày càng hiện đại hơn.

Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Nhiều giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới có chất lượng hơn, hiệu quả hơn. Công tác đổi mới giáo dục và đào tạo được tích cực triển khai, bước đầu có hiệu quả. Tỷ lệ nghèo của Vùng qua các giai đoạn giảm khá nhanh, thấp hơn bình quân tỷ lệ hộ nghèo của cả nước. Công tác an sinh xã hội được củng cố và tăng cường; phong trào đền ơn đáp nghĩa được phát động và toàn xã hội hưởng ứng sâu rộng. Cuộc sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong vùng ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực, nên họ ngày càng có niềm tin vào quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; từ đó họ quan tâm, tham gia và thực hiện tốt hơn dân chủ trong CTĐT.

Hạ tầng thông tin và truyền thông của Vùng phát triển mạnh và rộng khắp, bước đầu bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của công nghệ hiện đại, dịch vụ và ứng dụng tiên tiến. Cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin được đầu tư, xây dựng và phát triển với công nghệ hiện đại, có độ bao phủ

rộng, dung lượng lớn, cung cấp đa dịch vụ. Mạng di động bao phủ sóng rộng khắp bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ đa số người dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã trở thành phổ cập trong mọi mặt đời sống xã hội, trong các cơ quan nhà nước và các ngành kinh tế trọng điểm. Hệ thống thông tin cơ sở, các đài truyền thanh cơ sở đã từng bước được hiện đại hóa nhằm nâng cao chất lượng và phương thức nội dung thông tin. Chính đặc điểm này đã tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tiếp cận và nắm bắt thông tin nhanh hơn, đa dạng hơn. Đây là một thuận lợi rất lớn đối với việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTMT ở VDBSCL.

Dân số VDBSCL hơn 17 triệu người (chiếm gần 17,6% dân số cả nước, là vùng có số dân đông chỉ sau Đồng bằng sông Hồng) và đa dạng, gồm nhiều dân tộc khác nhau, trong đó có 4 dân tộc chính là Kinh (Việt), Khmer, Chăm, Hoa. Người Kinh chiếm đại đa số, sống ở hầu hết các nơi trong vùng. Người Khmer có mặt đông đúc ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang. Người Hoa tập trung nhiều ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng. Người Chăm sống chủ yếu ở An Phú, Tân Châu thuộc tỉnh An Giang. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về công tác dân tộc và đã đạt được những thành tựu quan trọng: Thu nhập bình quân đầu người khu vực dân tộc thiểu số ngày càng cao; Tỷ lệ hộ nghèo tại địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số liên tục giảm mạnh; Các địa phương đã quan tâm đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông, nhà văn hóa, trường học, phòng học vùng sâu, biên giới, vùng dân tộc thiểu số; [1, tr.36]... Từ đó, đồng bào các dân tộc ở các tỉnh, thành phố của Vùng luôn tin tưởng vào chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục ổn định. Những kết quả đó đã làm thay đổi diện mạo, khởi sắc nhiều vùng nông thôn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số ở VDBSCL. Đời sống vật chất và tinh thần của họ ngày càng được

nâng cao, tạo tiền đề cho việc khởi dậy, phát huy vai trò chủ thể đích thực theo hướng DCH trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và đối với việc thực hiện, phát huy dân chủ trong CTTT nói riêng.

Đồng bằng sông Cửu Long còn là vùng đất đa dạng về tôn giáo. Hiện nay, Vùng có 15 tôn giáo với 6,57 triệu tín đồ, 16.400 chức sắc, 34.700 chức việc và hơn 4.875 cơ sở tôn giáo được xây dựng, trùng tu [1, tr.36]. Nhiều hoạt động lễ hội tôn giáo diễn ra thu hút đông đảo người dân tham gia; lễ hội tôn giáo được tổ chức ngày càng phong phú, quy mô. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn VĐBSCL có sự chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào nề nếp. Đại bộ phận các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo trong Vùng hoạt động tôn giáo thuần túy theo đường hướng, hiến chương của giáo hội, pháp luật của Nhà nước và có thái độ chính trị rõ ràng, tiến bộ, gắn bó với dân tộc. Thông qua các sinh hoạt tôn giáo, chức sắc, chức việc, các tổ chức tôn giáo ở VĐBSCL đã góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; nâng cao nhận thức cho đồng bào có đạo biết cách làm giàu, vươn lên thoát nghèo; nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, chung sức đồng lòng cùng với Đảng, Nhà nước; đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về vấn đề dân tộc, tôn giáo, góp phần bảo vệ an ninh trật tự của địa phương, Tổ quốc.

Công tác xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu đã được triển khai tốt. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Vùng trời, Vùng biển của Tổ quốc. Công tác phân giới cắm mốc biên giới đã tiến hành được 84% trên toàn tuyến biên giới 04 tỉnh (Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang) tiếp giáp với 05 tỉnh biên giới Campuchia (Svay Riêng, Prey Veng, Kandal, Kampot) [1, tr.51]. Các cơ quan chức năng chủ động nắm chắc tình hình, tổ chức phòng ngừa, đấu tranh

ngăn chặn hiệu quả hoạt động chống phá của các thế lực thù địch xâm phạm an ninh quốc gia tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia và tuyến biển Tây Nam. Công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các loại tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, tham nhũng, chức vụ được triển khai đồng bộ, đạt hiệu quả cao. Công tác quản lý xuất, nhập cảnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần đắc lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

Với những kết quả đạt được trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, cuộc sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VDBSCL ngày càng được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần. Điều đó đã góp phần củng cố niềm tin vững chắc của họ vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và tin vào con đường CNXH mà Đảng và Nhân dân đã lựa chọn. Những kết quả đó cũng chính là điều kiện thuận lợi và là động lực cho DCH các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong CTTT nói riêng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, *tình hình kinh tế - xã hội của Vùng vẫn còn những hạn chế, bất cập*. Cụ thể như:

Tăng trưởng kinh tế của Vùng chậm lại một cách đáng kể. Giai đoạn 2016 - 2020, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân toàn vùng là 5,8%, thấp hơn so với cả nước (6,2%), đứng thứ 5 so với các Vùng khác [1, tr.55]. GRDP bình quân đầu người của Vùng còn thấp, 56 triệu đồng/người/năm (thấp hơn so với cả nước (81,6 triệu đồng/người/năm) [1, tr.55]. Bên cạnh đó, hai năm dịch bệnh đã tác động rất nặng nề đến tăng trưởng kinh tế các địa phương của Vùng.

Chất lượng giáo dục và đào tạo ở một số địa phương trong vùng chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số chỉ số về chăm sóc sức khỏe người dân còn khiêm tốn, đạt thấp so với toàn quốc. Thu nhập bình quân đầu người của Vùng thấp so với của toàn quốc (thấp hơn 1,04 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người chung toàn quốc (4.249 nghìn đồng/người/tháng) [1, tr.57]. Tỷ lệ giảm nghèo chưa bền vững. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số hiệu quả chưa cao.

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những địa bàn trọng điểm chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước. Đối với những địa phương có nhiều dân tộc và tôn giáo (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang), biên giới (An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang), hải đảo (Kiên Giang), bằng cách sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội không ngừng lợi dụng các vấn đề nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, tranh chấp đất đai, biên giới lãnh thổ,... để chia rẽ đoàn kết, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng; từ đó xúi giục người dân không thực hiện các chủ trương hoặc không phối hợp với các lực lượng chức năng để giải quyết các vấn đề của địa phương và của chính họ. Mặt khác, cán bộ công chức lãnh đạo, quản lý là người dân tộc công tác ở địa bàn có đông đồng bào dân tộc còn ít; cán bộ phụ trách công tác dân tộc, công tác tuyên truyền một số địa phương có đông đồng bào dân tộc không biết tiếng dân tộc nên hạn chế trong công tác tuyên truyền, vận động. Ngoài ra, do trình độ dân trí thấp, rào cản ngôn ngữ, thiếu hiểu biết về chủ trương, chính sách, pháp luật nên một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở một số nơi của Vùng (Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang) thực hiện dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong CTTT nói riêng còn qua loa, đại khái, hình thức; thậm chí có người, có lúc còn nghe theo kẻ xấu lừa phỉnh, có những hành vi gây mất ổn định an ninh chính trị.

Những hạn chế, bất cập trên các lĩnh vực đời sống xã hội đã có một số tác động tiêu cực đến quá trình DCH hoá các lĩnh vực đời sống xã hội ở VĐBSCL. Đó cũng chính là những rào cản, những trở ngại và là khó khăn cần phải được giải quyết trong quá trình thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT của Vùng.

Cấp uỷ và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cần nhận thức một cách đầy đủ và đúng đắn những điều kiện thuận lợi cũng như những khó khăn, trở ngại đối với việc thực hiện và phát huy dân chủ trong

CTTT. Đó chính là căn cứ quan trọng, mấu chốt để cấp uỷ và chính quyền các cấp thiết lập một hệ thống giải pháp sát hợp với thực tiễn nhằm phát huy hơn nữa những điều kiện thuận lợi, đồng thời khắc phục những khó khăn, trở ngại trong quá trình thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT của Vùng thời gian tới.

3.1.2.2. Hệ thống chính trị và vấn đề dân chủ hoá các lĩnh vực của đời sống xã hội

- Hệ thống chính trị VĐBSCL

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở VĐBSCL được chú trọng, đạt kết quả khá toàn diện. Năng lực lãnh đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng được nâng lên. Tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả hơn. Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện khá tốt chức năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân. Hoạt động của uỷ ban nhân dân các cấp ngày càng chủ động, tích cực; tập trung điều hành các nhiệm vụ trọng tâm; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thúc đẩy các ngành, lĩnh vực phát triển. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội quan tâm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng chú trọng tính hiệu quả, thiết thực, tập trung hướng về cơ sở; chất lượng hoạt động được nâng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn có mặt hạn chế, hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, ở một số giai đoạn còn yếu kém và khuyết điểm. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở một số nơi còn bị động.

- DCH các lĩnh vực đời sống xã hội ở VĐBSCL

Trong những năm qua, quá trình DCH các lĩnh vực đời sống xã hội ở VĐBSCL đã đạt được những kết quả quan trọng; cụ thể như sau:

Dân chủ trong lĩnh vực chính trị là một nội dung quan trọng và cần thiết trong quá trình xây dựng, phát triển bền vững VĐBSCL. Việc đề ra chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đã có những chuyển biến tích cực, căn bản theo hướng ngày càng mở rộng thảo luận trong cán bộ, đảng viên và có sự tham gia ý kiến của các tầng lớp nhân dân. Chính quyền các cấp cũng đã có quy định, hướng dẫn, cơ chế hợp lý để nhân dân tham gia ngày càng có hiệu quả vào thực tế hoạt động quản lý của Nhà nước. Các cơ quan chức năng giải quyết tốt đơn khiếu nại, tố cáo, các vấn đề bức xúc của nhân dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện mới. Các tầng lớp nhân dân ngày càng nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với việc xây dựng và phát triển Vùng trước sự diễn biến ngày càng phức tạp của tình hình hiện nay.

Kết quả đạt được trong quá trình thực hiện dân chủ trong chính trị là một trong những cơ sở rất quan trọng để thực hiện dân chủ trong CTTT. Khi cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong các công tác lãnh đạo của đảng uỷ, quản lý của chính quyền cũng như hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL thì họ sẽ có điều kiện để thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với CTTT một cách hiệu quả. Đồng thời, dân chủ trong CTTT hướng vào phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước; làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do và tất cả cùng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Dân chủ trong lĩnh vực kinh tế ở VĐBSCL cũng đã đạt được những thành tựu nổi bật. Dân chủ trong quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ và tôn trọng; do đó, nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần đan xen của Vùng đã khắc phục tình trạng phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế và có bước phát triển mạnh. Nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển

doanh nghiệp khá sôi động. Các cá nhân và tổ chức sản xuất kinh doanh (ở các cấp vi mô và vĩ mô) đều có quyền tự chủ trong khuôn khổ pháp luật; đồng thời, quan hệ phân phối đã được DCH, lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích toàn xã hội được kết hợp hài hoà.

Kết quả thực hiện dân chủ trên lĩnh vực kinh tế ở các tỉnh, thành phố VDBSCL đã thúc đẩy cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia một cách chủ động, tích cực, sáng tạo vào CTTT. Đời sống vật chất - tinh thần của cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng tốt hơn chính là điều kiện, là động lực để cán bộ, đảng viên và nhân dân trong Vùng tham gia vào CTTT. Mặt khác, khi người dân tự giác, chủ động và tự do bày tỏ tâm tư, nguyện vọng của mình theo khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật qua các hoạt động tuyên truyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế, phát triển dân chủ. Hơn nữa, khi kinh tế phát triển, cơ sở vật chất - kỹ thuật và các phương tiện tuyên truyền cũng ngày càng đa dạng, phong phú, hiện đại hơn; tạo điều kiện thu hút cán bộ, đảng viên, nhân dân tham gia rộng rãi và có hiệu quả vào các hoạt động của CTTT ở VDBSCL.

Dân chủ trong lĩnh vực văn hoá - xã hội ở VDBSCL trong những năm qua cũng đã có những bước tiến quan trọng. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động sáng tạo văn hoá, nghệ thuật, các lĩnh vực báo chí, thông tin, xuất bản được pháp luật bảo vệ; đồng thời cũng đã được phát triển theo hướng khuyến khích mọi tìm tòi sáng tạo, tôn trọng tinh thần độc lập trong suy nghĩ, thảo luận, tranh luận một cách dân chủ, bình đẳng, công khai. Đời sống tinh thần, xã hội với bầu không khí cởi mở, năng động, sáng tạo, tin cậy, hướng tới sự phát triển trí tuệ, đạo đức, nhân cách. Cán bộ, đảng viên, nhân dân cũng ngày càng ý thức được trách nhiệm và quyền làm chủ của mình trong việc giữ gìn, bảo vệ ổn định chính trị - xã hội, phát triển văn hoá của địa phương nói riêng và của Vùng nói chung.

Những thành tựu trong việc thực hiện dân chủ trên lĩnh vực văn hoá - xã hội cũng tác động trực tiếp đến việc thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL theo chiều hướng tích cực. Với một bầu không khí dân chủ, cởi mở, cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ động bàn bạc, tham gia ý kiến, thực hiện quyền làm chủ, bày tỏ chính kiến của mình trong các hoạt động của CTMT. Đồng thời, họ cũng thể hiện tốt vai trò giám sát đối với cấp uỷ, chính quyền và cán bộ tuyên truyền các cấp cũng như thẳng thắn góp ý về quá trình của CTMT, từ khâu hoạch định chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình hành động; đến khâu xây dựng mục đích, nội dung; lựa chọn và sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện; và đánh giá hiệu quả CTMT.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình DCH ở VDBSCL vẫn còn những tồn tại một số hạn chế, yếu kém như sau:

Trong lĩnh vực chính trị, công tác chính trị - tư tưởng vẫn còn thiếu sắc bén, thiếu sức thuyết phục, chưa thực sự linh hoạt và sâu sát thực tế. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội đôi khi còn bị động, lúng túng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp chưa thực sự phát huy tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự tôn trọng, chủ động gần gũi, lắng nghe, đối thoại nên chưa giải quyết kịp thời những yêu cầu, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Trong lĩnh vực kinh tế, sự cạnh tranh của nền kinh tế Vùng hiện nay vẫn chưa thật sự lành mạnh và dân chủ; chưa thật sự có sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, nhất là giữa thành phần kinh tế nhà nước với thành phần kinh tế tư nhân. Bên cạnh đó, công tác quản lý về kinh tế còn nhiều bất cập như: tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí,... ở một số địa phương vẫn chưa được xử lý nghiêm; việc thu hồi, đền bù đất, tái định cư ở nhiều nơi thực hiện chưa công khai, minh bạch, thiếu dân chủ;... làm cho một bộ phận người dân bức xúc. Ngoài ra, chính sách tiền lương nhìn chung vẫn còn mang tính bình quân, chưa thật sự tạo động lực cho người lao động.

Trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, quá trình DCH vẫn còn bất cập, yếu kém nhất là ở một số vùng, miền khó khăn (vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống). Dân chủ trong lĩnh vực văn hoá chưa được quan tâm thực hiện đúng mức, biểu hiện như: chênh lệch về hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền còn lớn; đời sống văn hoá ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo còn nhiều khó khăn. Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều hạn chế, một số cơ quan báo chí chưa thể hiện rõ vai trò “lực lượng chủ lực và xung kích trên mặt trận tư tưởng”.

Những hạn chế, yếu kém của quá trình DCH các lĩnh vực của đời sống xã hội ở VĐBSCL đã làm cản trở việc thực hiện dân chủ trong CTMT và dẫn đến hệ quả là CTMT của Vùng không thật sự đạt chất lượng và hiệu quả như mục đích đề ra. Bởi vì, nếu không dân chủ hoặc thiếu dân chủ một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội thì không thể phát huy được tính tự chủ, tự do, chủ động, tích cực, sáng tạo của chủ thể và đối tượng qua các hoạt động tuyên truyền.

3.2. Thực trạng dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.2.1. Ưu điểm và nguyên nhân

3.2.1.1. Ưu điểm

- *Dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý CTMT*
- + *Dân chủ trong hoạt động lãnh đạo của cấp uỷ các cấp*

Ban Thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ các tỉnh, thành phố VĐBSCL đã ban hành các văn bản chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa thực hiện bảo đảm kịp thời, đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả CTMT phù hợp với đặc thù của từng địa phương và với từng nhóm đối tượng. Cụ thể như: Thành uỷ Cần Thơ và tỉnh uỷ các tỉnh đề ra kế hoạch thông tin, tuyên truyền về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, về tuyên truyền đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; về kết quả thực hiện *Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học*

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 04-NQ/TW khoá XII và Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; về cải cách thủ tục hành chính; về các quy định của pháp luật về an toàn giao thông;... Đối với các tỉnh, thành phố có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu rất chú trọng đến việc thực hiện Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số. Theo kết quả khảo sát, việc thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL, có: 108 ý kiến (21,6%) đánh giá là rất tốt và 255 ý kiến (51%) đánh giá là tốt [Xem Phụ lục 3 – Phần 3]. Kết quả đó được thể hiện cụ thể ở các khía cạnh như sau:

Một là, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng hoạch định chiến lược, chương trình, kế hoạch tuyên truyền về cơ bản dựa trên tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Để xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL căn cứ vào nhiều yếu tố như cơ sở quan điểm, đường lối của Đảng về ổn định chế độ chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế; dựa trên lợi ích của cán bộ, đảng viên và nhân dân; nhu cầu thông tin của đối tượng tuyên truyền và tình hình thực tiễn ở mỗi giai đoạn cụ thể của từng khu vực, từng địa phương. Đồng thời, cấp uỷ các cấp ở tỉnh, thành phố của Vùng thường xuyên tham khảo kết quả các cuộc thăm dò dư luận xã hội để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Theo kết quả khảo sát, khi xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT, cấp uỷ các cấp ở địa phương dựa trên tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân làm căn cứ: có 196 ý kiến (chiếm 39,2%) đánh giá là thường xuyên và 196 ý kiến (chiếm 39,2%) đánh giá về cơ bản là có [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.1].

Hai là, cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng về cơ bản được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT.

Khi xây dựng các chủ trương, nhiệm vụ, kế hoạch, giải pháp CTTT, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL đều có sự tham mưu của ban tuyên giáo cấp uỷ cùng cấp, của các sở, ban, ngành có chức năng và nhiệm vụ thực hiện CTTT. Cấp uỷ các cấp thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin cơ sở; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện nhiệm vụ thông tin cơ sở; bảo đảm cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, kiến thức cần thiết mọi lĩnh vực cho người dân trên địa bàn. Đồng thời, cấp uỷ các cấp thường xuyên tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân được tham gia thảo luận, tranh luận, đề xuất ý kiến nhằm góp phần xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, kế hoạch, giải pháp CTTT sát hợp với thực tiễn. Theo kết quả khảo sát ở các tỉnh, thành phố của Vùng, có: 173 ý kiến (chiếm 34,6%) cho rằng nhân dân thường xuyên được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT; và 175 ý kiến (chiếm 35%) cho rằng về cơ bản là có sử dụng thông tin mà nhân dân cung cấp và nhân dân tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Ba là, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng thường xuyên thể hiện dân chủ trong chỉ đạo phối hợp các yếu tố bên trong và ngoài hệ thống tuyên truyền trong quá trình tổ chức các hoạt động tuyên truyền.

Với sự chỉ đạo sâu sát của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL, công tác phối hợp giữa các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trung ương với cấp uỷ, chính quyền địa

phương trong cung cấp thông tin, quản lý nội dung thông tin và tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền luôn được quan tâm đổi mới cả nội dung, phương thức hoạt động. Cụ thể như sau:

Ngay từ đầu năm, ban tuyên giáo các tỉnh, thành phố của Vùng xây dựng chương trình làm việc, chủ động tham mưu, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của CTMT kịp thời, hiệu quả. Định kỳ hàng tháng, ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy biên soạn Bản tin phục vụ sinh hoạt chi bộ trên địa bàn tỉnh; tổ chức các cuộc họp giao ban an ninh tư tưởng, dư luận xã hội, báo chí, hội nghị báo cáo viên trực tuyến, hội nghị chuyên đề,... kịp thời thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kết quả hoạt động kinh tế - xã hội,...; chỉ đạo, định hướng CTMT, giáo dục nhân các ngày kỷ niệm, các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh, thành phố; cung cấp đề cương, văn bản hướng dẫn tuyên truyền;... Qua đó, chủ thể tuyên truyền, thông tin đúng định hướng, nâng cao đời sống tinh thần của cán bộ, đảng viên, nhân dân, tạo sự thống nhất trong Đảng và toàn xã hội; củng cố niềm tin, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố đề ra.

Hệ thống báo chí và phát thanh, truyền hình từ cấp tỉnh, thành phố đến cấp cơ sở của VDBSCL luôn tiên phong trong các hoạt động tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Theo *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư “Về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới”* ở các tỉnh, thành phố của Vùng: Cơ quan ngôn luận thuộc đảng bộ các tỉnh, thành phố (bao gồm: báo (báo in, báo điện tử), các trang thôn tin điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh,...) đã góp phần đặc lực trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tập trung thông tin sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với các hoạt động tại

cơ sở; phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hóa - xã hội, công tác an ninh trật tự, gương người tốt, việc tốt, mô hình, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực đời sống xã hội;...

Theo kết quả khảo sát về mức độ các cơ quan báo chí ở địa phương đã thể hiện được vai trò xung kích của mình đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở các tỉnh, thành phố của Vùng như sau: có 71 ý kiến (chiếm 14,2%) cho rằng các cơ quan báo chí ở địa phương hoàn toàn chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan và 249 ý kiến (chiếm 49,8%) cho rằng các cơ quan báo chí ở địa phương chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Về mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT, kết quả khảo sát như sau: có 124 ý kiến (chiếm 24,8%) cho rằng rất kịp thời, nhanh chóng và có 219 ý kiến (chiếm 43,8%) về cơ bản kịp thời, nhanh chóng [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Đối với các tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, các chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc đã góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia vùng biên giới.

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch ở các tỉnh, thành phố của Vùng thường xuyên tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhân các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện quan trọng của đất nước, của vùng, của tỉnh, thành phố. Kết quả khảo sát về mức độ các cơ quan văn hoá - văn nghệ ở địa phương đã thể hiện được vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên, nhân dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy: có 51 ý kiến (chiếm 10,2%) cho rằng các cơ quan văn hoá - văn nghệ ở địa phương hoàn toàn cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên, nhân dân; và có 242 ý kiến (chiếm 48,45%) cho rằng các cơ quan văn hoá -

văn nghệ ở địa phương cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Bên cạnh đó, đối với các tỉnh, thành phố có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, theo *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư “Về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới”*, cấp uỷ các cấp chỉ đạo các ban, ngành đặc biệt chú trọng đến vai trò của trưởng ấp, chức sắc, chức việc, sãi cả và những người có uy tín trong quá trình thực hiện CTMT. Họ là những người truyền đạt kiến thức, sự hiểu biết đến với người dân một cách dễ hiểu và tiếp thu nhanh nhất các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, họ thường xuyên nắm bắt được những khó khăn, vướng mắc, cũng như tâm tư, tình cảm, nguyện vọng chính đáng và những kiến nghị, đề xuất của người dân để phản ánh với cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể nghiên cứu, xem xét, giải quyết.

Nhìn chung, trong những năm qua, dân chủ trong CTMT của VDBSCL đã được triển khai, thực hiện với một tinh thần mới, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị. Tuỳ theo từng nội dung, các tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể,... hợp tác, phân công trong CTMT một cách phù hợp. Kết quả khảo sát về mức độ dân chủ đối với sự phối hợp giữa các tổ chức, các ban, ngành trong CTMT ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy: có 101 ý kiến (chiếm 20,2%) đánh giá là rất tốt và có 235 ý kiến (chiếm 47,4%) đánh giá là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.2].

Bốn là, cơ chế, chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng về cơ bản là công khai, minh bạch.

Căn cứ theo yêu cầu, nhiệm vụ, đối tượng của CTTT và đặc điểm tình hình của từng địa phương, ban tuyên giáo các tỉnh, thành phố VDBSCL có những quy định cụ thể về số lượng cũng như quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, chức năng, nhiệm vụ và quyền lợi của cán bộ tuyên truyền; trong đó, yêu cầu về phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn luôn được chú trọng. Đối với công tác tuyên truyền miệng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ An Giang đã ban hành: Quy chế hoạt động báo cáo viên theo Quyết định số 159-QĐ/TU ngày 16/12/2020; Hướng dẫn số 92-HD/BTGTU ngày 07/10/2019 về thực hiện Chương trình Bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền miệng; Quy chế số 24-QC/TU ngày 04 tháng 3 năm 2022 về Hoạt động Báo cáo viên, Tuyên truyền viên; Thành uỷ Thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 655-QĐ/TU về Quy chế hoạt động Báo cáo viên Thành uỷ, nhiệm kỳ 2020-2025;... Theo kết quả khảo sát về cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng, có: 115 ý kiến (chiếm 23%) cho rằng là hoàn toàn công khai, minh bạch; và 218 ý kiến (chiếm 43,6%) cho rằng là về cơ bản có sự công khai, minh bạch [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Đội ngũ cán bộ tuyên truyền được cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng được quan tâm xây dựng, kiện toàn đảm bảo số lượng, chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của CTTT. Đó là những đồng chí có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, nắm vững kiến thức cơ bản, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; am hiểu tình hình địa phương và nắm bắt được đặc điểm của đối tượng tuyên truyền. Ngoài ra, đội ngũ này còn được tập huấn kỹ năng, phương pháp tuyên truyền; chủ động tìm tòi, cập nhật thông tin, lựa chọn các nội dung để tuyên truyền phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; thường xuyên nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức truyền đạt nhằm thu hút, tạo sự hấp dẫn đối với người nghe. Theo kết quả tổng hợp *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo* ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cho thấy chất lượng báo cáo

viên, tuyên truyền viên đa số đạt mức khá, giỏi trở lên. Các hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên trên địa bàn được cấp ủy quan tâm, định kỳ tổ chức; qua đó rèn luyện, trang bị thêm kiến thức, kỹ năng cho lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên; lựa chọn các báo cáo viên, tuyên truyền viên xuất sắc, tham dự các cuộc thi, hội thi khu vực và toàn quốc do Trung ương tổ chức.

Năm là, cấp ủy các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng thường xuyên thể hiện dân chủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát CTMT.

Trong những năm qua, cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL đã chú trọng đến hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động tuyên truyền của địa phương. Hàng năm, Ban Thường vụ tỉnh ủy/thành ủy ở các tỉnh, thành phố của Vùng xây dựng kế hoạch kiểm tra việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng tại các đảng bộ trực thuộc. Theo *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư “Về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới”* ở các tỉnh, thành phố của Vùng: cấp ủy các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, giám sát, kiểm tra công tác thông tin cơ sở, nhất là trước các sự kiện chính trị quan trọng như đại hội đảng các cấp, bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, các hoạt động lễ, kỷ niệm của đất nước, địa phương; bảo đảm công tác thông tin, tuyên truyền được kiểm tra, giám sát lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên; định kỳ kiểm tra, giám sát, khảo sát thực trạng cơ sở vật chất - kỹ thuật, thiết chế văn hóa - thông tin ở cơ sở; chỉ đạo thành lập Đội kiểm tra liên ngành về hoạt động văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng và phòng, chống tệ nạn để tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, biểu diễn, hoạt động văn hóa và thông tin, tin ngưỡng... Đồng thời, chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xấu độc, xuyên tạc, góp phần củng cố sự đoàn kết và đồng thuận xã hội ở cơ sở và từ cơ sở.

+ Dân chủ trong hoạt động quản lý của chính quyền các cấp

Cơ quan chức năng quản lý CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL đã thực hiện khá tốt vai trò của mình. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện dân chủ trong quản lý hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong CTTT ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy, có 99 ý kiến (19,8%) đánh giá là rất tốt và 251 ý kiến (50,2%) đánh giá là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Kết quả đó được thể hiện cụ thể ở từng khía cạnh như sau:

Một là, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng về cơ bản đã cụ thể hoá chủ trương, quan điểm của cấp uỷ các cấp về CTTT, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong CTTT.

Chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng chủ động, kịp thời triển khai, quán triệt đầy đủ tất cả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương và địa phương liên quan đến CTTT. Bên cạnh đó, thông qua các báo, đài và hệ thống đài truyền thanh cơ sở, nội dung các văn bản cũng được truyền tải đến rộng rãi cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn. Kết quả khảo sát về thực hiện thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về CTTT thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cho thấy: có 122 ý kiến (chiếm 24,4%) đánh giá là rất tốt và 238 ý kiến (chiếm 47,6%) đánh giá về cơ bản là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Theo phương pháp phân tích phương sai một chiều, kết quả khảo sát có sự khác biệt về thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về CTTT thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong CTTT ở các địa phương: An Giang được đánh giá là địa phương thực hiện tốt nhất ($M = 4,22$), kế đến là Sóc Trăng ($M=4,20$) và lần lượt là Kiên Giang, Cần Thơ, Bến Tre [Xem Phụ lục 3 - Phần 5].

Hai là, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng về cơ bản đã tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền.

Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố VĐBSCL đã triển khai Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và xây dựng chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, góp phần xây dựng môi trường mạng an toàn, lành mạnh. Sở còn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý thông tin trên mạng, nhất là mạng xã hội; cung cấp thông tin kịp thời, chính xác; định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận trong xã hội; đồng thời, phản bác các quan điểm sai trái, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Điển hình là Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre phối hợp với Viettel Bến Tre triển khai thử nghiệm hệ thống giám sát thông tin xấu, độc, phản động, liên quan đến Bến Tre trên mạng xã hội (Facebook, Youtube, Zalo,...) [110, tr.9]. Theo khảo sát về tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL, kết quả như sau: có 102 ý kiến (chiếm 20,4%) cho rằng là rất tốt và có 234 ý kiến (chiếm 46,8%) cho rằng về cơ bản là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Trong các địa phương của Vùng được khảo sát, An Giang vẫn là địa phương được đánh giá là thực hiện tốt nhất vấn đề này ($M=4,12$) và Bến Tre là địa phương xếp sau cùng trong 05 tỉnh, thành phố được khảo sát với giá trị $M = 3,47$ [Xem Phụ lục 3 - Phần 5].

Ba là, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng về cơ bản đã tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong CTTT có liên quan đến nhu cầu, lợi ích của người dân.

Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố của Vùng chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí tiếp tục tuyên truyền, thông tin đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Hội nghị Trung ương, Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tỉnh uỷ, thành uỷ, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố; đồng thời phản ánh đậm nét những diễn biến quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước, của địa phương. Sở còn ban hành các hướng dẫn tuyên truyền về những

ngày lễ lớn hàng năm; đồng thời chỉ đạo, định hướng tập trung tuyên truyền các sự kiện chính trị, kỷ niệm; tuyên truyền thường xuyên và liên tục, cao điểm công tác phòng, chống dịch Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội trong những năm vừa qua. Theo kết quả khảo sát về việc tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong CTTT có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân, có 115 ý kiến (chiếm 23%) đánh giá là rất tốt và 228 ý kiến (chiếm 45,6%) đánh giá về cơ bản là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Nhìn chung, các tỉnh, thành phố được khảo sát trong Vùng đều tạo những điều kiện tốt để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong CTTT; trong đó, thực hiện tốt nhất là tỉnh An Giang (M=4,28) [Xem Phụ lục 3 - Phần 5].

Bốn là, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng về cơ bản đã xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân gây mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc.

Thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL đã thành lập Đội kiểm tra liên ngành để tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, biểu diễn, hoạt động văn hóa thông tin, tín ngưỡng,... Bên cạnh việc triển khai các văn bản của Trung ương, thực hiện sự chỉ đạo của tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành các văn bản, chỉ đạo hệ thống truyền thanh các huyện, thành phố, đài truyền thanh xã, phường, thị trấn tuyên truyền chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;... tăng cường theo dõi các thông tin của tỉnh, thành phố đăng tải trên các báo, đài, mạng xã hội hàng ngày; thường xuyên phối hợp với ngành chức năng tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của các đài truyền thanh cơ sở.

Theo Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển thông tin và

truyền thông 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, Sở Thông tin và Truyền thông ở các tỉnh, thành phố của Vùng đã chủ động thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, thanh tra hành chính theo kế hoạch công tác đã đề ra (đạt và vượt khoảng 50% theo kế hoạch đề ra); kịp thời giải quyết đúng quy định các vụ việc, đơn, thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo về thông tin, truyền thông ở các tỉnh, thành phố của Vùng. Đơn cử như Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Cần Thơ trong 05 năm (2016 - 2020) đã thực hiện được 49 cuộc thanh tra cùng với thực hiện thanh tra, giải quyết, xử lý 154 vụ việc có liên quan khác đối với 926 đối tượng thanh tra. Qua công tác, cơ quan chức năng đã thực hiện các hình thức xử lý hành chính đối với 677 đối tượng vi phạm (phạt tiền 151 đối tượng, nhắc nhở 518 đối tượng, chuyển truy tố hình sự 08 đối tượng); tổng số tiền xử phạt là 749 triệu đồng; tịch thu 7.456 xuất bản phẩm in lậu; phát hiện, yêu cầu xóa bỏ 01 tài khoản Facebook mạo danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố [108, tr.6]. Các vấn đề, vụ việc của tổ chức, cá nhân có liên quan đến CTTT đều được đơn vị giải quyết, hướng dẫn kịp thời, đúng quy định; không có phát sinh vụ việc đông người, phức tạp nào.

Kết quả khảo sát về mức độ xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cho thấy: 155 ý kiến (31%) nhận định là rất tốt và 224 ý kiến (44,8%) nhận định về cơ bản là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Qua kiểm tra, đã kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện, đề ra mục tiêu và các giải pháp thực hiện công tác thông tin cơ sở chặt chẽ và phù hợp hơn.

- Dân chủ trong việc tổ chức thực hiện CTTT

+ Dân chủ trong việc xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền

Trong những năm gần đây, việc xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền được cấp uỷ, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL coi

trọng hơn và bước đầu trở thành nhu cầu của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Một trong những yếu tố để cán bộ tìm hiểu khi thực hiện nhiệm vụ CTTT là nội dung tuyên truyền. Kết quả khảo sát về mức độ cán bộ tìm hiểu về nội dung tuyên truyền khi thực hiện nhiệm vụ CTTT cho thấy: có 461 ý kiến (chiếm 92,2%) cho rằng cán bộ thường tìm hiểu nội dung khi thực hiện nhiệm vụ CTTT [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.3].

Nội dung CTTT ở các tỉnh, thành phố VDBSCL thường là sự lồng ghép nhiều nội dung theo chương trình và kế hoạch hàng năm, sự hướng dẫn, định hướng của ban tuyên giáo các cấp và sự chỉ đạo của cấp uỷ cùng cấp. Nội dung và đề cương tuyên truyền được xây dựng theo hướng đa dạng, hấp dẫn, có sức thuyết phục và từng bước nâng cao chất lượng công tác thông tin cơ sở phù hợp với nhu cầu thông tin của từng nhóm đối tượng và phù hợp điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương. Theo *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của tỉnh uỷ, thành uỷ ở các tỉnh, thành phố của Vùng, nội dung thông tin tuyên truyền đa dạng, phong phú trên các lĩnh vực, vừa có nội dung chuyên sâu, vừa đảm bảo tính toàn diện, cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đảm bảo tính định hướng, thuyết phục. CTTT tập trung vào một số nội dung chính là: thông báo nhanh kết quả đại hội Đảng các cấp; các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, các kỳ họp của Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố; các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; các chuyên đề về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tình hình Biển Đông, phân giới cắm mốc; các vấn đề thời sự quốc tế, khu vực;...

Các nội dung về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong nước, trong vùng cũng được quan tâm. Một số chuyên đề trên lĩnh vực khoa giáo, tình hình hoạt động của các tôn giáo trong nước, trong vùng được giới

thiếu sâu hơn đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm được cốt lõi của vấn đề. Theo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của nội dung tuyên truyền: có 90 ý kiến (chiếm 18%) đánh giá là hoàn toàn đáp ứng; và có 228 ý kiến (chiếm 45,6%) đánh giá là đáng ứng tốt về cơ bản; về mức độ sát hợp với yêu cầu thực tiễn của nội dung tuyên truyền, có 124 ý kiến (chiếm 24,8%) đánh giá là sát hợp với thực tiễn và 181 ý kiến (chiếm 36,2%) đánh giá là sát hợp về cơ bản với thực tiễn [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

+ *Dân chủ trong việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền*

Việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền ở VDBSCL phụ thuộc chủ yếu vào nhiều yếu tố như: đặc điểm đối tượng tuyên truyền; mục đích, nội dung, nhiệm vụ CTTT, cơ sở vật chất phục vụ CTTT, địa bàn thực hiện CTTT,... Chính vì thế, để CTTT có thể đạt được hiệu quả tối ưu, cán bộ thường xuyên nghiên cứu những đặc điểm của đối tượng tuyên truyền khi thực hiện nhiệm vụ để có sự lựa chọn phương pháp và hình thức thực sự sát hợp với tình hình thực tiễn. Kết quả khảo sát về mức độ thường xuyên của cán bộ tuyên truyền trong việc nghiên cứu những đặc điểm của đối tượng tuyên truyền cho thấy, có: 344 ý kiến (chiếm 68,8%) cho rằng là độ tuổi; 216 ý kiến (chiếm 43,2%) cho rằng là giới tính; 329 ý kiến (chiếm 65,8%) cho rằng là trình độ học vấn; 217 ý kiến (chiếm 43,4%) cho rằng là trình độ chính trị; 306 ý kiến (chiếm 61,2%) cho rằng là dân tộc, tôn giáo; và 334 ý kiến (chiếm 66,8%) cho rằng là quan điểm, thái độ của đối tượng tuyên truyền với nội dung tuyên truyền [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Ngoài ra, theo kết quả khảo sát, cán bộ tuyên truyền còn nghiên cứu về lịch sử bản thân đối tượng, môi trường sinh sống và làm việc, nghề nghiệp, tập quán văn hóa, tư tưởng của người dân,...

Theo *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của thành uỷ, tỉnh uỷ ở các tỉnh, thành

phổ của Vùng, hoạt động tuyên truyền miệng ở xã, phường, thị trấn được chú trọng thông qua việc kết hợp, lồng ghép với các buổi sinh hoạt chi bộ, tổ nhân dân tự quản, sinh hoạt chi đoàn, chi hội, tổ hội, các hội nghị chuyên đề, tiếp xúc cử tri, lễ hội, hội thi, hội diễn văn hóa, thể dục, thể thao, các phong trào thi đua,... Trong quá trình triển khai, thực hiện, xuất hiện nhiều mô hình đem lại hiệu quả thiết thực, đặc biệt mô hình “Ban Tuyên truyền vận động” xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Mô hình này đã được chọn làm điểm để các địa phương học tập, triển khai thực hiện và từng bước đi vào hoạt động đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần tháo gỡ “điểm nghẽn” trong công tác thông tin, tuyên truyền [127, tr.6].

Việc tiếp nhận thông tin và trả lời thông tin phản ánh của người dân được cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện có hiệu quả, chặt chẽ, kịp thời. Đối với những thông tin có tính bảo mật thì chú trọng công tác tuyên truyền miệng, thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Đối với những thông tin thông thường thì được phổ biến rộng rãi qua hệ thống đài truyền thanh quận, huyện và các xã, phường, thị trấn, các phương tiện thông tin đại chúng, các buổi họp dân, tiếp xúc cử tri, đối thoại trực tiếp, tuyên truyền bằng loa di động tại các khu vực đông dân cư. Các sự kiện chính trị lớn thì tuyên truyền trực tiếp bằng pano, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu,... Theo *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới* của tỉnh uỷ, thành uỷ ở các tỉnh, thành phố VDBSCL, việc tiếp nhận thông tin và trả lời thông tin phản ánh của người dân được thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước, được người dân đồng tình, đánh giá cao, giải quyết kịp thời những vấn đề nhân dân đặt ra, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị trên địa bàn, không để phát sinh điểm nóng. Đồng thời, kết quả khảo sát về mức độ đối thoại của cán bộ với đối tượng trong các hoạt động tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy: có 81 ý kiến

(chiếm 16,2%) đánh giá là rất thường xuyên và có 203 ý kiến (chiếm 40,6) đánh giá là thường xuyên [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.4].

+ Dân chủ trong việc lựa chọn và sử dụng phương tiện tuyên truyền

Việc lựa chọn và sử dụng phương tiện trong các hoạt động tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL có những chuyển biến tốt theo hướng DCH. Hiện nay, mỗi xã, phường, thị trấn trên địa bàn ở các tỉnh, thành phố của Vùng đều có nhà văn hóa (các nhà văn hóa đều được trang bị máy vi tính và máy in có đường truyền dẫn Internet, đảm bảo kết nối với các dữ liệu chung từ tỉnh, thành phố đến cơ sở), tủ sách pháp luật và hệ thống đài truyền thanh cơ sở; phòng họp, máy chiếu, màn hình rộng, âm thanh,... phục vụ hội nghị báo cáo viên trực tuyến, bảo đảm hoạt động tuyên truyền miệng được thông suốt và hiệu quả.

Đội ngũ báo cáo viên các cấp được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác tuyên truyền miệng như: được cung cấp tài liệu, tạp chí báo cáo viên, sổ tay tuyên giáo,... góp phần tích cực trong việc đổi mới phương pháp, hình thức tuyên truyền miệng và nâng cao trình độ, kỹ năng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Các lực lượng làm CTTT từ thành phố đến cơ sở tích cực sử dụng truyền thông đa phương tiện để tuyên truyền, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân như: mạng xã hội (Website, Fanpage, Zalo, Facebook...), cổng hoặc trang thông tin điện tử, hộp thư điện tử công vụ, nhắn tin đến thiết bị di động thông minh,... để chuyển tải thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền ở cơ sở, nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp.

Để đảm bảo tính dân chủ trong CTTT, chủ thể tuyên truyền đã lựa chọn và sử dụng các phương tiện phù hợp với đặc điểm đối tượng, đảm bảo chuyển tải được nội dung tuyên truyền và sát hợp với tình hình thực tiễn của địa bàn. Theo *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016*

của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới của tỉnh uỷ, thành uỷ ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL, hoạt động thông tin, tuyên truyền đến người dân được thực hiện vừa thông qua các phương tiện thông tin đại chúng truyền thống, vừa kết hợp thông tin qua truyền thông số hiện đại như thông tin trên các nền tảng mạng xã hội Facebook, Youtube, TikTok, Zalo, trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của phương tiện tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy: có 95 ý kiến (19%) cho rằng là hoàn toàn đáp ứng và 205 ý kiến (41%) cho rằng là đáp ứng tốt về cơ bản [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

- Dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT:

Một là, nhận thức, thái độ, hành vi của phần lớn cán bộ, đảng viên và nhân dân sau khi tiến hành một kế hoạch, một đợt tuyên truyền thường cao hơn, sâu hơn so với nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng trước đó.

Trong những năm qua, với sự quan tâm của cấp uỷ, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL, CTTT đã đạt được những kết quả quan trọng và quá trình DCH trong CTTT cũng có sự đổi mới. Phần lớn cán bộ, đảng viên, nhân dân thấm nhuần và quán triệt các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Theo kết quả tổng hợp *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khóa X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới của tỉnh uỷ, thành uỷ ở các tỉnh, thành phố của Vùng, cán bộ, đảng viên và nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, tuân thủ pháp luật, nâng cao cảnh giác cách mạng; hiểu rõ hơn về vai trò của VĐBSCL trong giai đoạn phát triển mới, hạn chế được những thông tin xấu, độc trên không gian mạng xuyên tạc về thực trạng kinh tế - xã hội của Vùng và các địa phương trong Vùng; tích cực tham gia đấu tranh làm thất bại những âm mưu,*

thủ đoạn lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước; xuất hiện nhiều tấm gương điển hình, tiêu biểu, người tốt, việc tốt, tập thể cá nhân học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, mô hình “Dân vận khéo”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”;...

Dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT của Vùng còn được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực của đời sống xã hội mà cán bộ, đảng viên và nhân dân với tư cách là đối tượng của CTTT tác động đến. Theo kết quả thực hiện *Kết luận 28-KL/TW của về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011-2020*: Kinh tế - xã hội VĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu to lớn như: cơ cấu kinh tế chuyển dịch và phát triển đúng hướng với quy mô, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển tích cực; các chương trình phục vụ an sinh xã hội đã góp phần ổn định cuộc sống người dân; nhiều lĩnh vực văn hóa - xã hội từng bước phát triển khá và ngày càng ổn định, cơ bản giải quyết được bức xúc của nhân dân; thể trận quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự xã hội được củng cố [1, tr.54-55].

Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng và cán bộ tuyên truyền thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố VĐSCL với tư cách là đối tượng tuyên truyền tham gia vào các hoạt động đánh giá hiệu quả CTTT. Đồng thời, nhận thức được quyền và trách nhiệm của mình đối với CTTT, cán bộ, đảng viên và nhân dân của Vùng ngày càng chủ động, tích cực, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động đánh giá hiệu quả CTTT. Kết quả khảo sát về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đánh giá hiệu quả CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cho thấy: có 94 ý kiến (chiếm 18,8%) đánh giá là rất tốt và có 211 ý kiến (chiếm 42,2%) đánh giá là tốt [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.5].

Hai là, hầu hết cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ tuyên truyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL căn cứ vào nhu cầu, lợi ích, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân được thể hiện trong kết quả tuyên truyền để làm căn cứ, làm xuất phát điểm cho việc xây dựng chiến lược, chiến dịch, kế hoạch, xác định nhiệm vụ, giải pháp CTTT giai đoạn tiếp theo.

Hiệu quả CTTT ở các tỉnh, thành phố VDBSCL còn là yếu tố điều chỉnh, là kênh thông tin phản hồi của cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền. Do vậy, sau các hoạt động tuyên truyền, các cơ quan chức năng và cán bộ tuyên truyền đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi hoặc tiến hành điều tra dư luận xã hội để làm cơ sở, làm căn cứ hoạch định chiến lược, chương trình, kế hoạch cũng như xây dựng nội dung và lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện sao cho phù hợp với mong muốn của đối tượng tuyên truyền, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu).

Trong những năm gần đây, nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VDBSCL phong phú, đa dạng và có nhiều đổi mới theo hướng DCH, đẩy mạnh thông tin hai chiều, gắn truyền đạt với đối thoại theo từng đối tượng; đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân; nắm bắt kịp thời tư tưởng, tâm tư, lợi ích, nguyện vọng đối với sự lãnh đạo Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Kết quả khảo sát về mức độ phản hồi, nêu ý kiến về nội dung tuyên truyền trong quá trình được tuyên truyền của đối tượng tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cho thấy: có 399 ý kiến (chiếm 79,8%) nhận định rằng người được tuyên truyền thường xuyên phản hồi, nêu ý kiến về nội dung tuyên truyền [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.6]. Kết quả khảo sát về mong muốn được tiếp nhận thông tin qua phương pháp tuyên truyền của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy chủ yếu là nhóm

phương pháp đối thoại (270 ý kiến, chiếm 54%), phương pháp hỏi đáp (264 ý kiến, chiếm 52,8%), phương pháp trực quan (201 ý kiến, chiếm 40,2) [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Kết quả khảo sát về mong muốn được tiếp nhận thông tin qua hình thức tuyên truyền của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy chủ yếu là đọc báo, nghe đài, xem ti vi (271 ý kiến, chiếm 45,2%), hội nghị, hội thảo, tọa đàm (244 ý kiến, chiếm 48,8%) và hoạt động văn hoá - văn nghệ (220 ý kiến, chiếm 44%) [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Như vậy, khi đối chiếu với kết quả tuyên truyền (nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng tuyên truyền; thực tiễn các lĩnh vực của đời sống xã hội) và sự phản hồi về mong muốn, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, các cơ quan chức năng và đội ngũ cán bộ tuyên truyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng đã có sự lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền phù hợp với mong muốn, với nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong Vùng. Đồng thời, đó cũng là cơ sở, là căn cứ quan trọng để cấp uỷ, chính quyền và các cơ quan chức năng các cấp hoạch định chiến lược, chiến dịch, kế hoạch và xác định nhiệm vụ, giải pháp phát huy dân chủ trong CTMT ở VDBSCL cho giai đoạn tiếp theo.

3.2.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

- Nguyên nhân khách quan

Một là, Đảng ta đã đề ra và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, đường lối, chính sách về thực hiện dân chủ, *Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* và *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* trên phạm vi cả nước nói chung và ở VDBSCL nói riêng một cách nghiêm minh và hiệu quả. Nhiều văn bản pháp lý về dân chủ và DCH ở cơ sở đã được ban hành, quy định về việc tiếp dân tại các cơ quan chính quyền, tiếp xúc định kỳ với công dân. Những văn bản pháp lý trên đã tạo ra không gian và môi trường pháp lý mới cho sự tham gia của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở vào công tác quản lý của Nhà nước nói chung và CTMT nói riêng.

Hai là, hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về dân chủ, thực hiện dân chủ, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có những tiến bộ nhất định và tương đối đầy đủ, đồng bộ và ngày càng hoàn thiện; được phổ biến sâu rộng và tạo điều kiện cho việc chấp hành nghiêm chỉnh và phát huy “quyền làm chủ” trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đây là cơ sở pháp lý chủ yếu và quan trọng đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL.

Ba là, với cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để nhân dân làm chủ” [56, tr.173], cấp ủy, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL luôn sâu sát việc thực hiện dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực công tác tư tưởng. Trong giai đoạn hiện nay, với sự diễn biến ngày càng phức tạp của tình hình trong nước và thế giới, công tác tư tưởng của Đảng có vai trò rất quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì thế, ngày 22 tháng 10 năm 2018, Bộ Chính trị đã đề ra Nghị quyết 35-NQ/TW về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

Bốn là, xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế cùng với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, nhất là trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc thực hiện dân chủ trong CTMT. Cán bộ, đảng viên, nhân dân VDBSCL đã, đang tiếp cận và vận dụng những thành tựu mới của nhân loại với những phương pháp, hình thức và phương tiện mang tính tương tác, đa chiều nhằm tăng cường đối thoại giữa chủ thể và đối tượng trong CTMT.

- Nguyên nhân chủ quan

Một là, cấp ủy, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL ngày càng nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của dân chủ trong CTMT, xác định đây là một trong những vấn đề mang tính cốt lõi để nâng cao chất lượng và

hiệu quả CTTT. Do đó, trước những diễn biến phức tạp của tình hình trong và ngoài nước, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước,... đến từng cán bộ, đảng viên và người dân với những phương pháp, hình thức, phương tiện sát hợp thực tiễn. Trong quá trình đó, cấp uỷ các cấp luôn chú trọng đến việc tương tác, đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, nhân dân để có những giải đáp và định hướng tư tưởng kịp thời, hiệu quả.

Hai là, sự phối hợp chặt chẽ, linh hoạt giữa các cơ quan chức năng với các sở, ban, ngành trong hệ thống chính trị của các tỉnh, thành phố VĐBSCL đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quyền và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong CTTT. CTTT là một trong ba bộ phận của công tác tư tưởng; có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, thực hiện dân chủ trong CTTT không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan chức năng mà còn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị của các tỉnh, thành phố trong Vùng. Đặc biệt là sự phối hợp giữa các “binh chủng” của CTTT như: ban tuyên giáo, sở thông tin và truyền thông, báo chí - xuất bản, đài phát thanh và truyền hình,...

Ba là, đội ngũ cán bộ làm CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL có trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị cao, tâm huyết với nghề, khả năng tương tác, đối thoại với đối tượng tuyên truyền khá tốt. Với sự hiểu biết sâu, rộng về chuyên môn, vững vàng về nghiệp vụ cùng với lòng yêu nghề, họ luôn tự giác, chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc xây dựng và thực hiện nội dung tuyên truyền sát hợp với từng địa bàn, từng giai đoạn cụ thể. Đồng thời, đội ngũ cán bộ tuyên truyền cũng tăng cường sử dụng các phương pháp, hình thức và phương tiện tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại, trao đổi, tương tác đa chiều phù hợp với đặc điểm đối tượng ở VĐBSCL.

Bốn là, nhận thức, trình độ dân trí và tính tích cực chính trị của đối tượng tuyên truyền ở VĐBSCL ngày càng được nâng cao. Ngày nay, với sự tiến bộ của xã hội, trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL với tư cách là đối tượng tuyên truyền ngày càng tốt hơn. Do đó, họ càng ý thức được quyền và trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trong CTTT nói riêng.

3.2.2. Hạn chế và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế

- Dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý CTTT

+ Dân chủ trong hoạt động lãnh đạo của cấp uỷ các cấp

Một là, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng có lúc, có nơi chưa thật sự quan tâm và nắm bắt tình hình tư tưởng, nhu cầu, lợi ích của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Đội ngũ cán bộ cấp uỷ các cấp (đặc biệt đồng chí bí thư) là những người có ảnh hưởng rất lớn và chịu trách nhiệm cao nhất về việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Thực tế trong những năm vừa qua, cấp uỷ các cấp ở một số địa phương của VĐBSCL còn thiếu chủ động, chưa dự kiến, nắm bắt được những tư tưởng sai lệch có thể nảy sinh trong quá trình đổi mới. Chính vì thế, có những thời điểm, những trường hợp ở một số địa bàn của Vùng, cấp uỷ các cấp chưa định hướng và xây dựng được kế hoạch tuyên truyền một cách phù hợp. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện dân chủ trong việc xác định mục tiêu, định hướng và kế hoạch tuyên truyền của cấp uỷ các cấp cho thấy có 91 ý kiến (18,2%) đánh giá trung bình [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Bên cạnh đó, về mức độ thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp ở địa phương, kết quả khảo sát cho thấy, có 101 ý kiến, chiếm 20,2% (trong đó, ý kiến của người dân chiếm đến 95%) nhận định là trung bình [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.7]. Trong 05 tỉnh,

thành phố được khảo sát về mức độ thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, Bến Tre là địa phương hạn chế nhất ($M=3,74$), và lần lượt là Kiên Giang ($M=3,84$), Cần Thơ ($M=3,97$) [Xem Phụ lục 3 - Phần 5]. Ngoài ra, theo đánh giá của những đối tượng được khảo sát ở các tỉnh, thành phố VDBSCL, có 136 ý kiến (chiếm 27,2%) cho rằng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp về CTTT được nghiên cứu, soạn thảo và ban hành chỉ thể hiện một phần tính dân chủ [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Hai là, cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng có lúc, có nơi chưa hoàn toàn được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT.

Các nghị quyết, chương trình hành động chưa sát thực tế, có lúc, có lĩnh vực thiếu tính khả thi, tình trạng sao chép, rập khuôn máy móc, mang tính đối phó và hình thức vẫn còn. Hiện tượng “khoán trắng” CTTT cho ban tuyên giáo, cấp uỷ vẫn còn xảy ra. Nhiều nơi vẫn còn đổ lỗi do lý do khách quan và chủ quan mà chưa thấy hết vai trò của cấp uỷ trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo thực hiện dân chủ trong CTTT. Bên cạnh đó, đối tượng được tuyên truyền vẫn chưa thực sự được tham gia quá trình xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT của cấp uỷ các cấp ở địa phương. Kết quả khảo sát về mức độ nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp CTTT cho thấy, có: 77 ý kiến (15,4%) nhận định là ít khi hay thỉnh thoảng sử dụng; và 47 ý kiến (9,4%) nhận định là rất ít sử dụng [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Ba là, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng đôi khi chưa thực hiện dân chủ trong chỉ đạo các yếu tố trong và ngoài hệ thống tuyên truyền trong quá trình tổ chức các hoạt động tuyên truyền.

Ban tuyên giáo các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL chưa thực sự phát huy vai trò là cơ quan tham mưu trong CTMT. Hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương chưa hoàn toàn đáp ứng đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT. Kết quả khảo sát được phân tích với thang 5 điểm Likert, mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT được đánh giá là trung bình ($M = 2,97$) [Xem Phụ lục 3 - Phần 4]. Đối với các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số như An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, hệ thống truyền thanh, truyền hình chưa có nhiều chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc. Kết quả khảo sát về mức độ đánh giá chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy: có đến 151 ý kiến (30,2%) đánh giá ở mức độ trung bình, 112 ý kiến (22,4%) đánh giá là ít; và 54 ý kiến (10,8%) đánh giá là rất ít [Xem Phụ lục 3 - Phần 3; Phụ lục 4 - Biểu đồ 4.8].

Đối với các cơ quan báo chí, bên cạnh những ý kiến cho rằng các cơ quan báo chí ở địa phương đã hoàn toàn chủ động và chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan thì còn có nhiều ý kiến nhận định là các cơ quan báo chí vẫn chưa thực sự thể hiện được vai trò xung kích của mình trong CTMT của Vùng. Theo kết quả khảo sát về mức độ thể hiện vai trò xung kích của các cơ quan báo chí đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT, có 108 ý kiến (21,6%) đánh giá là bình thường, 44 ý kiến (8,8%) đánh giá là chưa chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Các cơ quan văn hoá - nghệ thuật ở các tỉnh, thành phố của VĐBSCL nhìn chung đã thể hiện được vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; tuy nhiên vẫn còn hạn chế. Kết quả khảo sát về mức độ các cơ quan văn hoá - văn nghệ ở địa phương thể hiện vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên

và nhân dân, cho thấy có: 98 ý kiến (19,6%) cho rằng là bình thường; 83 ý kiến (16,6%) cho rằng là rất ít cung cấp thông tin và chưa phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Bên cạnh đó, một số trường ấp, chức sắc, chức việc, sãi cả và những người có uy tín trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số của Vùng (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu) có trình độ hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước còn hạn chế, nhất là về pháp luật. Họ thường bị chi phối bởi tình cảm dòng tộc, cục bộ khi xử lý, giải quyết công việc. Đây cũng là một trong những hạn chế đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL.

Bốn là, cơ chế, chính sách tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền của cấp uỷ các cấp ở một số tỉnh, thành phố VDBSCL có lúc, có nơi chưa hoàn toàn công khai, minh bạch; một số cán bộ tuyên truyền còn hạn chế về năng lực.

Khâu lựa chọn cán bộ tuyên truyền còn nặng về các chức danh lãnh đạo mà chưa chú ý đến khả năng về chuyên môn, nghiệp vụ; do đó nhiều chỗ, nhiều nơi, nhiều khâu công việc không đáp ứng được cả về kiến thức và uy tín thực tế cá nhân. Đội ngũ cán bộ tuyên truyền ở một số địa phương của Vùng đang đứng trước tình trạng hụt hẫng, trong khi đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu thay thế, bổ sung. Vấn đề chế độ chính sách, đào tạo bồi dưỡng, bố trí cán bộ còn nhiều bất cập, chưa có văn bản quy định, hướng dẫn chế độ thù lao đối với báo cáo viên khi thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền miệng. Chế độ phụ cấp thực hiện theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW-BTGTW chỉ áp dụng đối với đội ngũ báo cáo viên 3 cấp, không áp dụng cho tuyên truyền viên cơ sở. Kết quả khảo sát về cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng cho thấy, có: 53 ý kiến

(10,6%) nhận định là ở mức độ bình thường; 73 ý kiến (14,6%) nhận định là có việc công khai, minh bạch, có việc thì không [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên các cấp và tuyên truyền viên cơ sở còn hạn chế. Điển hình, *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của Tỉnh uỷ Bến Tre cho thấy lực lượng báo cáo viên chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ (148/3.103), chiếm tỷ lệ 4,76%; lý luận chính trị là 123/3.103 đồng chí, chiếm tỷ lệ 3,96% [127, tr.9]. Bên cạnh đó, theo *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của thành uỷ, tỉnh uỷ ở các tỉnh, thành phố của Vùng: Một số báo cáo viên còn hạn chế năng lực về kinh nghiệm thực tiễn lẫn kỹ năng tuyên truyền miệng; Một số báo cáo viên có tên trong danh sách nhưng chưa tham dự đầy đủ các kỳ hội nghị báo cáo viên, chưa tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ báo cáo viên, chưa làm tốt việc khai thác, tổng hợp thông tin, tổ chức tuyên truyền trong hệ thống ngành, lĩnh vực mình phụ trách và định hướng dư luận xã hội, nhất là trước những vấn đề nóng được dư luận xã hội quan tâm; Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền miệng, chưa tích cực tham gia tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chưa thông tin, định hướng tư tưởng trong quần chúng nhân dân ở nơi công tác và cư trú về các vấn đề quan trọng trong nước và trên thế giới.

Năm là, hoạt động kiểm tra, giám sát CTTT của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL có lúc, có nơi chưa thật sự dân chủ.

Công tác kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan tham mưu, các “binh chủng” làm CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL đôi khi còn buông lỏng, chưa

chặt chẽ dẫn đến chất lượng công tác tham mưu của các cơ quan chuyên trách làm CTMT chưa cao. Theo *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của thành uỷ, tỉnh uỷ ở các tỉnh, thành phố của Vùng: Việc kiểm tra, đánh giá công tác tuyên truyền miệng miệng, hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên của một số địa phương, đơn vị chưa thật sự được coi trọng, chưa thực chất và thiếu thường xuyên; Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh từ thực tiễn nhưng các cơ quan tham mưu tỏ ra lúng túng, chưa giải quyết kịp thời, chưa tìm ra phương hướng, giải pháp giải quyết để tham mưu cho cấp uỷ giải quyết.

+ *Dân chủ trong hoạt động quản lý của chính quyền các cấp*

Hoạt động quản lý của chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL trong những năm gần đây đã có nhiều tiến bộ; tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn một số hạn chế, bất cập như:

Chính quyền các cấp ở một số địa phương của VDBSCL có lúc chưa thực hiện tốt việc thể chế hoá chủ trương, quan điểm của cấp uỷ các cấp về CTMT. Ở một số địa phương, việc triển khai, quán triệt nghị quyết của cấp trên có biểu hiện rập khuôn, thiếu tính sáng tạo, chưa thật sự sát với từng đơn vị, cơ sở; quá trình triển khai nghị quyết còn chung chung, sức thuyết phục còn hạn chế, chưa gắn liền với thực tiễn. Bên cạnh nhiều ý kiến nhận định về thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về CTMT thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong CTMT là cơ bản tốt, kết quả khảo sát còn cho thấy, có: 87 ý kiến (17,4%) nhận định là có lúc tốt, có lúc chưa tốt; 31 ý kiến (6,2%) nhận định là chưa tốt lắm [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng có lúc, có nơi vẫn chưa thực hiện và quản lý tốt đối với việc tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa

chủ thể và đối tượng tuyên truyền. Một số cơ quan, tổ chức và cán bộ tuyên truyền không nắm được quy luật khách quan, giữ thái độ bảo thủ, kém năng động trong cơ chế mới, dẫn đến nhận thức và hành động trong CTMT của họ ngày càng xa rời lập trường cách mạng của Đảng, không còn phù hợp, kém thuyết phục; chưa sâu sát đối tượng, không đi sâu xuống cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Công tác quản lý thông tin trên mạng xã hội, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng ở các địa phương của Vùng phát sinh nhiều vấn đề khá phức tạp do các thế lực thù địch lợi dụng tình hình dịch bệnh để nói xấu Đảng, Nhà nước, chế độ. Theo kết quả khảo sát về việc tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền, có: 92 ý kiến (18,4%) cho rằng là có lúc tốt, có lúc chưa; 48 ý kiến (9,6%) cho rằng là chưa tốt lắm [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Trong các hoạt động tuyên truyền, một số cán bộ tuyên truyền thực hiện đối thoại với đối tượng chưa nhiều. Theo kết quả khảo sát về mức độ đối thoại của cán bộ tuyên truyền với người được tuyên truyền, có: 152 ý kiến (30,4%) đánh giá là đôi khi; 36 ý kiến (7,2%) đánh giá là không thường xuyên [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

Chính quyền các cấp ở một số địa phương của VDBSCL đôi khi xử lý cá nhân, tập thể trong những vụ gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin, những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc chưa thật sự nghiêm minh. Trước nhiều sự kiện chính trị trong nước và quốc tế, nhiều luận điệu chống phá của các thế lực thù địch, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VDBSCL có biểu hiện hoài nghi về sự lãnh đạo của Đảng; từ đó có những bài viết trên các trang mạng xã hội không đúng, hoặc một số cán bộ tập hợp ý kiến dưới dạng thư ngỏ, kiến nghị gửi Trung ương, trong đó có những quan điểm đi ngược lại với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trên không gian mạng chưa kịp thời và người dân chưa tuân thủ các quy định của pháp luật, đưa tin sai sự thật về tình hình dịch bệnh Covid-19 trong những năm vừa qua. Tuy nhiên,

việc xử lý những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc vẫn chưa thực sự kịp thời và nghiêm minh; kết quả khảo sát cho thấy: có: 77 ý kiến (15,4%) nhận định là có lúc tốt, có lúc chưa tốt; 24 ý kiến (4,8%) nhận định là chưa tốt lắm [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

- *Dân chủ trong việc tổ chức thực hiện CTTT*

+ *Dân chủ trong việc xác định và thực hiện nội dung tuyên truyền*

CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL chưa đổi mới mạnh mẽ về nội dung nên tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả của CTTT chưa cao. Nội dung tuyên truyền của một số cấp uỷ còn chung chung, chưa cụ thể, thiết thực, chưa tập trung vào những vấn đề bức xúc nảy sinh từ thực tiễn, chưa phù hợp với từng đối tượng. Theo *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của thành uỷ, tỉnh uỷ ở các tỉnh, thành phố của Vùng, thời gian dành cho việc nghiên cứu, chuẩn bị xây dựng nội dung, chủ đề tuyên truyền miệng ở một số ngành, địa phương chưa thật tốt, chưa gắn kết với thực tiễn đời sống của nhân dân ở địa bàn cơ sở. Bên cạnh đó, nội dung tuyên truyền được xây dựng và thực hiện đôi khi chưa chủ động và thiếu sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hoà bình”, chống tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch, bác bỏ các quan điểm cực đoan mang tính kích động; chưa làm tốt chức năng dự báo tình hình, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân chủ động đi vào kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Một số nội dung tuyên truyền chưa thực sự phù hợp với trình độ, nhu cầu, sự quan tâm của đối tượng. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của nội dung tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cho thấy, có 151 ý kiến (30,2%) nhận định là chỉ đáp ứng một phần [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

+ *Dân chủ trong lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức tuyên truyền*

Theo *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới* của thành uỷ, tỉnh uỷ ở các tỉnh, thành phố của Vùng, phương pháp và hình thức tuyên truyền chậm cải tiến, chưa đa dạng, chưa sát với nhu cầu của từng đối tượng, tuyên truyền còn mang tính độc thoại, một chiều, chưa trao đổi, thảo luận nhiều cũng như chưa kết hợp sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ thiết thực trong CTTT, nhất là ở cấp xã. Kết quả khảo sát về mức độ đối thoại của cán bộ tuyên truyền với người được tuyên truyền cho thấy, có 152 ý kiến (30,4%) đánh giá là đôi khi; 36 ý kiến (7,2%) đánh giá là không thường xuyên [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Việc phản bác các thông tin xấu độc còn nặng về lý luận, chưa có tính thuyết phục cao; hiệu quả công tác nắm bắt và xử lý thông tin phản hồi còn chậm, chưa thường xuyên tổ chức các hoạt động thông tin hai chiều để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những vấn đề bức xúc, khó khăn, vướng mắc trong nhân dân [128, tr.9].

Song song với khuyết điểm trong việc lựa chọn, sử dụng phương pháp và hình thức của cán bộ tuyên truyền, mức độ phản hồi, nêu ý kiến của người được tuyên truyền trong quá trình tuyên truyền cũng còn hạn chế. Kết quả khảo sát về mức độ người được tuyên truyền phản hồi, nêu ý kiến trong quá trình được tuyên truyền theo thang 5 điểm kiểu Likert chỉ đạt 3,5 [Xem Phụ lục 3 - Phần 4]. Có nghĩa là nhìn chung sự phát biểu ý kiến, phản hồi của người dân trong các hoạt động tuyên truyền đối với cán bộ tuyên truyền chỉ là đôi khi và có 180 ý kiến (36%) nhận định rằng người được tuyên truyền không thường xuyên phản hồi, nêu vấn đề về phương pháp tuyên truyền; và 158 ý kiến (31,6%) nhận định rằng người được tuyên truyền không thường xuyên phản hồi, nêu vấn đề về hình thức tuyên truyền [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

+ *Dân chủ trong việc lựa chọn và sử dụng phương tiện tuyên truyền*

Điều kiện trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ CTTT tuy đã được cải thiện nhưng chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ CTTT trong giai đoạn hiện nay. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện CTTT chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Ở cơ sở, phương tiện tuyên truyền thường được hình thành từ nguồn trên cấp và nguồn cơ sở tự bảo đảm, do đó thường mang tính chắp vá, chủ yếu liên quan đến sửa chữa nhỏ. Theo khảo sát về mức độ đáp ứng của phương tiện tuyên truyền ở địa phương trong Vùng, có 170 ý kiến (34%) cho rằng cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền ở Vùng chỉ đáp ứng một phần yêu cầu của hoạt động này [Xem Phụ lục 3 - Phần 3].

- Dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT

Trong đánh giá hiệu quả CTTT, sự hạn chế về mặt dân chủ thể hiện ở những khía cạnh sau:

Một là, một số ban tuyên giáo cấp huyện, nhất là ban tuyên giáo đảng uỷ cơ sở ở các tỉnh, thành phố của Vùng, khi thực hiện đánh giá kết quả, hiệu quả CTTT đã không thực hiện việc đánh giá sự thay đổi trong nhận thức, thái độ, niềm tin và tính tích cực, tự giác của cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia vào CTTT, cũng như tham gia vào sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh,... của địa phương, cơ sở. Ở những nơi này, khi thực hiện đánh giá hiệu quả CTTT, các cơ quan chức năng viết báo cáo sơ kết, tổng kết CTTT thiên về đánh giá chất lượng, tức là đánh giá mức độ truyền bá của chủ thể, về nội dung tuyên truyền, mức độ sử dụng các phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền. Cách đánh giá này, xét từ yêu cầu của việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT vừa chưa đáp ứng về mặt khoa học, vừa không thực hiện đúng nguyên tắc thực hiện dân chủ trong đánh giá hiệu quả CTTT.

Hai là, một số ban tuyên giáo cấp uỷ cấp huyện, cấp tỉnh VDBSCL có lúc có biểu hiện chủ quan, áp đặt trong việc xây dựng kế hoạch, xác định chủ

trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp CTTT. Điều đó thể hiện ở chỗ, ở những địa phương này, ban tuyên giáo cấp uỷ đã bỏ qua, không xuất phát, không lấy căn cứ cho việc xây dựng chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp từ nhu cầu, lợi ích, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân cũng như từ việc điều tra nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận của nhân dân. Các báo cáo sơ kết, tổng kết về CTTT, công tác tư tưởng, công tác tuyên giáo thường phản ánh, đánh giá rất sơ lược vấn đề này. Kết quả khảo sát về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đánh giá hiệu quả CTTT ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cho thấy: có 148 ý kiến (chiếm 29,6%) đánh giá chỉ ở mức độ trung bình [Xem Phụ lục 3 - Phần 3]. Chính vì vậy, một số cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ tuyên truyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng còn chủ quan trong việc hoạch định chương trình, kế hoạch cũng như xây dựng nội dung, lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện CTTT sao cho sát hợp với đặc điểm đối tượng, với hoàn cảnh từng địa bàn trong thời kỳ tiếp theo.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Một là, tình hình trong nước và quốc tế hiện nay có nhiều diễn biến khó lường, làm nảy sinh những vấn đề phức tạp về chính trị - xã hội, đã ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VDBSCL. Những tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường tạo ra các yếu tố trái với bản chất của CNXH, trong đó phải kể đến xu thế trỗi dậy chủ nghĩa cá nhân, hình thành quan niệm sống thực dụng, sự lệch lạc về định hướng giá trị DCXHCN. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện dân chủ trong CTTT của Vùng.

Hai là, các trào lưu tư tưởng DCTS du nhập vào nước ta thông qua con đường hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá. Theo các trào lưu tư tưởng này, quyền “làm chủ” của người dân đối với các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội,... bao gồm cả CTTT phải theo kiểu tư sản phương Tây. Đối với những cán

bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL chưa có nhận thức đầy đủ và sâu sắc về hệ tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thì rất dễ họ sẽ hiểu và thực hiện “dân chủ” một cách lệch lạc, sai trái.

Ba là, các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài “dân chủ” để thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và trên lĩnh vực tư tưởng nói riêng. Họ lợi dụng những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện “quyền làm chủ” của người dân để công kích, vu cáo cấp uỷ, chính quyền, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL vi phạm dân chủ. Đồng thời, họ tung ra những luận liệu sai trái, phản động nhằm xuyên tạc quan điểm, chủ trương của Đảng về “dân chủ” với những thủ đoạn hết sức tinh vi và xảo quyệt thông qua các phương tiện hiện đại như: internet, mạng xã hội, các phương tiện truyền thông mới,... gây hoang mang dư luận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Điều đó đã tác động không nhỏ đến tư tưởng, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân về thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL.

Bốn là, hệ thống các văn bản pháp luật về dân chủ nói chung và dân chủ ở cơ sở nói riêng dù đã được sửa đổi, bổ sung và dần hoàn thiện nhưng vẫn còn một số quy định mang tính bất cập, chưa toàn diện, thiếu tính nhất quán; tiến độ sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về dân chủ còn chậm, thiếu quy định về các biện pháp chế tài nên việc chấp hành chưa nghiêm, chưa đủ sức răn đe để thực hiện; chưa có văn bản cụ thể quy định về dân chủ trong CTTT.

Năm là, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân ở VĐBSCL còn không ít khó khăn; nhận thức và trình độ dân trí của họ còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng núi (An Giang), vùng biên giới (An Giang, Đồng Tháp, Long An, Kiên Giang), vùng hải đảo (Kiên Giang), vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang); ý

thức pháp luật về dân chủ chưa được nâng cao; sự hiểu biết về dân chủ, pháp luật về dân chủ chưa đầy đủ.

- Nguyên nhân chủ quan

Một là, một số cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các tỉnh, thành phố VDBSCL chưa có nhận thức đúng về vai trò của dân chủ trong CTMT nên chưa lãnh đạo, chỉ đạo một cách sâu sát, thậm chí xem nhẹ hoặc không quan tâm đến việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của chủ thể lẫn đối tượng trong các hoạt động tuyên truyền. Bên cạnh đó, tuy có một số cấp uỷ đã nhận thức được vai trò quan trọng của việc thực hiện dân chủ trong CTMT, nhưng vẫn chưa có nghị quyết, chỉ thị hoặc hướng dẫn nào thể hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo về vấn đề này; đồng thời, cũng chưa quan tâm và tiến hành tổng kết thực tiễn về việc thực hiện dân chủ trong CTMT. Ngoài ra, với tư tưởng “trung bình chủ nghĩa” trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, một số cán bộ lãnh đạo, quản lý CTMT ở các tỉnh, thành phố của Vùng chưa đề cao trách nhiệm, đầu tư trí tuệ để đề ra giải pháp phát huy dân chủ trong CTMT nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả CTMT của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hai là, việc thực hiện dân chủ trong nội bộ một số cơ quan chức năng trong bộ máy tuyên truyền vẫn còn hạn chế, bất cập. Hiện nay, cấp uỷ, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL vẫn còn những cán bộ lãnh đạo, quản lý CTMT sa vào quan liêu, xa rời thực tiễn. Mặt khác, vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa phát huy tốt, chưa kịp thời phối hợp với chính quyền trong CTMT; chưa giúp người dân hiểu rõ các nội dung, quy định về quyền và trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện, phát huy dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như trong CTMT.

Ba là, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của VDBSCL chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu việc thực hiện dân chủ trong CTMT. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ tuyên truyền của Vùng ngày càng chất lượng; tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận cán bộ

chưa nhận thức sâu sắc được yêu cầu của việc thực hiện dân chủ trong CTTT trong tình hình hiện nay. Mấu chốt của việc thực hiện dân chủ trong CTTT là cán bộ tuyên truyền cần phải tăng cường đối thoại với đối tượng; nhưng vấn đề này vẫn là hạn chế của một số cán bộ. Một số cán bộ tuyên truyền vẫn còn tâm lý quan ngại hoặc không quá quan tâm đến việc tìm hiểu, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đối tượng tuyên truyền. Một số khác vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng các phương pháp, hình thức và phương tiện mang tính tương tác đa chiều trong các hoạt động tuyên truyền.

Bốn là, trình độ dân trí ở các tỉnh, thành phố của VĐBSCL chưa cao, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo ở một số địa phương như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân với tư cách là đối tượng tuyên truyền chưa thật sự có nhận thức đầy đủ về quyền và trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT. Một bộ phận người dân có thái độ thờ ơ, thiếu sự quan tâm đến các hoạt động tuyên truyền; bàn quan đối với chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, cũng như đối với các diễn biến chính trị ngày càng phức tạp ở trong và ngoài nước. Họ nghĩ và cho rằng “chính trị là chuyện của Đảng, của Nhà nước” nên vẫn còn tâm lý trông chờ vào các quyết sách của Đảng và Nhà nước; hoặc e ngại khi nêu ra ý kiến cũng như thể hiện tâm tư, nguyện vọng của mình trong quá trình đối thoại với chủ thể tuyên truyền. Một bộ phận người dân (nhất là người dân sống ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn) không tiếp cận được các phương tiện tuyên truyền hiện đại mang tính chia sẻ, tương tác cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL hiện nay.

3.3. Những vấn đề đặt ra về dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.3.1. Dân chủ trong công tác tuyên truyền đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ tuyên truyền trong khi năng lực của một số cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ tuyên truyền vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn một số mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn

Trước diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và khu vực, cùng với đất nước, VĐBSCL vừa có nhiều thuận lợi, thời cơ, vừa phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững. Do vậy, nhiệm vụ CTTT ngày càng nặng nề, đòi hỏi cấp uỷ và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL phải đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý sao cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CTTT trong tiến trình đổi mới của đất nước hiện nay. Mọi quyết định, lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của cấp uỷ và chính quyền các cấp phải bắt nguồn từ nhu cầu cuộc sống, hợp với lòng dân thì mới có khả năng đi vào cuộc sống một cách vững chắc. Chính vì vậy, sự lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải căn cứ vào từng nhiệm vụ, từng lĩnh vực cụ thể mà chỉ đạo xây dựng, thực hiện nội dung và lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện sát hợp với thực tiễn trong các hoạt động tuyên truyền.

Chủ thể CTTT là toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị và trực tiếp là đội ngũ cán bộ tuyên truyền. Một trong những hướng đổi mới quan trọng để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL trong những năm tới là phải hướng mạnh về cơ sở, bám sát thực tiễn, tăng cường đối thoại giữa cán bộ các cấp với nhân dân. Do đó, đội ngũ cán bộ làm CTTT phải là những người đi đầu thực hiện tốt phương châm đối thoại với dân; chủ động nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; phản ánh một cách khách quan những vấn đề nổi cộm nảy sinh từ nhân dân trong quá trình thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trên cơ sở đó, đội ngũ cán bộ tuyên truyền tham mưu xây

dựng, hoạch định chính sách cho phù hợp thực tiễn địa phương, tránh giáo điều, rập khuôn máy móc; đồng thời, vận dụng chủ trương, nghị quyết của cấp uỷ cấp trên sao cho sát với tình hình thực tế cơ sở.

Tuy nhiên, trong những năm qua, sự lãnh đạo của cấp uỷ và sự quản lý của chính quyền các cấp đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VDBSCL vẫn còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém như: việc xây dựng chủ trương, chính sách tuyên truyền có lúc, có nơi mang tính hình thức, một chiều, chưa thật sự sát hợp với thực tiễn địa phương; các cơ quan chức năng chưa thực sự nhạy bén trong dự báo tình hình và định hướng thông tin; một số sự việc cụ thể như tình hình biển Đông, tình hình thời sự diễn ra trong, ngoài nước, chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, tình hình biên giới trên địa bàn của Vùng,... chậm được thông tin và định hướng dư luận. Điều đó đã và đang hạn chế việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT của Vùng, nhất là đối với các tỉnh giáp biên giới và có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh,...

Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các tỉnh, thành phố của Vùng khi họp bàn thì “cái đầu nóng” bông bột, sôi nổi, đưa nhiều cảm nghĩ chủ quan vào hoạch định chính sách nhưng khi có nghị quyết rồi thì “trái tim lạnh tanh”; dẫn đến tình trạng nói mà không làm, nói nhiều làm ít, không tranh thủ mọi cơ hội tuyên truyền giải thích cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, không biến được nghị quyết của Đảng thành ý chí cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các cơ quan chuyên trách như cơ quan tuyên giáo các cấp, các ngành, các đoàn thể, cơ quan chính trị các cấp trong lực lượng vũ trang vẫn chưa phát huy được vai trò tham mưu đối với cấp uỷ, để đề ra đường lối, chủ trương cũng như xây dựng nội dung và lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện sát hợp với thực tiễn trong CTTT. Một bộ phận cán bộ tuyên truyền không tìm hiểu đặc điểm của đối tượng tuyên truyền cũng như tình hình thực tiễn của địa phương, mà tuyên truyền một chiều, làm cho “lấy lệ”, không quan tâm đến ý kiến của đối tượng được tuyên truyền,... Điều đó đã dẫn đến thiếu dân chủ

trong CTTT, không phát huy được sự chủ động, sáng tạo của cả chủ thể lẫn đối tượng trong các hoạt động tuyên truyền.

3.3.2. Dân chủ trong công tác tuyên truyền đòi hỏi chất lượng nội dung tuyên truyền ngày càng cao trong khi nội dung tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn một số hạn chế, bất cập

Để xây dựng, tăng cường được lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL, nội dung CTTT phải thật sự toàn diện, khách quan, khoa học và phải có thống nhất giữa lý luận với thực tiễn. Trong CTTT, chủ thể cần kết hợp chặt chẽ và cân đối các nội dung tuyên truyền kinh tế, chính trị, văn hoá, quốc phòng - an ninh, đối ngoại,.... CTTT phải xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm cơ sở để giải thích các vấn đề do thực tiễn đặt ra một cách có căn cứ khoa học, thuyết phục được cán bộ, đảng viên, nhân dân để họ hành động tự giác và có hiệu quả. Chủ thể tuyên truyền cần phải đảm bảo tính chính xác của nội dung, không “tô hồng”, cũng không “bôi đen”; nói thật, nói đúng cả thắng lợi của cách mạng để phát huy và cả những khó khăn, khuyết điểm, nguyên nhân để khắc phục; phải theo sát, phản ánh và cung cấp thông tin kịp thời để dân biết, dân bàn, trừ những gì cần giữ bí mật, còn mọi việc phải công khai, minh bạch.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay vẫn còn “tiếng phàn nàn là lý luận xa rời thực tế quá, miên man về tình hình, ít bổ ích” trong CTTT. Thông tin tư liệu cung cấp cho đội ngũ báo cáo viên các cấp đôi lúc chưa kịp thời, nhất là những thông tin nóng, được dư luận quan tâm; chưa đáp ứng được yêu cầu về tính nhanh nhạy trong giải đáp thắc mắc, bức xúc của cán bộ, đảng viên và nhân dân; chưa định hướng kịp thời tư tưởng trong từng thời điểm, từng sự việc cụ thể. Do vậy, một số nội dung chuyên đề tại Hội nghị Báo cáo viên hoặc các bản tin chưa thật sự đảm bảo tính thời sự, hấp dẫn và chất lượng còn hạn chế. Một số báo cáo viên chưa nghiên cứu sâu nội dung, chủ yếu bám vào đề cương, triển khai theo kiểu đọc là chính, khả năng phân tích, tổng hợp còn

hạn chế và thiếu liên hệ thực tiễn, ít số liệu chứng minh để làm rõ từng vấn đề nên tính thuyết phục chưa cao.

Bên cạnh đó, thời đại thông tin toàn cầu đã, đang ảnh hưởng sâu sắc đến nhu cầu và tiếp cận thông tin của cán bộ, đảng viên, nhân dân; đặc biệt là trên các trang, mạng thông tin điện tử và mạng xã hội thì những nội dung thông tin tuyên truyền thường chậm, chưa theo kịp yêu cầu tiếp nhận thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhiều trường hợp thông tin chính thống, thông tin định hướng nhất là trước các vấn đề lớn, phức tạp, nhạy cảm chưa được cung cấp kịp thời cho đội ngũ cán bộ tuyên truyền. Tài liệu tuyên truyền về các chuyên đề đấu tranh chống luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch còn ít và những tài liệu này thường là tài liệu mật, không phổ biến bằng văn bản giấy, nên gây khó khăn cho báo cáo viên trong quá trình truyền đạt thông tin. Do đó, việc phản bác các thông tin sai trái, thù địch còn nặng về lý luận, chưa có tính thuyết phục cao.

3.3.3. Dân chủ trong công tác tuyên truyền đòi hỏi phương pháp, hình thức tuyên truyền phải thường xuyên đổi mới, đa dạng hoá theo hướng tăng cường đối thoại, tương tác trong khi việc sử dụng phương pháp, hình thức tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thường một chiều, áp đặt

Phương pháp và hình thức là nhân tố trực tiếp quy định chất lượng, hiệu quả CTTT. Khi phương pháp, hình thức đa dạng, hấp dẫn, thường xuyên được đổi mới có thể làm cho nội dung trở nên sâu sắc hơn, hấp dẫn hơn và có sức hút đối tượng chiếm lĩnh nội dung. Ngược lại, cách thức tiến hành CTTT thiếu phong phú, đa dạng thì nội dung không thể xâm nhập vào đối tượng và chuyển hoá thành kiến thức, niềm tin và hành vi của đối tượng. Do vậy, để góp phần thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL, việc lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức phải sát hợp với từng đối tượng, nhóm đối tượng và tình hình thực tiễn của địa phương. Mặt khác, trong các hoạt động tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL, chủ thể tuyên truyền cần có sự tổng kết kinh

nghiệm về các hoạt động đó để nâng cao sức thuyết phục, sự hấp dẫn và tính nghệ thuật. Phương pháp và hình thức tuyên truyền phải dễ hiểu, dễ nhớ, đa dạng hơn những hình thức đối thoại, thảo luận dân chủ, cởi mở với cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Có như vậy, cán bộ tuyên truyền mới hiểu được nhận thức và tâm trạng của cán bộ, đảng viên và người dân, trả lời đúng các vấn đề mà họ quan tâm, giải đáp được những băn khoăn, thắc mắc của họ.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến theo hướng DCH, phương pháp, hình thức tuyên truyền mặc dù đã được đổi mới theo hướng đa dạng, phù hợp hơn với từng đối tượng, nhóm đối tượng và trình độ dân trí ở các tỉnh, thành phố VDBSCL nhưng vẫn còn chậm và bộc lộ một số hạn chế. Phương pháp và hình thức tuyên truyền có lúc có nơi chậm cải tiến, chưa đa dạng, chưa sát với nhu cầu của từng đối tượng; tuyên truyền đôi khi còn mang tính độc thoại, một chiều, chưa trao đổi, thảo luận nhiều cũng như chưa kết hợp sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ thiết thực trong CTTT, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, có trường hợp cán bộ tuyên truyền còn có biểu hiện né tránh những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm. Việc phản bác các thông tin xấu độc còn nặng về lý luận, chưa có tính thuyết phục cao. Hiệu quả công tác nắm bắt và xử lý thông tin phản hồi còn chậm, chưa thường xuyên tổ chức các hoạt động thông tin hai chiều để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những vấn đề bức xúc, khó khăn, vướng mắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VDBSCL.

3.3.4. Dân chủ trong công tác tuyên truyền đòi hỏi phải hiện đại hoá, đồng bộ hoá phương tiện tuyên truyền trong khi cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn lạc hậu, thiếu đồng bộ

Trong bối cảnh hiện nay, xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (đặc biệt là ngành công nghệ thông tin) tác động ngày càng mạnh mẽ đến CTTT trên phạm vi cả nước nói chung và đối

với VĐBSCL nói riêng. Để đảm bảo điều kiện phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL, đòi hỏi phải ngày càng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại về viễn thông, truyền thông đa phương tiện để tổ chức các hoạt động tuyên truyền; đồng thời, phải kết hợp giữa sử dụng hợp lý các phương tiện hiện đại với các phương tiện truyền thống sao cho phù hợp với đặc điểm đối tượng. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cần đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại, phục vụ CTTT, đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.

Tuy nhiên, trong những năm qua, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác thông tin tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ CTTT trong bối cảnh hiện nay. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ CTTT chưa được thực sự quan tâm đúng mức. Kinh phí đầu tư cho công tác thông tin tuyên truyền còn nhiều khó khăn, nhất là việc đầu tư thiết bị và ứng dụng công nghệ mới. Ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất và phương tiện tuyên truyền vẫn còn thiếu thốn, chưa được trang bị phương tiện hiện đại và có tính đồng bộ; chủ yếu được hình thành từ nguồn trên cấp và nguồn do cơ sở tự bảo đảm, do đó thường mang tính chắp vá, chủ yếu liên quan đến sửa chữa nhỏ. Điều đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng và hiệu quả CTTT nói chung và đối với dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL nói riêng.

3.3.5. Dân chủ trong công tác tuyên truyền đòi hỏi sự tham gia rộng rãi, chủ động, tự giác, sáng tạo của đối tượng tuyên truyền trong khi nhận thức và hành động của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn nhiều mặt hạn chế, bất cập

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, là sự nghiệp tự giác của hàng triệu quần chúng. Đảng ta thông qua CTTT đem nhân tố tự giác đến từng quần chúng, giác ngộ quần chúng, tổ chức quần chúng, cổ vũ và động viên

quần chúng thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng. Do vậy, CTMT ở VDBSCL chỉ có ý nghĩa và đạt hiệu quả cao khi có sự tham gia đông đảo của cán bộ, đảng viên và nhân dân với tinh thần chủ động, tự giác, sáng tạo. Điều đó đòi hỏi mỗi công dân phải ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển Vùng nói chung và đối với CTMT nói riêng. Để ngày càng phát huy dân chủ trong CTMT, mỗi cán bộ, đảng viên và người dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải tích cực tham gia, phải đổi mới cách nghĩ, cách làm, chủ động, tự giác, sáng tạo trong các hoạt động tuyên truyền, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác này.

Tuy nhiên, với sự phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của Vùng về kinh tế - xã hội, trình độ dân trí chưa cao, bên cạnh bộ phận lớn người dân có tính tích cực chính trị cao vẫn còn một bộ phận thờ ơ, thiếu sự quan tâm đến CTMT. Một bộ phận nhân dân, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh, thành phố của Vùng chưa có hiểu biết đầy đủ pháp luật, những văn bản pháp lý về CTMT nên chưa chủ động, tích cực tham gia vào quá trình này. Họ vẫn còn tâm lý ỷ lại, trông chờ, thờ ơ với các hoạt động tuyên truyền; hoặc e ngại khi nêu ra ý kiến cũng như thể hiện tâm tư, nguyện vọng của mình trong quá trình đối thoại với các cơ quan đảng và chính quyền các cấp trong quá trình tuyên truyền.

3.3.6. Dân chủ trong công tác tuyên truyền đòi hỏi môi trường kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội thuận lợi, phù hợp trong khi thực tiễn xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long còn một số bất cập, ảnh hưởng chưa tốt đến quá trình dân chủ trong công tác tuyên truyền

Dân chủ trong CTMT ở VDBSCL chỉ được thực hiện và phát huy với môi trường, điều kiện đảm bảo thông tin đa chiều, phong phú, giảm thiểu kiểm soát, ít bị kiểm toả. Khi có một cơ chế quyền lực chính trị công khai và chuẩn mực, một nền kinh tế minh bạch, một xã hội văn minh hiện đại mới đủ sức hội đủ điều kiện cho thông tin đa chiều, trung thực, khách quan, thông thoáng, bảo đảm thực

chất thực hiện dân chủ trong CTTT. Do vậy, cần phải xây dựng môi trường và điều kiện thuận lợi để mỗi người thực hiện quyền sống, quyền tự do cá nhân, quyền phát triển và quyền bình đẳng trong hưởng thụ những thành quả tiến bộ xã hội. Hay nói cách khác, để thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT ở VDBSCL, hệ thống chính trị phải thật sự trong sạch, vững mạnh; kinh tế phải phát triển nhanh, bền vững; nền văn hoá phải tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; các vấn đề xã hội phải được giải quyết thoả đáng;... nhằm đem lại niềm tin vững chắc của cán bộ, đảng viên, nhân dân vào sự lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ và chính quyền các cấp, niềm tin vững chắc vào chế độ XHCN.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội ở các tỉnh, thành phố VDBSCL vẫn còn nhiều bất cập, có những mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Một số tổ chức đảng không thể đáp ứng yêu cầu về nêu gương, tập hợp lực lượng quần chúng nhân dân, không phát huy được sức mạnh, nguồn lực và các nhân tố tích cực của nhân dân để lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị công tác. Việc cụ thể hóa các đường lối, chủ trương của Đảng thành các chính sách, quyết định quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh tế - xã hội còn chậm, có lúc không được phản ánh đầy đủ trong các chính sách, chế độ, quy định cụ thể. Việc thực hành dân chủ trên các lĩnh vực đời sống xã hội có nơi, có lúc còn mang tính hình thức. Ở một số địa phương (nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số), đời sống mọi mặt của người dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Ngoài ra, một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ; đồng thời, diễn biến tư tưởng trong nhân dân cũng ngày càng phức tạp hơn. Đây là những vấn đề cần phải khắc phục trong thời gian tới; có như vậy mới có thể xây dựng một môi trường, điều kiện đảm bảo thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT ở VDBSCL.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm qua, việc thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL đã đạt được những kết quả quan trọng như: cấp uỷ và chính quyền các cấp quan tâm và thể hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo và quản lý CTMT; việc tổ chức thực hiện CTMT sát hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tiễn từng địa phương; công tác đánh giá hiệu quả CTMT tương đối khách quan. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, do những điều kiện và nguyên nhân khác nhau, việc thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL vẫn còn những hạn chế, bất cập.

Trước yêu cầu phát huy hơn nữa dân chủ trong CTMT ở VDBSCL trong thời gian tới, quá trình dân chủ trong CTMT ở đây còn một số vấn đề đặt ra, cần được quan tâm giải quyết như: (1) Dân chủ trong CTMT đòi hỏi nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ tuyên truyền trong khi năng lực của một số cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ tuyên truyền VDBSCL còn một số mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn; (2) Dân chủ trong CTMT đòi hỏi chất lượng nội dung tuyên truyền ngày càng cao trong khi nội dung tuyên truyền ở VDBSCL còn một số hạn chế, bất cập; (3) Dân chủ trong CTMT đòi hỏi phương pháp, hình thức tuyên truyền phải thường xuyên đổi mới, đa dạng hoá theo hướng tăng cường đối thoại, tương tác trong khi việc sử dụng phương pháp, hình thức tuyên truyền ở VDBSCL thường một chiều, áp đặt; (4) Dân chủ trong CTMT đòi hỏi phải hiện đại hoá, đồng bộ hoá phương tiện tuyên truyền trong khi cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện tuyên truyền ở VDBSCL còn lạc hậu, thiếu đồng bộ; (5) Dân chủ trong CTMT đòi hỏi sự tham gia rộng rãi, chủ động, tự giác, sáng tạo của đối tượng tuyên truyền trong khi nhận thức và hành động của người dân VDBSCL còn nhiều mặt hạn chế, bất cập; (6) Dân chủ trong CTMT đòi hỏi môi trường kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội thuận lợi, phù hợp trong khi thực tiễn xã hội VDBSCL còn một số bất cập, ảnh hưởng chưa tốt đến quá trình dân chủ trong CTMT.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Quan điểm phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới

4.1.1. Nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa nguyên tắc tính Đảng và dân chủ, giữa phát huy dân chủ và đảm bảo kỷ cương, kỷ luật

CTTT là một trong ba bộ phận của công tác tư tưởng và cũng là một trong những hoạt động rất quan trọng của ĐCSVN, gắn liền với sự tồn tại và sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Do vậy, CTTT phải đảm bảo tính Đảng - đây là nguyên tắc cơ bản nhất, giữ vai trò nền tảng trong công tác tư tưởng nói chung và CTTT nói riêng. Tính Đảng đòi hỏi phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước làm nội dung cốt lõi và làm cơ sở cho việc xác định, lựa chọn phương pháp, hình thức hoạt động. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* nhấn mạnh:

Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân [56; tr.228-229].

Mọi hoạt động của CTTT ở VĐBSCL phải nhằm hướng vào mục tiêu:

Xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện đại, sinh thái, văn minh, phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hoá sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao của quốc gia, khu vực và thế giới...; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá độc đáo, đa dạng của các dân tộc; củng cố quốc phòng và an ninh; bảo đảm trật tự, an

toàn xã hội; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc; đóng góp ngày càng lớn cho đất nước” [1; tr.64-65].

Đồng thời, CTMT của Vùng phải có tính chiến đấu sắc bén, kiên quyết đấu tranh chống lại các quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch, đấu tranh triệt để với âm mưu “diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận của các thế lực địch trong và ngoài nước:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là ở các cơ sở, vùng dân tộc thiểu số và hải đảo hiểu rõ sự quan tâm chăm lo của Đảng và Nhà nước, vạch trần những âm mưu lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc [1; tr.95].

Trong CTMT, tính Đảng và dân chủ là hai phạm trù khác nhau, nhưng có liên quan mật thiết với nhau. Tính Đảng là đòi hỏi cao và ở trình độ nhận thức tự giác về lợi ích giai cấp và dân tộc; còn dân chủ thể hiện sự tự do, sáng tạo của chủ thể và đối tượng tuyên truyền. Đây là mối quan hệ biện chứng, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, thống nhất với nhau, quy định sự phát triển dân chủ trong CTMT ở VDBSCL. Tính Đảng bảo đảm cho tính dân chủ, tính Đảng càng cao thì tính dân chủ càng cao; đồng thời tính dân chủ là một biểu hiện, một nội dung của tính Đảng. Tính dân chủ càng sâu sắc, càng đảm bảo tính Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng có hiệu quả. Ngược lại, nếu chỉ coi trọng tính Đảng mà xem nhẹ tính dân chủ thì hoạt động đó sẽ mang tính áp đặt, hình thức, không đem lại hiệu quả; hoặc nếu chỉ chú trọng đến tính dân chủ mà không tính đến tính Đảng thì hoạt động sẽ mất phương hướng, lệch lạc. CTMT ở VDBSCL có nhiệm vụ thống nhất ý chí và hành động của các lực lượng cách mạng, lại càng cần thiết sự thống nhất tính Đảng và tính dân chủ.

Cùng với tính Đảng, phát huy dân chủ trong CTMT ở VDBSCL cần phải gắn liền với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương. Dân chủ trong CTMT là nói tới mối

quan hệ qua lại giữa quyền và nghĩa vụ, quyền gắn với lợi ích và nghĩa vụ, đồng thời là trách nhiệm giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền. Để đảm bảo cho những quan hệ đó thực sự dân chủ thì phải có vai trò của pháp luật nhằm hướng dẫn nhận thức để điều chỉnh và kiểm soát hành vi của cả chủ thể lẫn đối tượng tuyên truyền. Pháp luật chính là hạt nhân của dân chủ và cơ chế dân chủ, là giới hạn của dân chủ, là hành lang vận động của dân chủ trong CTTT; bảo đảm cho dân chủ vận động trong quỹ đạo đúng đắn, không chệch hướng thành phản dân chủ. Nếu không có pháp luật, kỷ luật và kỷ cương xã hội thì CTTT của Vùng rất dễ bị lệch hướng, không hiệu quả và có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng để thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng. Với ý nghĩa đó, một hành động phù hợp với dân chủ trong CTTT phải là hành động đúng luật, không vượt quá giới hạn mà pháp luật cho phép. Do vậy, càng mở rộng, phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL càng phải tăng cường và tôn trọng pháp luật.

4.1.2. Phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền gắn liền và dựa trên cơ sở sự phát triển của dân chủ các lĩnh vực đời sống xã hội

Để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL thì phải từng bước thực hiện thông qua và gắn liền với các nội dung của dân chủ từ dân chủ kinh tế, dân chủ chính trị đến dân chủ trong tư tưởng, ý thức, trong văn hoá tinh thần của đời sống cá nhân và đời sống xã hội.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, kể từ khi xuất hiện giai cấp và nhà nước, dân chủ trước hết là dân chủ trong chính trị. “Phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới” [57, tr.248] là một trong những điều kiện cần thiết và quan trọng để đáp ứng yêu cầu tiếp tục sự nghiệp đổi mới đất nước trong thời gian tới. Do vậy, dân chủ trong CTTT, trước hết được vận hành trong Đảng và hệ thống chính trị các cấp, bám sát và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn,

Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Cụ thể là tăng cường việc lấy ý kiến rộng rãi trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ, toàn hệ thống chính trị ở các tỉnh, thành phố VDBSCL khi xây dựng, ban hành và cả trong đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể quần chúng các cấp. Cấp ủy và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải tạo ra cơ chế, chính sách, pháp luật thích hợp. Cán bộ, đảng viên và người dân phải được học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết về dân chủ, phương pháp thực hành dân chủ và bản lĩnh thực hành dân chủ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Lịch sử vận động và phát triển dân chủ cho thấy, từ khi xuất hiện giai cấp và nhà nước, dân chủ trước hết là dân chủ chính trị, biểu hiện trực tiếp ở dân chủ chính trị nhưng nguồn gốc sâu xa và nội dung cơ bản của dân chủ lại là ở lĩnh vực kinh tế và sản xuất. Dân chủ trong kinh tế ở VDBSCL thực chất là sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, của người lao động đối với quá trình sản xuất; là sự công bằng trong phân phối lợi ích, đảm bảo quyền được lao động, được làm việc và có việc làm của công dân, được tự do sản xuất kinh doanh theo quy định của luật pháp; và là kết hợp hài hoà giữa lợi ích cá nhân và xã hội. Do vậy, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở VDBSCL cần quán triệt quan điểm của Đảng “tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, các yếu tố, các loại thị trường” [57; tr.98]; “phát triển nhanh, hài hoà kinh tế các tiểu vùng, các khu vực kinh tế và loại hình doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác xã” [1; tr.64].

Thực hiện dân chủ trong kinh tế và chính trị ở VDBSCL làm cho văn hóa - xã hội có những biến đổi rất căn bản; đồng thời quyết định sự hình thành và phát triển dân chủ trong văn hóa - xã hội. Đó chính là sự công bằng, bình đẳng trong việc thụ hưởng các thành tựu, các giá trị về văn hoá và xã hội; là đánh giá đúng, trân trọng, đề cao và tạo mọi điều kiện để nhân dân phát huy được tính

sáng tạo của mình trong việc phát triển nền văn hoá Việt Nam; là tự do tư tưởng, tự do tìm tòi sáng tạo để phát huy độc lập suy nghĩ, khẳng định bản sắc cá nhân, đóng góp cho sự phát triển xã hội, không trái với luật pháp của thể chế, đạo đức - tinh thần của xã hội. Trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Đảng ta nhấn mạnh “Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân” [57; tr.134]; “chủ động, kịp thời cung cấp thông tin thiết yếu và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân trong đấu tranh phòng chống suy thoái, đạo đức, lối sống, các thông tin về tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội” [57; tr.142]. Trong *Chương trình tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh “phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là của đồng bào dân tộc thiểu số” [1; tr.64].

Trong môi trường dân chủ, mọi cá nhân được nói, phát huy sáng kiến, đóng góp trí tuệ và sức mạnh; nghĩa là, môi trường dân chủ sẽ tạo ra ngày càng đầy đủ những điều kiện cho sự giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người trong quá trình phát triển. Chính vì vậy, thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL phải gắn chặt với quá trình dân chủ trên các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

4.1.3. Phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của tất cả các chủ thể tuyên truyền

Công tác tư tưởng nói chung và CTMT nói riêng là hoạt động quan trọng hàng đầu của Đảng - “là linh hồn của mọi công tác của Đảng”. Trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Đảng ta xác định “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, bảo đảm tính

đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời, hiệu quả; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” [57; tr. 233]. Chủ thể công tác tư tưởng là toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị. Do đó, nguyên tắc chung chỉ đạo hoạt động tư tưởng của chủ thể là toàn Đảng làm công tác tư tưởng, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng, của các Bí thư, cấp uỷ Đảng; và với phương châm là toàn Đảng làm công tác tư tưởng, toàn bộ hệ thống chính trị làm CTMT.

Trước bối cảnh thông tin đa chiều, trình độ dân trí ngày càng cao, yêu cầu phát huy dân chủ trong CTMT cũng ngày càng cấp thiết hơn, đòi hỏi trình độ lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL phải được nâng lên một tầm cao mới. Cấp uỷ các cấp cần phải làm tốt công tác dự báo; đảm bảo cán bộ, đảng viên và mỗi người dân được tham gia vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành các chủ trương, định hướng kịp thời; chủ động xây dựng kế hoạch và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trong phát huy dân chủ trong CTMT. Đồng thời, cấp uỷ viên (nhất là người đứng đầu) phải gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh, có thái độ thực sự cầu thị, chân thành tiếp thu ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Vấn đề dân chủ là một trong những vấn đề rất nhạy cảm; chính vì thế, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp (nhất là người đứng đầu) ở các tỉnh, thành phố VDBSCL đối với CTMT phải hết sức khéo léo, linh hoạt và tinh tế.

Nếu trách nhiệm của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL là nâng tầm nhìn và tính dân chủ, thuyết phục, linh hoạt trong CTMT thì quản lý nhà nước của chính quyền các cấp đòi hỏi sự minh bạch và nghiêm túc. Chính quyền các cấp có trách nhiệm thể chế hoá quan điểm và sự lãnh đạo của cấp uỷ; ban hành các văn bản pháp luật nhằm bảo đảm quyền được cung cấp thông tin, quyền trao đổi, bàn bạc, quyền tham gia quyết định và quyền thực hiện của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong các quá trình của CTMT. Bên cạnh đó, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng còn có trách

nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan, phương tiện tuyên truyền, đi đôi với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ quan thông tin đại chúng, văn hoá - văn nghệ, đặc biệt là mạng internet, mạng xã hội; đồng thời tiến hành xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc.

Các đoàn thể chính trị, trong đó nổi bật là Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; giám sát và phản biện xã hội; góp phần tạo đồng thuận xã hội và gắn kết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Chính vì thế, để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL, các đoàn thể chính trị, nhất là ở các cấp (đặc biệt là cấp cơ sở) cần thực hiện nghiêm túc trong việc tiếp nhận những ý kiến đóng góp, phản ánh trực tiếp của các tầng lớp nhân dân về CTTT; để tổng hợp, phân loại xử lý bảo đảm chuyển đến được các cơ quan chức năng để xem xét, giải quyết có kết quả; đồng thời phải thông báo kết quả hoặc phản hồi để nhân dân được biết và tiếp tục tham gia vào các quá trình của CTTT của địa phương.

Phát huy dân chủ trong CTTT là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, nhưng có đội ngũ và lực lượng chuyên trách, chuyên môn của các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị. Đội ngũ cán bộ chuyên trách các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL có trách nhiệm quan trọng và trực tiếp đối với phát huy dân chủ trong CTTT. Trong quá trình thực hiện CTTT, cán bộ cần phải nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt thông tin, đặc điểm của đối tượng và tình hình thực tiễn để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đối tượng phát huy được quyền và trách nhiệm của mình. Đối với những trường hợp, đối tượng e ngại hoặc thờ ơ thì cán bộ phải phân tích, giải thích, thuyết phục họ nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với CTTT. Bên cạnh đó, phương thức

lãnh đạo của Đảng là tuyên truyền, giáo dục thuyết phục và sự nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên; do vậy, từng cấp uỷ phải lấy tuyên truyền là phương thức lãnh đạo của mình và mỗi cán bộ, đảng viên phải là chiến sĩ trên mặt trận tuyên truyền, trước hết là tuyên truyền cho quần chúng bằng chính sự gương mẫu của mình.

Có thể nói, CTTT là hoạt động tác chiến hiệp đồng binh chủng; do đó rất cần có sự phối hợp nhịp nhàng, thông suốt theo cả chiều dọc và chiều ngang, đặc biệt là ý thức chính trị và sự tinh nhuệ của từng lực lượng. Cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cần phải tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ, thống nhất, bảo đảm các phương tiện, các binh chủng hoạt động theo cùng một hướng nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của các binh chủng trong phát huy dân chủ trong CTTT.

4.1.4. Thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân phải vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền

Trong số những biểu hiện rõ nét của dân chủ trong CTTT là quyền tham gia của người dân vào các hoạt động, các nội dung của CTTT. Trong *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Đảng ta nhấn mạnh “Thực hiện nghiêm, có hiệu quả các quy định về dân chủ ở cơ sở; công tác tiếp dân, đối thoại với nhân dân, giải quyết những kiến nghị hợp pháp, chính đáng của nhân dân” [57; tr. 250]. Đây là vấn đề mang tính chất cốt lõi của việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT ở VDBSCL.

Cấp uỷ và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia, bàn bạc và đưa ra quyết định về CTTT, từ khâu lãnh đạo, quản lý đến quá trình tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả CTTT. Tuỳ theo điều kiện, hoàn cảnh mà cấp uỷ và chính quyền các cấp ở các địa phương của Vùng có thể lựa chọn hình thức để thu hút sự tham gia của người dân sao cho hiệu quả; có thể là trực tiếp, hoặc gián tiếp,

hoặc kết hợp cả hai hình thức này. Việc lựa chọn hình thức tham gia của các tầng lớp nhân dân phải căn cứ vào đặc điểm của địa bàn hành chính của từng địa phương; đặc điểm của từng đối tượng, nhóm đối tượng; từng lĩnh vực thu hút;... Có như vậy mới nắm bắt và phát huy được lợi thế của từng đối tượng; bởi vì, mỗi đối tượng tuyên truyền sẽ phù hợp với từng hình thức tham gia khác nhau và mong muốn, khả năng của họ về việc tham gia cũng khác nhau.

Tuy nhiên, sự nỗ lực thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia vào CTTT của cấp uỷ, chính quyền và cán bộ tuyên truyền các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL sẽ mất đi ý nghĩa nếu như thiếu đi sự ủng hộ của người dân. Bởi vì, hoạt động thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào CTTT của Vùng chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có sự cố gắng và tham gia từ hai phía; trong đó sự tự giác, chủ động của người dân đóng vai trò rất quan trọng, quyết định hiệu quả của việc thu hút. Vì vậy, các cơ quan chức năng và cán bộ tuyên truyền cần khơi dậy sự tự nguyện của người dân khi tham gia vào CTTT của địa phương; đồng thời, bản thân cán bộ, đảng viên và nhân dân phải tự giác, chủ động tham gia vào CTTT. Có như vậy, cả chủ thể lẫn đối tượng tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng mới có môi trường thuận lợi và cơ hội thể hiện sự sáng tạo của mình trong các hoạt động tuyên truyền; thúc đẩy CTTT ngày càng phát triển; cũng như tạo điều kiện, động lực nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT của Vùng.

Tóm lại, muốn phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL thì phải hết sức coi trọng sự tham gia của cán bộ, đảng viên và nhân dân với tinh thần tự giác, chủ động và sáng tạo. Đó cũng chính là mục tiêu, là một nội dung của dân chủ; và là một yêu cầu, một nguyên tắc trong CTTT. Đồng thời, sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào CTTT cũng là điều kiện và động lực quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT ở VĐBSCL trong thời gian tới.

4.2. Giải pháp phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới

4.2.1. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, sự quản lý của chính quyền các cấp, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền

4.2.1.1. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp đối với phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền

Để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố là một tất yếu, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách và là điều kiện tiên quyết. Do đó, trong thời gian tới cần phải thực hiện những giải pháp cụ thể như sau:

Một là, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL nhằm đáp ứng yêu cầu phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong CTTT.

Năng lực lãnh đạo của cấp uỷ các cấp đối với CTTT là khả năng định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn cho từng địa phương, đơn vị và trong toàn xã hội, tạo tiền đề thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng và trong nhân dân thực hiện thắng lợi công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Năng lực lãnh đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL được thể hiện ở các mặt như: đề ra chủ trương đúng đắn, toàn diện; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đúng chủ trương mà cấp uỷ đề ra; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên các cơ quan chức năng và cán bộ làm CTTT; tổng kết thực tiễn nghiêm túc và chất lượng; và năng lực lãnh đạo của từng cấp uỷ viên. Do vậy:

Trước hết, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL xác định chính xác, cụ thể nội dung tuyên truyền phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng, phù hợp với từng đối tượng trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, nội dung tuyên truyền phải thể hiện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại; công

tác triển khai lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; công tác định hướng tuyên truyền cho các tổ chức đảng, tổ chức đoàn thể các cấp, đội ngũ báo cáo viên, các cơ quan báo chí, văn học, nghệ thuật; công tác tiếp xúc với nhân dân, nắm và giải quyết tình hình tư tưởng trong nhân dân;... để hướng dẫn hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân và cổ vũ họ tích cực thực hiện các nhiệm vụ cách mạng đề ra, nhằm hướng tới hình thành ý thức xã hội, góp phần xây dựng con người mới phát triển toàn diện.

Thứ hai, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cần phải thể chế hoá, “luật hoá”, cụ thể hoá các chủ trương thành các chính sách cụ thể, thành quy định đối với các cán bộ, đảng viên và nhân dân. Có như vậy, chủ trương của cấp uỷ các cấp về CTMT mới thực sự đi vào cuộc sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố của Vùng. Bên cạnh đó, cần phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tự phê bình và phê bình; phát huy tác dụng của *Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn* và *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* trong các tổ chức đảng và trong nhân dân, nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo của cấp uỷ các cấp trên lĩnh vực tư tưởng. Đồng thời, qua đó có thể nhận thấy được, quy trách nhiệm được cho tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu cấp uỷ trong việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTMT ở các tỉnh, thành phố của Vùng.

Thứ ba, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL phải thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên các cơ quan chức năng và cán bộ làm CTMT. Việc kiểm tra nhằm phát hiện, khích lệ những việc làm tốt; đồng thời, xử lý những cá nhân, tổ chức không thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chương trình, kế hoạch tuyên truyền của cấp uỷ. Công tác kiểm tra còn là một công cụ rất hiệu nghiệm để đấu tranh chống lại những quan điểm, tư tưởng sai trái, phản động nhằm phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng; phủ định con đường CNXH mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Đồng thời, công tác kiểm tra phát hiện và xử

lý nghiêm những cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, cán bộ làm CTMT ở các tỉnh, thành phố của Vùng có những biểu hiện của sự suy thoái, biến chất với những tư tưởng cực tả, cực hữu; dao động trước những diễn biến phức tạp của tình hình.

Thứ tư, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL phải thường xuyên tổng kết thực tiễn để thấy vấn đề nào đang đặt ra, vấn đề nào cần rút kinh nghiệm trong việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTMT; đề từ đó đề ra chủ trương, chính sách tuyên truyền sao cho sát hợp với tình hình thực tiễn. Thực tiễn luôn luôn biến đổi; do đó tổng kết thực tiễn trong CTMT là hết sức cần thiết. Một khi công tác tổng kết thực tiễn trong CTMT được thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học và tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân thì mới khẳng định những chủ trương đúng, điều chỉnh những chủ trương chưa phù hợp, thậm chí phải thay đổi cả nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền trong một số trường hợp cụ thể.

Thứ năm, cấp uỷ viên các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cần phải thường xuyên học tập, bồi dưỡng để nắm vững bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng và những kiến thức mới của thời đại để vận dụng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với việc thực hiện và phát huy dân chủ trong CTMT. Cấp uỷ viên các cấp phải tăng cường đối thoại với nhân dân, gương mẫu tham gia CTMT và phải biết động viên, khuyến khích mọi người cùng tham gia. Đồng thời, cấp uỷ viên các cấp phải sâu sát hơn nữa đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT, có chế độ định kỳ nghe báo cáo về tình hình, kết quả và cho ý kiến chỉ đạo đối với việc phát huy quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân trong CTMT của Vùng trong thời gian tiếp theo.

Hai là, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT ở VDBSCL.

Công tác tư tưởng nói chung và CTMT nói riêng là một trong những lĩnh vực lãnh đạo của Đảng; do đó, để nâng cao hiệu quả dân chủ trong CTMT

ở VĐBSCL trong thời gian tới thì việc đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện dân chủ trong CTMT là rất cần thiết. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách tuyên truyền đúng đắn trên nền tảng tư tưởng vững chắc và sát hợp với thực tiễn của VĐBSCL. Để thực hiện được điều đó thì cần phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin theo tinh thần sáng tạo, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời cần tạo ra không khí tự do, dân chủ, tạo ra thói quen thảo luận, tranh luận trong quá trình hoạch định nội dung đường lối, chủ trương, chính sách tuyên truyền sao cho phù hợp với những đặc điểm của đối tượng tuyên truyền ở từng giai đoạn và từng địa phương. Trong đó, cấp uỷ các cấp cần lưu ý đối với vùng sâu, vùng xa, vùng núi (An Giang), vùng hải đảo (Kiên Giang), vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang,...) để xây dựng nội dung và lựa chọn, sử dụng phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền phù hợp với từng địa phương, từng đối tượng, nhóm đối tượng.

Thứ hai, sự lãnh đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cần phải sát hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn ở từng cơ sở, từng địa phương. Công tác lãnh đạo của cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng đối với CTMT cần phải kết hợp chặt chẽ hơn nữa lý luận với thực tiễn, quan tâm hơn nữa đến CTMT ở từng cơ sở. Do vậy, bên cạnh việc thường xuyên quan tâm giáo dục lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng của dân tộc,... cần gắn chặt hơn nữa với những phong trào như xoá đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng; khuyến nông, khuyến công, khuyến học, khuyến tài,... nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ ba, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL cần phải cải tiến lề lối làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được xác

định. Đảng lãnh đạo mọi mặt, chịu trách nhiệm chính trị trong mọi hoạt động ở đơn vị và địa phương về CTMT; tuy nhiên, cấp uỷ các cấp không bao biện, làm thay chính quyền và đoàn thể, đồng thời không buông lỏng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của mình đối với CTMT. Trong giai đoạn hiện nay, cần chú trọng phương thức đặc trưng trong CTMT đó là làm gương, nêu gương của cán bộ tuyên truyền, của cán bộ, đảng viên với tinh thần “một tấm gương sáng bằng hàng trăm bài diễn văn tuyên truyền”. Chính vì thế, trong thời gian tới, cần triển khai sâu rộng nhiệm vụ xây dựng đạo đức đối với các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cán bộ, đảng viên; xây dựng và thực hiện các chuẩn mực về đạo đức phù hợp với từng đối tượng; xây dựng cơ chế giám sát đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; tổ chức thực hiện rộng khắp, có chiều sâu, thiết thực, hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;...

Thứ tư, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cần phải thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng thông qua kết quả thăm dò dư luận xã hội; để làm cơ sở xây dựng và hoàn thiện mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức và sử dụng phương tiện tuyên truyền sao cho phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng, nhóm đối tượng ở từng cơ sở, địa phương của Vùng. Bên cạnh đó, cần tăng cường việc thực hiện dân chủ trong CTMT đối với đồng bào tôn giáo, đồng bào dân tộc, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Thực tế cho thấy, việc “bỏ trống” các trận địa này sẽ có nguy cơ tổn hại cho cách mạng không lâu bởi sự lôi kéo, lợi dụng của các thế lực thù địch với âm mưu “diễn biến hoà bình” trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Thứ năm, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VDBSCL cần phải chú trọng và xem đây là nhiệm vụ thường xuyên đối với việc đấu tranh tư tưởng trong CTMT. Trong giai đoạn hiện nay, cùng với mặt trái của cơ chế thị trường và tác động tiêu cực của xu thế hội nhập quốc tế, các thế lực thù địch luôn ráo riết thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng; do đó, với phương châm “xây để chống”, “xây là chính”, “lấy cái tích cực để

đẩy lùi cái tiêu cực”, việc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra hết sức gay gắt. Chính vì vậy, cần nghiên cứu những vấn đề đặt ra trong CTTT; đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động tuyên truyền nhằm khắc phục sự lạc hậu của chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ làm CTTT;... Bên cạnh đó, đấu tranh tư tưởng trong CTTT của Vùng còn phụ thuộc vào sự phát triển của nền DCXHCN; do đó, cần phát huy tự do tư tưởng, tăng cường thảo luận, tranh luận, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong CTTT ở VĐBSCL.

4.2.1.2. Đổi mới và tăng cường sự quản lý của chính quyền các cấp, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành có liên quan đến việc thực hiện và phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền

Với vai trò quản lý, bộ máy chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải “gọn nhẹ, trong sạch, đủ năng lực và bản lĩnh để chấp hành pháp luật. Con người trong bộ máy nhà nước phải được lựa chọn theo những tiêu chí cụ thể và công khai, phải có uy tín trong dân chúng, có năng lực và liêm, chính. Và Chính phủ được thành lập ra phải là một “Chính phủ liêm khiết... biết làm việc” [93, tr. 427]. Do vậy, để nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp đối với dân chủ trong CTTT của Vùng, trong thời gian tới thì cần phải:

Một là, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng có chức năng quản lý CTTT. Tổ chức bộ máy quản lý CTTT phải gọn nhẹ, có quy định rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở từng địa phương, từng cơ sở. Tổ chức và hoạt động của bộ máy từ cấp tỉnh, thành phố cho đến cấp cơ sở phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tiếp cận, đối thoại và kiểm tra, giám sát cũng như thể hiện được tài năng, trí tuệ, sáng tạo của mình trong các hoạt động tuyên truyền.

Hai là, chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải bảo đảm và phát huy được quyền làm chủ thực sự của cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là quyền tham gia trực tiếp vào các hoạt động lãnh đạo, quản lý CTTT của cấp uỷ và chính quyền các cấp. Để từ đó, các cơ quan chức năng và cán bộ tuyên truyền xây dựng được nội dung, lựa chọn phương pháp, hình thức và sử dụng phương tiện tuyên truyền một cách sát hợp với từng đối tượng (nhóm đối tượng) tuyên truyền ở từng địa phương, đáp ứng yêu cầu của tình hình thực tiễn.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên truyền đủ về số lượng và cao về chất lượng ở các tỉnh, thành phố VDBSCL. Các cơ quan chức năng cần phải có chiến lược cán bộ tuyên truyền ở từng cấp; từ đó cụ thể hoá thành những kế hoạch về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng,... dài hạn hoặc ngắn hạn để xây dựng được một đội ngũ cán bộ đáp ứng về số lượng; và đội ngũ đó cần phải có bản lĩnh chính trị, chuyên môn cao, nghiệp vụ vững, đáp ứng được yêu cầu phát huy dân chủ trong CTTT của Vùng. Đặc biệt là cần phải đổi mới tư duy, nhận thức, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ tuyên truyền các cấp; tăng cường khả năng, năng lực đối thoại với đối tượng, nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đối tượng trong các hoạt động tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VDBSCL.

Song song đó, pháp luật là công cụ, là phương tiện chủ yếu và quan trọng nhất của nhà nước để thực hiện chức năng quản lý. Không có pháp luật hoặc pháp luật yếu kém thì không thể hình dung được nhà nước và hoạt động của thể chế nhà nước sẽ như thế nào. Do vậy, *xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, với đầy đủ những văn bản luật phù hợp với thực tiễn và được lòng dân là một trong những yêu cầu quan trọng để phát huy dân chủ trong CTTT ở VDBSCL*. Trong thời gian tới, cần phải:

Một là, rà soát lại nội dung dân chủ trong công tác tư tưởng nói chung và dân chủ trong CTTT nói riêng trong các văn bản pháp luật ở các tỉnh, thành

phổ của Vùng. Hiện nay chúng ta đã có một hệ thống pháp luật cơ bản mà trong đó chứa đựng các nội dung liên quan đến vấn đề dân chủ và thực hiện dân chủ trong CTTT. Việc rà soát lại nội dung dân chủ trong công tác tư tưởng nói chung và dân chủ trong CTTT nói riêng trong các văn bản pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa bổ sung, hoàn thiện các văn bản quan trọng đó; làm cơ sở hành lang pháp lý để xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế, chế tài, các quy định chế độ trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhân dân cũng như các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể để thực hiện có hiệu quả hơn dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL.

Hai là, cần chú trọng xây dựng hành lang pháp lý bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến CTTT của Vùng. Thực hiện dân chủ trong CTTT là nói tới mối quan hệ qua lại giữa quyền và nghĩa vụ, quyền gắn với lợi ích và nghĩa vụ, đồng thời là trách nhiệm của mỗi người dân ở VĐBSCL. Để đảm bảo cho những quan hệ đó thực sự dân chủ thì phải có hành lang pháp lý nhằm hướng dẫn nhận thức để điều chỉnh và kiểm soát hành vi của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong các hoạt động tuyên truyền. Việc xây dựng hành lang pháp lý đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL phải được đặt trong mối quan hệ tổng thể các công cụ pháp lý đồng bộ và cụ thể, bao gồm tất cả các chế định pháp luật hiện hành.

Thứ ba, xây dựng và thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến CTTT phải phù hợp với tính đặc thù từng địa phương của VĐBSCL. Đối với vùng sâu, vùng xa, nhất là vùng đồng bào dân tộc ít người (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang), vùng biên giới (An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An), vùng hải đảo (Kiên Giang, Cà Mau), trước khi ban hành các loại văn bản liên quan đến những quy định, quy tắc tuyên truyền, cần phải hết sức thận trọng trong việc tìm hiểu đặc điểm của từng vùng, từng địa phương, từng đối tượng, nhóm đối tượng, nhất là về vấn đề dân tộc, tôn giáo, biên giới và chủ quyền lãnh thổ, biển đảo.

Các quy định, quy tắc tuyên truyền phải thật sự chặt chẽ, logic, sát hợp với thực tiễn, nhằm tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; đồng thời, để tránh việc các thế lực thù địch, phản động lợi dụng kẻ hở trong văn bản pháp luật thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” trên mặt trận tư tưởng ở VĐBSCL.

Ngoài ra, bên cạnh những quy chế, quy định chung, cần có những quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi, chế độ khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ tuyên truyền, nhất là báo cáo viên, tuyên truyền viên sao cho hợp lý ở từng vùng, từng địa phương. Bởi vì, mỗi vùng, mỗi địa phương với những đặc điểm khác nhau sẽ tạo nên tính đặc thù trong công việc của cán bộ tuyên truyền. Ví dụ như, cán bộ tuyên truyền ở vùng núi, biên giới (An Giang, Kiên Giang), vùng đồng bào dân tộc ít người (Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu), vùng biển đảo (Kiên Giang, Cà Mau),... sẽ có cách thức làm việc khác với cán bộ tuyên truyền ở vùng đồng bằng, thành thị.

4.2.2. Nâng cao chất lượng nội dung gắn với đối tượng tuyên truyền, xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, thực hiện minh bạch, công khai thông tin, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân

Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là nguyên tắc căn bản đối với việc thực hiện, phát huy dân chủ trong CTMT là phải thông tin đầy đủ, đúng đắn, khách quan, kịp thời về mọi lĩnh vực đời sống xã hội, nhằm củng cố sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân. Do vậy, để phát huy dân chủ trong CTMT ở VĐBSCL cần phải đổi mới nội dung, xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, thực hiện minh bạch, công khai thông tin, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cụ thể như sau:

Một là, đa dạng hoá thông tin và tăng lượng thông tin hữu ích nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở VĐBSCL.

Trong giai đoạn hiện nay, nhu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung là rất lớn. Việc xác định

được những vấn đề muốn được thông tin để thỏa mãn ngày càng đầy đủ, đúng và trúng nguyện vọng của họ là một trong những yếu tố thể hiện chất lượng thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL. Do đó, nội dung thông tin cần phải phong phú, đa dạng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như tin trong nước, tin ngoài nước, tin chính trị, tin kinh tế, tin xã hội, tin khoa học - kỹ thuật, tin thể dục thể thao, tin người tốt việc tốt,...

Nội dung tuyên truyền được sử dụng ở các mức độ, thời lượng khác nhau ở VĐBSCL phải hấp dẫn, có sức thuyết phục, phù hợp đặc điểm tâm lý, trình độ, thị hiếu của từng đối tượng, nhóm đối tượng tiếp nhận thông tin ở từng vùng, nhất là khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đông đồng bào theo đạo. Đơn cử, An Giang là tỉnh biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, có vị trí chiến lược về kinh tế, quốc phòng, an ninh ở VĐBSCL; là cửa ngõ giao thương với Vương quốc Campuchia và các nước ASEAN, dân số gần 2 triệu người với nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo. Trong tỉnh, một số phần tử cực đoan đội lốt tôn giáo, dân tộc liên kết với bên ngoài tiếp tục có những hoạt động kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc [119, tr.1]. Đặc điểm tình hình nêu trên đã tác động nhiều chiều đến tư tưởng, nhận thức, tình cảm, văn hóa, lối sống xã hội và gây không ít khó khăn trong CTTT ở địa phương. Do vậy, nội dung CTTT phải hết sức chú ý đến đặc điểm dân tộc, tôn giáo; vấn đề về chủ quyền lãnh thổ; vấn đề về đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, phản động trên mặt trận tư tưởng. Hay là Kiên Giang - một tỉnh ven biển, nằm tận cùng phía Tây Nam của nước ta, trong đó lãnh thổ bao gồm đất liền và hải đảo, nội dung CTTT đòi hỏi phải đặc biệt nhấn mạnh về vấn đề chủ quyền biển đảo trong các hoạt động tuyên truyền.

Hai là, xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, đồng thời định hướng thông tin ở VĐBSCL.

Trong giai đoạn hiện nay, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển nên trình độ dân trí của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL cũng ngày

càng được nâng cao. Số lượng thông tin mà cán bộ, đảng viên và nhân dân có cơ hội tiếp nhận rất lớn, được thường xuyên cập nhật từ nhiều nguồn khác nhau bằng các phương tiện ngày càng hiện đại và tiện ích, phản ánh đầy đủ và đúng đắn tình hình đất nước. Do đó, các cơ quan báo chí ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải hết sức tránh tình trạng độc quyền thông tin, trốn tránh trách nhiệm khi thông tin thiếu chính xác, sai sự thật nhưng không đính chính hoặc xin lỗi, coi thường đối tượng tiếp nhận thông tin và dư luận, thậm chí còn ẩn chứa động cơ cá nhân, phương hại đến đoàn kết nội bộ trong Đảng, chính quyền và nhân dân các cấp. Các chương trình của đài truyền hình, đài phát thanh ở mỗi tỉnh, thành phố của Vùng cần có những chuyên đề đặc sắc và mang tính đặc thù, sát hợp với tình hình thực tiễn dành cho từng đối tượng (nhóm đối tượng) khác nhau ở những địa phương khác nhau; chương trình thời sự với dung lượng thông tin lớn, chọn lọc, được chọn thời điểm phát sóng thích hợp là một cách thức rất hiệu quả phục vụ thống nhất nhận thức, tư tưởng theo định hướng của Đảng trong các tầng lớp nhân dân của Vùng. Ngoài ra, CTĐT cần được tiến hành thông qua mạng internet một cách trực diện, liên tục, xây dựng những kênh thông tin trên môi trường mạng vừa tin cậy đối với Đảng và Nhà nước, vừa thân thiện với cộng đồng mạng để thực hành công tác thông tin, tuyên truyền một cách nhanh nhạy, hiệu quả.

Trong điều kiện thông tin đa dạng và nhiều chiều, CTĐT của Vùng phải coi trọng việc định hướng thông tin đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân. Do vậy, chủ thể tuyên truyền cần phải cảnh báo cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận biết những thông tin trái ngược với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng ta; cần làm cho nhân dân nhận rõ bản chất của tuyên truyền tư sản, tránh sự hoang mang, dao động trong nhân dân. Các cơ quan chức năng cần phải xử lý kịp thời theo pháp luật mọi hoạt động phát tán tài liệu xấu; thông tin bịa đặt, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, chính sách, pháp

luật của Đảng và Nhà nước các cấp. Đồng thời, công tác hướng dẫn nhận thức, đánh giá thông tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân phải linh hoạt, mềm dẻo, thông thoáng; khắc phục được mâu thuẫn giữa yêu cầu mở rộng thông tin với định hướng thông tin, tránh được cảm giác nặng nề trong tâm lý người tiếp nhận, hạn chế nảy sinh tư tưởng phức tạp do thiếu và nhiễu thông tin. Bên cạnh đó, cấp uỷ các cấp phải đảm bảo đúng quan điểm chỉ đạo ở các tỉnh, thành phố của Vùng trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm nhưng đồng thời vẫn tạo cơ hội cho sự suy nghĩ, năng lực phát hiện vấn đề và sự nhạy bén chính trị của mỗi người dân.

Ba là, thông tin phải được thực hiện minh bạch, công khai, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL.

Phương pháp của CTTT là sử dụng các biện pháp, cách thức tác động vào con người; là việc sử dụng các yếu tố mang tính khách quan, tác động vào yếu tố chủ quan. Yếu tố khách quan đó của CTTT càng bao hàm nhiều tố chất khoa học, hợp lý thì tính thuyết phục càng cao, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng dễ tiếp nhận và tự giác thực hiện. Do vậy, để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL, thông tin cần phải được công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Để thực hiện được điều đó:

Chủ thể cần phải thông tin với cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL biết được các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Đây là điểm quan trọng, vì nó thể hiện rõ nét tính dân chủ, thể hiện sự tôn trọng đối với quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL trong CTTT. Các cơ quan đảng và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần tổ chức lực lượng báo chí, truyền thông đại chúng theo hướng phát huy mạnh mẽ tính tích cực; đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, khách quan, trung thực, công khai, đáp ứng yêu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Chủ thể tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần phải nói đúng mức, đúng sự thật những cái đã có, không được tô hồng, nhưng cũng không để hiểu sai tình hình thực tế. Với điều kiện cách mạng hiện nay, CTTT cần làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy được bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được qua 37 năm đổi mới còn tồn tại nhiều vấn đề trong kinh tế - xã hội; bên cạnh những vận hội lớn còn có những thách thức lớn. Một khi cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân của Vùng nhận thức được đầy đủ, đúng đắn thực trạng đất nước thì họ sẽ có thái độ tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo khi tham gia vào chiến lược phát triển của Vùng nói riêng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN nói chung.

Cùng với việc mở rộng nội dung và công khai, minh bạch thông tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL thì cần phải thực hiện bảo vệ bí mật Nhà nước. Có những nội dung thuộc về bí mật quốc gia, có việc phải tính toán, đưa trong thời điểm nào, có việc phải cân nhắc lợi hại. Hướng chung là mở rộng tính công khai, minh bạch những hoạt động của Đảng và Nhà nước nhưng phải tránh tình trạng lợi dụng quy định để “mật hoá” văn bản, bùng bít thông tin gây phiền hà cho cán bộ, đảng viên và người dân trong CTTT.

4.2.3. Đa dạng hoá phương pháp, hình thức tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại, trao đổi, tương tác đa chiều, phù hợp với đặc điểm đối tượng

Đặc điểm đối tượng CTTT là con người có cá tính, có thói quen, có tình cảm, biết tư duy, có ý thức. Vì thế, đối tượng không chỉ tiếp thu thụ động mà còn có sự độc lập, chủ động, sáng tạo đối với những tác động của chủ thể tuyên truyền. Mặt khác, đối tượng còn có tác động trở lại rất lớn đối với chủ thể tuyên truyền, đòi hỏi chủ thể không ngừng cải tiến, hoàn thiện phương pháp và hình thức của mình. Do đó, đa dạng hoá phương pháp, hình thức tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại, trao đổi, tương tác đa chiều phù hợp với đặc điểm đối tượng tuyên truyền là một tất yếu và cũng là một trong những giải

pháp quan trọng để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL. Chính vì vậy, trong thời gian tới cần phải:

Một là, xây dựng một hệ thống phương pháp và hình thức phong phú, đa dạng, có thể áp dụng kịp thời, phù hợp, hiệu quả cho mọi nội dung, mọi đối tượng và trong mọi hoàn cảnh, điều kiện tiến hành CTTT ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL. Phương pháp và hình thức tuyên truyền không phải là cái có sẵn mà là kết quả của quá trình sáng tạo không ngừng của chủ thể. Vì vậy, các chủ thể tuyên truyền phải đẩy mạnh nghiên cứu, sáng tạo ra nhiều phương pháp và hình thức ngày càng phù hợp với đặc điểm tâm lý đối tượng; đồng thời, nghiên cứu, cải tiến các phương pháp, hình thức cũ sao cho phù hợp với điều kiện mới nhằm tạo ra một nguồn phương pháp và hình thức tương đối dồi dào để thực hiện đa dạng hoá.

Hai là, kết hợp sử dụng các phương pháp và hình thức với nhau sao cho phù hợp, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự tương tác giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL. Các phương pháp và hình thức tuyên truyền có quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau, bổ sung cho nhau nhằm mục đích thực hiện tốt nhiệm vụ CTTT; mặt khác, từng phương pháp, hình thức có tính độc lập tương đối, có ưu, nhược điểm riêng. Việc sử dụng kết hợp các phương pháp và hình thức với nhau vừa phát huy sức mạnh tổng hợp của các phương pháp và hình thức tạo ra sự tác động nhiều chiều, nhiều mặt đến đối tượng, vừa là cách để sáng tạo ra hình thức mới.

Ba là, tăng cường sử dụng phương pháp đối thoại, để cùng trao đổi ý kiến, tranh luận giữa chủ thể và đối tượng nhằm làm sáng tỏ những vấn đề tư tưởng trong các hoạt động tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL. Đề phương pháp đối thoại có kết quả tốt, trong các hoạt động tuyên truyền, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể như:

Thứ nhất, phải đảm bảo môi trường tâm lý thuận lợi cho đối thoại. Đó là thái độ chân thành, cởi mở, thẳng thắn, bình đẳng và thể hiện sự tôn trọng

của chủ thể với đối tượng đối thoại trong các hoạt động tuyên truyền. Chỉ có như vậy, đối tượng mới mạnh dạn trình bày hết những ý kiến của mình mà trong nhiều trường hợp rất cần thiết cho việc nắm bắt dư luận, dự báo tình hình trong CTTT; nhất là lưu ý vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người (Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang), vùng biên giới (An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An), vùng hải đảo (Kiên Giang, Cà Mau).

Thứ hai, chủ thể phải có hiểu biết sâu sắc và phong phú về chủ đề đối thoại, biết cách khơi gợi vấn đề thảo luận, tranh luận đúng hướng và nhất là có khả năng ứng phó linh hoạt với những tình huống phức tạp, bất ngờ có thể diễn ra trong cuộc đối thoại. Muốn như vậy, chủ thể phải thường xuyên trau dồi kiến thức tích lũy kinh nghiệm để có tầm hiểu biết rộng và nghệ thuật đối thoại cao.

Thứ ba, các thành viên tham gia đối thoại cũng phải tương đối hiểu biết về chủ đề đối thoại và có thiện chí xây dựng ý kiến đúng đắn, thống nhất. Nếu không nắm được những vấn đề liên quan đến chủ đề đối thoại, họ có thể không có ý kiến hoặc nêu lên những ý kiến hời hợt, làm cho cuộc đối thoại trở nên tẻ nhạt. Nếu không có thiện chí xây dựng ý kiến thống nhất, họ có thể “nói phá ngang” hoặc “cãi lấy được” làm cho không khí cuộc đối thoại phức tạp và căng thẳng.

Thứ tư, chủ thể phải khéo léo, tế nhị, kiên trì lái cuộc đối thoại theo hướng tích cực, tán thành và ủng hộ những ý kiến thẳng thắn, đúng đắn. Trong trường hợp có ý kiến trái ngược, cần phải phản bác bằng luận chứng, luận cứ khoa học, chứ không phải bằng quy kết, áp đặt ý kiến chủ quan; phải biết tự kiềm chế, thuyết phục và chờ đợi đối tượng trong đối thoại cũng là nghệ thuật nhằm nâng cao hiệu quả trong sử dụng phương pháp này.

Thứ năm, chủ thể phải có khả năng tổng hợp ý kiến qua đối thoại, đứng trên lập trường, quan điểm của Đảng để nêu được ý kiến mang tính định hướng về tư tưởng.

Bốn là, cần xây dựng quy chế quản lý các cuộc thảo luận, tranh luận, phát huy được trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong CTTT ở các

tỉnh, thành phố VĐBSCL. Cấp uỷ các cấp cần tăng cường chỉ đạo đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng; chống các luận điệu sai trái và chấn chỉnh đảng viên về kỷ luật nói, viết; bác bỏ những kiến nghị có khuynh hướng tự do DCTS về báo chí, xuất bản; nêu cao ý thức kỷ luật trong phát ngôn của đảng viên và phê phán một số cán bộ, đảng viên đã lợi dụng việc tham gia đóng góp ý kiến cho Đảng mà hành động trái với tinh thần dân chủ của Đảng trong CTMT. Đồng thời, mỗi công dân VĐBSCL phải có trách nhiệm chấp hành kỷ luật phát ngôn một cách nghiêm túc.

4.2.4. Hiện đại hoá phương tiện tuyên truyền, cơ sở vật chất - kỹ thuật và sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện tuyên truyền hiện đại có nhiều chức năng, dịch vụ, tiện ích, tương tác, chia sẻ, phù hợp với đặc điểm Vùng

Sự phát triển của khoa học, công nghệ hiện đại đã, đang và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy tính tự chủ, sáng tạo của cả chủ thể lẫn đối tượng trong CTMT. Chính vì vậy, chúng ta cần thiết phải ngày càng hiện đại hoá phương tiện tuyên truyền, cơ sở vật chất - kỹ thuật và sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện tuyên truyền hiện đại có nhiều chức năng, dịch vụ, tiện ích, tương tác, chia sẻ để phát huy dân chủ trong CTMT ở VĐBSCL. Do vậy, trong thời gian tới cần phải:

Một là, cung cấp đầy đủ phương tiện, trang thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho cán bộ tuyên truyền, nhất là báo cáo viên ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL. Để phát huy hơn nữa quyền và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố của VĐBSCL trong CTMT thì hoạt động tuyên truyền miệng là rất quan trọng và cần thiết. Do vậy, cần cung cấp các phương tiện phục vụ cho việc khai thác, tiếp nhận, xử lý thông tin của cán bộ tuyên truyền, báo cáo viên như máy tính bàn, máy tính xách tay, máy in, máy ghi âm,... Bên cạnh đó cũng cần cung cấp cho họ những phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ việc biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền. Ngoài ra, hoạt động tuyên truyền miệng của cán bộ tuyên truyền, báo

cáo viên rất cần có hội trường và các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng,... Cấp uỷ, chính quyền ngoài sự quan tâm đầu tư xây dựng mới, cần có cơ chế sử dụng hội trường cấp uỷ, uỷ ban nhân dân, các ngành, đoàn thể cho hoạt động tuyên truyền, chỉ đạo hoặc cung cấp kinh phí để mượn hoặc thuê các hội trường hiện có ở địa phương phục vụ cho hoạt động tuyên truyền miệng.

Hai là, tăng cường đầu tư ngân sách xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ CTMT theo hướng phát triển đồng bộ và hiện đại hoá, có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm ở các tỉnh, thành phố VDBSCL. Trong thực tế hiện nay, nhìn chung điều kiện kinh tế - xã hội ở các tỉnh, thành phố của Vùng ngày càng phát triển nên phương tiện cũng như cơ sở vật - kỹ thuật phục vụ CTMT đã được cải tiến và hiện đại hơn trước. Tuy nhiên, một số nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới (An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An), hải đảo (Kiên Giang, Cà Mau), vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, An Giang,...) vẫn trong tình trạng thiếu và lạc hậu về cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống CTMT; kinh phí hoạt động thì lại hết sức hạn hẹp. Do đó, để đảm bảo cho hệ thống CTMT hoạt động có hiệu quả nói chung và tạo điều kiện cho việc phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở VDBSCL nói riêng, cần tăng cường đầu tư ngân sách xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ CTMT theo hướng phát triển đồng bộ và hiện đại hoá, có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm; và cung cấp trang thiết bị hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển của công nghệ thông tin nhằm phục vụ cho hoạt động tuyên truyền.

Ba là, bảo đảm an ninh, an toàn trong việc sử dụng phương tiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ CTMT ở các tỉnh, thành phố VDBSCL. Việc đầu tư, mua sắm phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phải đi đôi với việc bảo đảm an ninh, an toàn trong việc sử dụng trong các hoạt động tuyên truyền. Do đó, cần tổ chức các buổi tập huấn về công nghệ thông tin, kỹ thuật giúp chủ thể và đối tượng tuyên truyền biết sử dụng thành thạo, phát huy ưu thế của công

nghe thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của mình, phát huy tối đa ưu thế công nghệ trong CTTT. Đồng thời, cần hết sức chú ý đến khâu quản lý, sử dụng và bảo quản để phát huy hết khả năng, công suất của cơ sở vật chất - kỹ thuật, tránh hiện tượng đầu tư lãng phí mà hiệu quả sử dụng không cao. Vì vậy, lãnh đạo các địa phương, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cán bộ có chức năng trực tiếp làm nhiệm vụ tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố của Vùng phải có sự phối hợp thật tốt giữa việc quản lý, bảo vệ trong nội bộ với các lực lượng trong khối nội chính để vừa đảm bảo tốt an ninh tư tưởng, vừa đảm bảo an toàn một cách tốt nhất cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ CTTT.

Bốn là, tiếp tục quan tâm, đầu tư và ứng dụng công nghệ mới vào các hoạt động tuyên truyền ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL. Ngày nay, với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, internet và mạng xã hội đã kết nối thế giới đến hầu hết từng người dân ở VĐBSCL. Trong đó, các phần mềm tương tác giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền cần được chú trọng nâng cao và các giao diện phải ngày càng được cải tiến để theo kịp với các thiết bị hiện đại (như điện thoại thông minh, các thiết bị di động, các thiết bị công nghệ mới,...), tạo điều kiện cho các tầng lớp nhân dân của Vùng dễ dàng truy cập khai thác, tìm kiếm, chia sẻ thông tin và tương tác với chủ thể, tương tác lẫn nhau. Bên cạnh đó, chủ thể tuyên truyền ở các cơ quan, đơn vị của Vùng cần mở thêm và ngày càng hoàn thiện các nền tảng như Zalo, Vcnet, Lotus, Facebook, Twitter,... chính thức của cơ quan, đơn vị mình trên mạng xã hội với nhiều địa chỉ để tạo nhiều kênh tiếp xúc khác nhau với đối tượng tuyên truyền. Có như vậy, chủ thể sẽ dễ dàng và nhanh chóng nắm bắt được tâm trạng xã hội của đối tượng được tuyên truyền; đồng thời đối tượng tuyên truyền cũng sẽ có điều kiện thuận lợi trong việc phản hồi ý kiến và nguyện vọng của mình đến chủ thể tuyên truyền, đến các cơ quan chức năng.

Với điều kiện nền kinh tế - xã hội của VĐBSCL còn nhiều khó khăn, các cơ quan chức năng cần kết hợp việc ưu tiên nguồn kinh phí thoả đáng cho

CTTT từ ngân sách nhà nước với xã hội hoá một số hoạt động tuyên truyền trên cơ sở giữ vững định hướng tư tưởng. Đồng thời, chúng ta cần tận dụng tối đa các thành tựu khoa học, công nghệ để tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị, kỹ thuật thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ để hoà nhập với trình độ khoa học - kỹ thuật thông tin trên cả nước và quốc tế nhằm phục vụ CTTT nhất là đối với các cơ quan làm CTTT.

4.2.5. Khắc phục triệt để những biểu hiện phi dân chủ, độc đoán, áp đặt, dân chủ hình thức và vô kỷ luật trong công tác tuyên truyền

Tuyên truyền theo kiểu áp đặt, một chiều, buộc quần chúng phải thực hiện thì không khác gì tạo ra bức tường ngăn cách mối liên hệ giữa dân với Đảng, tách rời lợi ích của dân với Đảng và Nhà nước. Chính vì thế, để phát huy dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL cần phải:

Một là, cấp uỷ các cấp ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL phải áp dụng các biện pháp thực sự dân chủ, thuyết phục, động viên sự sáng tạo, không được ra lệnh, áp đặt ý kiến; nghiêm khắc phê phán những hiện tượng gò bó, bảo thủ, sơ lược, công thức đối với hoạt động tuyên truyền. CTTT phải biết khuyến khích mọi tìm tòi, phát hiện mới, làm cho các hoạt động thêm phong phú, đa dạng, tiên tiến, hiện đại, góp phần xứng đáng với vai trò bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Thái độ tôn trọng sức sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân là một yêu cầu cao đối với dân chủ trong CTTT.

Hai là, bộ máy chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần tạo điều kiện và môi trường để giải phóng tinh thần tự do tư tưởng, thái độ tôn trọng nhân cách của đối tượng trong tranh luận, đối thoại là những biểu hiện sinh động của dân chủ trong CTTT. Vấn đề quan trọng là chủ thể và đối tượng phải thảo luận thật kỹ các vấn đề đặt ra trong CTTT; nêu ra và đánh giá đúng ưu điểm, khuyết điểm; làm rõ những nguyên nhân cơ bản của tình hình; tổng kết từ thực tế những vấn đề lý luận và thực tiễn đang có ý kiến khác nhau để

tăng cường nhất trí cao hơn nữa trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố VDBSCL.

Ba là, cán bộ tuyên truyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần đi sâu vào thực tế, lắng nghe tiếng nói của cán bộ, đảng viên và nhân dân; nhạy cảm với những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống để đề xuất các vấn đề cần giải quyết về lý luận và chính sách. Chủ thể xác định nội dung, lựa chọn phương pháp, hình thức, phương tiện tuyên truyền không thể áp dụng một cách máy móc, bảo thủ, xơ cứng, nóng vội mà không tính đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trong nước và thế giới, đến đặc điểm địa phương, trạng thái ý thức dân tộc, thực trạng tâm lý, tư tưởng, tình cảm,... của từng nhóm xã hội, từng người. Đồng thời, chủ thể tuyên truyền cần phải tự trau dồi cho mình quan điểm của Đảng đối với quần chúng một cách sâu sắc, gột rửa những quan điểm phong kiến, bảo thủ để xây dựng lòng tin vào khả năng sáng tạo của quần chúng, thấy rõ vai trò của quần chúng, của cơ sở, của đông đảo cán bộ, đảng viên.

Bốn là, cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các tỉnh, thành phố VDBSCL với tư cách là đối tượng tuyên truyền cần nghiên cứu kỹ các vấn đề tuyên truyền; từ đó góp phần thảo luận, tranh luận trong quá trình tuyên truyền. Mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân phải biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của nhau, thật sự vì chân lý, lẽ phải, chứ không tùy tiện phát ngôn, cũng không bàng quan vô trách nhiệm; cần phải có thái độ hợp tác với cán bộ, với chính quyền khi giải quyết các vấn đề chính là bảo vệ quyền dân chủ của mình trong CTTT. Để từ đó đề đạt ý kiến với chủ thể, với cơ quan chức năng nhằm có những biện pháp hữu hiệu góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT của Vùng.

Năm là, đấu tranh chống các luận điệu phản dân chủ cũng là biện pháp thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT ở VDBSCL. Khi tuyên truyền về những vấn đề chính diện phải tuyên truyền thật hay, thật đúng và thuyết phục, đó là cách tuyên truyền hiệu quả nhất. Cấp uỷ các cấp cần tăng cường chỉ đạo

đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng; chống các luận điệu sai trái và chấn chỉnh đảng viên về kỷ luật nói và viết; bác bỏ những kiến nghị có khuynh hướng tự do DCTS về báo chí, xuất bản; nêu cao ý thức kỷ luật trong phát ngôn của cán bộ, đảng viên và phê phán những cán bộ, đảng viên đã lợi dụng việc tham gia đóng góp ý kiến cho Đảng mà hành động trái với tinh thần dân chủ của Đảng trong CTTT.

4.2.6. Nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội tạo điều kiện thuận lợi để phát huy dân chủ trong công tác tuyên truyền

Cấp uỷ và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần có những chính sách, giải pháp cụ thể để nâng cao trình độ dân trí và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người dân VĐBSCL (trọng tâm là thực hiện thắng lợi *Nghị quyết số 13-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát huy dân chủ trong CTTT. Cụ thể như sau:

Để nâng cao trình độ dân trí, cần phải:

Một là, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng, tăng cường tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về dân chủ, thực hiện dân chủ, về CTTT, thực hiện dân chủ trong CTTT cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ở VĐBSCL. Đối với những nơi có trình độ dân trí còn thấp (như người dân sống ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, đồng bào dân tộc thiểu số), cấp uỷ và chính quyền các cấp ở các tỉnh, thành phố của Vùng cần phải có những phương pháp và hình thức tuyên truyền phù hợp và phải phát huy vai trò của các chức sắc, chức việc tôn giáo, trưởng thôn, ấp, đội ngũ tuyên truyền viên, cán bộ cơ sở.

Hai là, thực hiện đúng quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu” và nội dung *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu*

công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Theo đó, các cơ quan chức năng cần đầu tư, đổi mới, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân ở các cấp học từ giáo dục mầm non, phổ thông, dạy nghề đến cao đẳng, đại học; trong đó, hết sức chú trọng phổ cập giáo dục ở những vùng kinh tế khó khăn, vùng núi, biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh, thành phố VĐBSCL.

Để phát triển kinh tế, cần phải:

Một là, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng giá trị phi nông nghiệp và phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghệ cao, sinh thái, trách nhiệm, bền vững, giá trị gia tăng cao và phát triển chuỗi giá trị; xoay trục chiến lược sang thủy sản - trái cây - lúa gạo theo lợi thế của vùng và các tiểu vùng.

Hai là, phát triển VĐBSCL trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp hiện đại, năng động, hiệu quả ở tầm quốc gia, khu vực và thế giới; là nền nông nghiệp hàng hóa theo nhu cầu thị trường, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, giá trị gia tăng cao và bền vững về môi trường.

Ba là, tập trung phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, không gây tổn hại đến hệ sinh thái tự nhiên, có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ rừng và bờ biển đặc biệt là năng lượng gió, mặt trời; phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản và thực phẩm gắn với vùng sản xuất nguyên liệu của vùng.

Bốn là, phát triển các ngành dịch vụ của Vùng theo hướng nâng cao chất lượng xuất khẩu, tăng hàm lượng chế biến sâu đối với hàng xuất khẩu và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ và phát triển dịch vụ logistic và vận tải để thúc đẩy thu hút đầu tư FDI. Phát triển mạnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát huy tiềm năng du lịch biển đảo, đặc biệt tại thành phố Phú Quốc; đầu tư phát triển một số khu du lịch lớn giàu bản sắc, độc đáo và mang đặc trưng riêng trên địa bàn vùng.

Để xây dựng, phát triển văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội:

Một là, tạo chuyên biến về chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo, tăng điều kiện tiếp cận giáo dục có chất lượng cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với hệ thống giáo dục - đào tạo được chuẩn hóa, hiện đại hóa, một số cấp học tiếp cận với trình độ của nền giáo dục tiên tiến. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, DCH, xã hội hóa để các chỉ tiêu về chất lượng giáo dục và đào tạo của Vùng; quy hoạch mạng lưới trường, lớp; đa dạng hóa các mô hình giáo dục, chương trình giáo dục và phương thức học tập để phù hợp với đối tượng người học nhất là đồng bào dân tộc Chăm, Hoa, Khmer.

Hai là, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người dân có việc làm, sinh kế, vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản. Chuyển sang thiết kế và thực hiện các chế độ hỗ trợ người nghèo thay vì cho không như trước đây, tập trung vào các nhóm “lỗi nghèo” như người dân tộc thiểu số, người không có trình độ tay nghề và dân cư đặc thù. Bảo đảm đầy đủ các chính sách và chăm lo tốt đời sống của người có công; nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, hỗ trợ kịp thời với sự tham gia của cộng đồng. Phần đầu thu nhập bình quân đầu người VDBSCL đạt cao hơn trung bình cả nước, sinh kế của người dân được bảo đảm.

Ba là, nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng ở các tỉnh, thành phố VDBSCL. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe, tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn bộ nhân dân trong vùng; đảm bảo bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tham gia bảo hiểm y tế và thụ hưởng các dịch vụ y tế. Kiện toàn hệ thống tổ chức y tế địa phương theo hướng tinh giản đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế,

tập trung vào huy động nguồn vốn để xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, mở rộng mô hình bác sỹ gia đình, quản lý sức khỏe hộ gia đình.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về công tác dân tộc của Đảng trong tình hình mới, nhất là đối với các tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu. Trong thời gian tới, các cơ quan có chức năng cần phải đổi mới công tác dân vận, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, giữ vững quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 -2025* và coi đây là một trong những giải pháp mang tính đột phá để phát triển kinh tế - xã hội vùng bào dân tộc thiểu số và miền núi ở các tỉnh, thành phố VDBSCL. Theo đó, các cơ quan chức năng cần tạo được sự thống nhất trong nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền địa phương và các đoàn thể về vai trò, vị trí của trưởng ấp, chức sắc, chức việc, sãi cả và những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đối với sự nghiệp đổi mới đất nước; từ đó, động viên họ phát huy hết được mọi khả năng đóng góp của mình vào sự nghiệp cách mạng Đảng, Nhà nước, vào công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm là, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật; đẩy mạnh công tác đối ngoại về tôn giáo và đấu tranh nhân quyền, chủ động tham gia các diễn đàn về tôn giáo quốc tế và khu vực; chủ động thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

Sáu là, phát triển văn hóa VĐBSCL theo hướng toàn diện, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học; phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống trọng điểm là bộ môn thuộc danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại. Nâng cao chất lượng hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp vùng; chú trọng đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa cho các địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở lý luận và thực trạng dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL trong những năm qua, để phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục những yếu kém, hạn chế và giải quyết những vấn đề đặt ra trong CTTT ở VĐBSCL, trong thời gian tới cần phải thực hiện các quan điểm sau: *Một là*, nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa nguyên tắc tính Đảng và dân chủ, giữa phát huy dân chủ và đảm bảo kỷ cương, kỷ luật; *Hai là*, phát huy dân chủ trong CTTT gắn liền và dựa trên cơ sở sự phát triển của dân chủ các lĩnh vực đời sống xã hội; *Ba là*, phát huy dân chủ trong CTTT là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của tất cả các chủ thể tuyên truyền; *Bốn là*, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát huy dân chủ trong CTTT.

Cùng với thực hiện những quan điểm phát huy dân chủ trong CTTT, VĐBSCL cần thực hiện những giải pháp cơ bản, thiết thực, hiệu quả như: *Một là*, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự quản lý của chính quyền các cấp, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến phát huy dân chủ trong CTTT; *Hai là*, nâng cao chất lượng nội dung gắn với đối tượng tuyên truyền, xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, thực hiện minh bạch, công khai thông tin, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng

viên và nhân dân; *Ba là*, đa dạng hoá phương pháp, hình thức tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại, trao đổi, tương tác đa chiều phù hợp với đặc điểm đối tượng; *Bốn là*, hiện đại hoá phương tiện tuyên truyền, cơ sở vật chất - kỹ thuật và sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện tuyên truyền hiện đại có nhiều chức năng, dịch vụ, tiện ích, tương tác, chia sẻ, phù hợp đặc điểm Vùng; *Năm là*, khắc phục triệt để những biểu hiện phi dân chủ, độc đoán, áp đặt, dân chủ hình thức và vô kỷ luật trong CTTT; *Sáu là*, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy dân chủ trong CTTT.

KẾT LUẬN

Công tác tuyên truyền - một trong ba bộ phận của công tác tư tưởng - có tầm quan trọng xuyên suốt hoạt động lãnh đạo của ĐCSVN từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cho đến cách mạng XHCN. Chính vì vậy, trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm, chú trọng và thường xuyên nâng cao chất lượng và hiệu quả CTTT, nhất là trong bối cảnh hiện nay. Một trong những điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng, hiệu quả CTTT đó chính là thực hiện và phát huy dân chủ trong CTTT.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất độc đáo, giàu bản sắc văn hóa, con người sáng tạo và cần cù lao động, có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế xã hội và có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh. Trong những năm qua, việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL đã đạt được những kết quả quan trọng như: cấp uỷ và chính quyền các cấp quan tâm, thể hiện cơ bản dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, quản lý CTTT; việc tổ chức thực hiện CTTT tương đối sát hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của từng địa phương; công tác đánh giá hiệu quả CTTT tương đối khách quan. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, do những điều kiện và nguyên nhân khác nhau, việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL vẫn còn bộc lộ những hạn chế như sau: hoạt động lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ và chính quyền các cấp đối với CTTT có lúc, có nơi vẫn còn tình trạng một chiều, dân chủ hình thức; việc tổ chức thực hiện CTTT chưa đạt hiệu quả cao trong việc phát huy quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân; công tác đánh giá hiệu quả CTTT đôi khi còn qua loa, hình thức.

Dựa trên cơ sở lý luận về dân chủ trong CTTT, luận án đã đánh giá được những thành tựu và hạn chế của việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL. Từ thực trạng đó, luận án xác định một số vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL như: (1) Dân chủ trong CTTT đòi hỏi nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và đội ngũ

cán bộ tuyên truyền trong khi năng lực của một số cấp uỷ, chính quyền và đội ngũ cán bộ tuyên truyền VĐBSCL còn một số mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thực tiễn; (2) Dân chủ trong CTTT đòi hỏi chất lượng nội dung tuyên truyền ngày càng cao trong khi nội dung tuyên truyền ở VĐBSCL còn một số hạn chế, bất cập; (3) Dân chủ trong CTTT đòi hỏi phương pháp, hình thức tuyên truyền phải thường xuyên đổi mới, đa dạng hoá theo hướng tăng cường đối thoại, tương tác trong khi việc sử dụng phương pháp, hình thức tuyên truyền ở VĐBSCL thường một chiều, áp đặt; (4) Dân chủ trong CTTT đòi hỏi phải hiện đại hoá, đồng bộ hoá phương tiện tuyên truyền trong khi cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện tuyên truyền ở VĐBSCL còn lạc hậu, thiếu đồng bộ; (5) Dân chủ trong CTTT đòi hỏi sự tham gia rộng rãi, chủ động, tự giác, sáng tạo của đối tượng tuyên truyền trong khi nhận thức và hành động của người dân VĐBSCL còn nhiều mặt hạn chế, bất cập; (6) Dân chủ trong CTTT đòi hỏi môi trường kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội thuận lợi, phù hợp trong khi thực tiễn xã hội VĐBSCL còn một số bất cập, ảnh hưởng chưa tốt đến quá trình dân chủ trong CTTT.

Để phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, yếu kém và giải quyết những vấn đề đặt ra về dân chủ trong CTTT ở VĐBSCL trong thời gian tới, luận án trình bày quan điểm và đề xuất một số giải pháp cơ bản: *Một là*, đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, sự quản lý của chính quyền các cấp, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến phát huy dân chủ trong CTTT; *Hai là*, nâng cao chất lượng nội dung gắn với đối tượng tuyên truyền, xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, thực hiện minh bạch, công khai thông tin, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân; *Ba là*, đa dạng hoá phương pháp, hình thức tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại, trao đổi, tương tác đa chiều phù hợp với đặc điểm đối tượng; *Bốn là*, hiện đại hoá phương tiện tuyên truyền, cơ sở vật chất - kỹ thuật và sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện tuyên truyền hiện đại

có nhiều chức năng, dịch vụ, tiện ích, tương tác, chia sẻ, phù hợp đặc điểm Vùng; *Năm là*, khắc phục triệt để những biểu hiện phi dân chủ, độc đoán, áp đặt, dân chủ hình thức và vô kỷ luật trong CTTT; *Sáu là*, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy dân chủ trong CTTT.

Những giải pháp trên có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau; do vậy, cần phải thực hiện một cách đồng bộ, không được quá chú trọng hoặc xem nhẹ giải pháp nào. Có như vậy, cán bộ, đảng viên và nhân dân VDBSCL mới phát huy được quyền và trách nhiệm của mình trong CTTT; góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển Vùng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Chương trình tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương - Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ (2011), *Đề cương tuyên truyền trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2011 - 2015*.
3. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2019), *Công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2016*, Cần Thơ.
5. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2016), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2017*, Cần Thơ.
6. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2018*, Cần Thơ.
7. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2018), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019*, Cần Thơ.
8. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2019), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2020*, Cần Thơ.
9. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2020), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2021*, Cần Thơ.
10. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2022*, Cần Thơ.
11. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ (2022), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2023*, Cần Thơ.

12. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2016*, Sóc Trăng.
13. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2016), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2017*, Sóc Trăng.
14. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2018*, Sóc Trăng.
15. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2018), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019*, Sóc Trăng.
16. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2019), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2020*, Sóc Trăng.
17. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2020), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2021*, Sóc Trăng.
18. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2022*, Sóc Trăng.
19. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2022), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2022*, Sóc Trăng.
20. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2016*, Bến Tre.
21. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2016), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2017*, Bến Tre.
22. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2018*, Bến Tre.
23. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2018), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019*, Bến Tre.
24. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2019), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2020*, Bến Tre.
25. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2020), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2021*, Bến Tre.

26. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2022*, Bến Tre.
27. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre (2022), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2023*, Bến Tre.
28. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2016*, Kiên Giang.
29. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2016), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2017*, Kiên Giang.
30. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2018*, Kiên Giang.
31. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2018), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019*, Kiên Giang.
32. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2019), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2020*, Kiên Giang.
33. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2020), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2021*, Kiên Giang.
34. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2022*, Kiên Giang.
35. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Kiên Giang (2022), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2023*, Kiên Giang.

36. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2015), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2016*, An Giang.
37. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2016), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2017*, An Giang.
38. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2018*, An Giang.
39. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2018), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2019*, An Giang.
40. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2019), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2020*, An Giang.
41. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2020), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2021*, An Giang.
42. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2021), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2021*, An Giang.
43. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang (2022), *Báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 2023*, An Giang.
44. Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (Trần Khang và Lê Cự Lộc dịch) (2005), *Công tác tuyên truyền tư tưởng trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Virginia Beramandi, Andrew Elis và các tác giả khác (2014), *Dân chủ trực tiếp- Sổ tay IDEA quốc tế*, (Đào Trí Úc, Nguyễn Công Giao chủ biên bản dịch tiếng Việt), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
46. Hoàng Chí Bảo (2010), *Dân chủ và dân chủ ở cơ sở nông thôn trong tiến trình đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Bộ Chính trị (1998), *Quy chế dân chủ ở cơ sở*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-1998-ND-CP-Quy-che-thuc-hien-dan-chu-o-xa-41627.aspx>.

48. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội.
49. Bun Đuông Cay Xỏn (2008), *Chất lượng công tác tư tưởng của các Đảng bộ tỉnh đồng bằng miền Trung nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
50. Nguyễn Trọng Chuẩn (2006), “Toàn cầu hoá hiện nay và quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội”, *Tạp chí Triết học*, (1), Hà Nội.
51. Phạm Hồng Chương - Doãn Thị Chín (2016), *Tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Bùi Hải Dương (2017), *Xây dựng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị của các trường chính trị tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Chính trị học, Học viện BCTT, Hà Nội.
53. Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), *Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về dân chủ trực tiếp, dân chủ cơ sở trên thế giới và ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (1985), *Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng*, Nxb Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
58. Đảng bộ Thành phố Cần Thơ (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Cần Thơ lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Cần Thơ.

59. Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Sóc Trăng.
60. Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Bến Tre.
61. Đảng bộ tỉnh An Giang (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025*, An Giang.
62. Đảng bộ tỉnh Kiên Giang (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Kiên Giang.
63. Trần Thị Anh Đào (2009), *Công tác tư tưởng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước: Sách chuyên khảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Trần Thị Anh Đào (2014), *Công tác tư tưởng và vấn đề đào tạo cán bộ làm công tác tư tưởng: Sách chuyên khảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
65. Trần Thị Anh Đào, Phan Sỹ Thanh (đồng chủ biên) (2020), *Chất lượng lãnh đạo công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
66. Trần Văn Đông - Dương Phú Hiệp (2014), “Thực hành dân chủ trong công tác lý luận và tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Triết học*, (273), Hà Nội.
67. Phạm Văn Đức (2017), *Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Bùi Thế Đức (2020), “Chủ động, kịp thời thông tin tuyên truyền để tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (8), Hà Nội.
69. Lê Văn Giang (2011), *Nâng cao chất lượng thực hiện dân chủ trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

70. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), *Đổi mới công tác tuyên truyền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
71. Lương Khắc Hiếu (1998), “Đối thoại và văn hoá đối thoại”, *Tạp chí Tư tưởng - Văn hoá*, (11), Hà Nội.
72. Lương Khắc Hiếu (2007), “Đối thoại trong tuyên truyền miệng”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (3), Hà Nội.
73. Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
74. Lương Khắc Hiếu (2008), *Nguyên lý công tác tư tưởng*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
75. Lương Khắc Hiếu (2017), *Cơ sở lý luận công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam: Sách chuyên khảo*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
76. Lương Khắc Hiếu (2021), *Tuyên truyền miệng: Lý luận - Tổ chức - Phương pháp*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
77. Nguyễn Đình Hoà (2020), *Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay: Thực trạng và giải pháp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
78. Nguyễn Thị Thu Hoài (2006), “Thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng”, *Tạp chí Tư tưởng - Văn hoá*, (1), Hà Nội.
79. Nguyễn Thanh Hoàng (2020), “Đổi mới công tác tuyên truyền đáp ứng yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”, *Tạp chí Lao động và Công đoàn*, số 668, Hà Nội.
80. Đỗ Minh Hùng (2020), “Nhận thức đúng đắn và nâng cao tính thiết thực, hiệu quả công tác tuyên truyền trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (938), Hà Nội.

81. Trần Văn Khánh, Đinh Phương Duy, Vũ Tình, Phạm Phương Thảo, Tần Xuân Bảo (2014), *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu tọa đàm, Hồ Chí Minh.
82. Khăm Phon Bun Na Di (2014), *Vấn đề xây dựng chế độ dân chủ Nhân dân Lào hiện nay*, Luận án Tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
83. Khoa Tuyên truyền - Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2006), *Nguyên lý Tuyên truyền* (Tập bài giảng), Hà Nội.
84. Phạm Huy Kỳ (2017), *Đổi mới công tác tư tưởng, lý luận ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài cấp cơ sở trọng điểm, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
85. Nguyễn Lâm (1989), *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
86. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Tiến bộ, Mátcova.
87. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 38, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Phạm Tuyết Lệ (2018), *Chất lượng hoạt động của báo cáo viên vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
89. Trần Thị Thuý Linh - Hà Thị Ánh Tuyết (2021), “Công tác tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các tạp chí lý luận chính trị”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 5 (178), Đà Nẵng.
90. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG, Hà Nội.
91. C.Mác và Ph. Ăngghen (1996), *Toàn tập*, tập 29, Nxb CTQG, Hà Nội.
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Trần Quang Nhiếp (2006), *Dân chủ với phát triển cộng đồng*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
102. Bùi Đình Phong (2022), “Học và làm theo lời Bác dạy về công tác tuyên truyền”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 8, Hà Nội.
103. B.N.Promarep (1962), *Từ điển chính trị*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
104. Lê Minh Quân (2011), *Về quá trình dân chủ hoá xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>.
106. Quốc Hội (2022), *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Thuc-hien-dan-chu-o-co-so-nam-2022-546085.aspx>.
107. Hồ Sỹ Quý (2014), *Một số vấn đề về dân chủ, độc tài và phát triển*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
108. Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Cần Thơ (2020), *Kế hoạch Phát triển thông tin và truyền thông thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2025*, Cần Thơ.
109. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng (2020), *Kế hoạch Phát triển thông tin và truyền thông thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025*, Sóc Trăng.
110. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bến Tre (2020), *Kế hoạch Phát triển thông tin và truyền thông TP Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025*, Bến Tre.

111. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang (2020), *Kế hoạch Phát triển thông tin và truyền thông thành phố Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025*, Kiên Giang.
112. Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang (2020), *Kế hoạch Phát triển thông tin và truyền thông thành phố An Giang giai đoạn 2021 - 2025*, An Giang.
113. Đỗ Khánh Tăng (2020), “Một số bài học công tác tư tưởng trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Ban Tuyên giáo Trung ương*, www.tuyengiao.vn.
114. Trần Thành (2016), *Vấn đề dân chủ và dân chủ hoá đời sống xã hội: Lịch sử và hiện đại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
115. Huy Thắng (2022), *Báo cáo Kinh tế DBSCL 2022: Điểm sáng lớn nhất là nông nghiệp*, <https://vtv.vn/kinh-te/bao-cau-kinh-te-dsbcl-2022-diem-sang-lon-nhat-la-nong-nghiep-20220801110838936.htm>.
116. Đỗ Thị Kim Thoa (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và ý nghĩa hiện thời của nó*, Luận án Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
117. Nguyễn Thị Bích Thuỷ (2019), *Tư tưởng Hồ Minh về thực hành dân chủ trong Đảng Cộng sản Việt Nam và định hướng xây dựng Đảng hiện nay*, Luận án Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
118. Đặng Trí Thủ (2012), *Công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Tây Nam bộ trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
119. Tỉnh uỷ An Giang (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, An Giang.

120. Tỉnh uỷ An Giang (2022), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới*, An Giang.
121. Tỉnh uỷ An Giang (2021), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, An Giang.
122. Tỉnh uỷ An Giang (2022), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, An Giang.
123. Tỉnh uỷ Kiên Giang (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Kiên Giang.
124. Tỉnh uỷ Kiên Giang (2022), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới*, Kiên Giang.
125. Tỉnh uỷ Kiên Giang (2021), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Kiên Giang.
126. Tỉnh uỷ Kiên Giang (2022), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Kiên Giang.
127. Tỉnh uỷ Bến Tre (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Bến Tre.

128. Tỉnh uỷ Bến Tre (2022), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới*, Bến Tre.
129. Tỉnh uỷ Bến Tre (2021), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Bến Tre.
130. Tỉnh uỷ Bến Tre (2022), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Bến Tre.
131. Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Sóc Trăng.
132. Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2022), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới*, Sóc Trăng.
133. Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2021), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Sóc Trăng.
134. Tỉnh uỷ Sóc Trăng (2022), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Sóc Trăng.
135. Thành uỷ Cần Thơ (2022), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư (khoá X) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*, Cần Thơ.
136. Thành uỷ Cần Thơ (2022), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 05/9/2016 của Ban Bí thư khoá XII về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới*, Cần Thơ.

137. Thành uỷ Cần Thơ (2021), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Cần Thơ.
138. Thành uỷ Cần Thơ (2022), *Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Cần Thơ.
139. Thomas Meyer và Nicole Breyer (2007), *Tương lai của nền dân chủ xã hội*, do (Trần Danh Tạo và Ngô Lan Anh dịch) Nxb LLCT, Hà Nội.
140. Lưu Trần Toàn (2019), *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
141. Lê Mai Trang (2016), *Đổi mới công tác tuyên truyền của Đảng đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
142. Trần Bình Trọng (2016), “Tăng cường công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Trang thông tin điện tử Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh*, Trà Vinh.
143. Nguyễn Phú Trọng (2018), “Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm việc với Ban Tuyên giáo Trung ương”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, <https://dangcongsan.vn/huong-toi-ky-niem-90-nam-ngay-truyen-thong-nganh-tuyen-giao/thong-tin-tu-lieu.html>.
144. Trần Việt Trường, Nguyễn Ngọc Quy (chủ biên) (2021), *Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
145. Nguyễn Anh Tuấn (2018), *Nhận thức mới về dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

146. Trần Thị Minh Tuyết (2018), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tuyên truyền đến việc nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền của Đảng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (3), Hà Nội.
147. Nguyễn Văn Út (2016), *Chất lượng công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Chính trị học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
148. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2007), *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Phap-lenh-thuc-hien-dan-chu-o-xa-phuong-thi-tran-2007-34-2007-PL-UBTVQH11-19071.aspx>.
149. Vũ Văn Viên (2017), *Dân chủ hoá kinh tế ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
150. Lương Ngọc Vĩnh (2020), “Những cơ hội và thách thức của mạng xã hội đối với chủ thể và đối tượng công tác tuyên truyền của Đảng”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, (3), Hà Nội.
151. Lương Ngọc Vĩnh (chủ biên) (2021), *Công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
152. Ngô Đình Xây (2018), *Dân chủ và đổi mới hệ thống chính trị*, Đề tài cấp cơ sở, Học viện báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
153. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2013), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

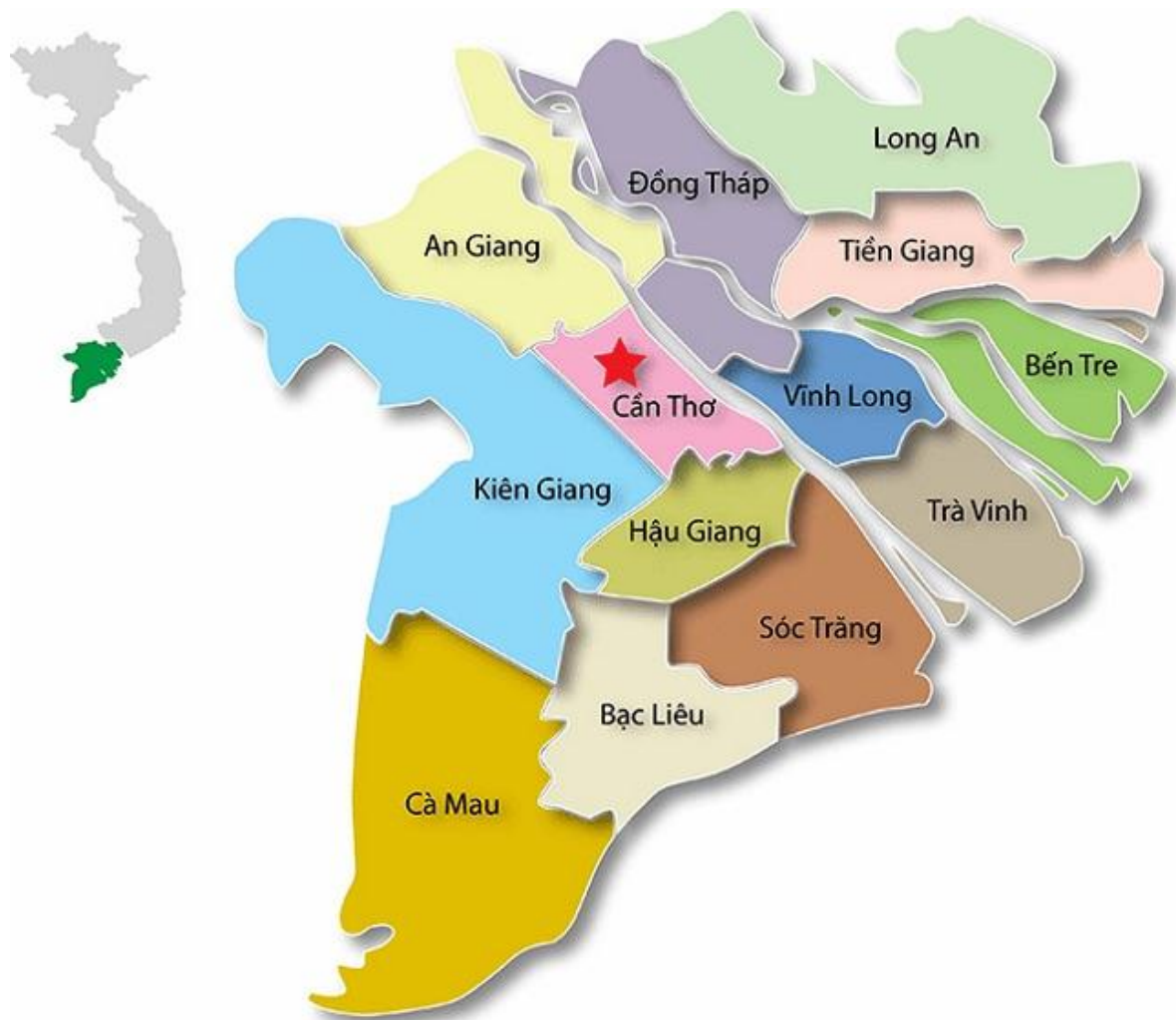
Tiếng Anh:

154. Harold Hongju Koh (2000), *The right to Democracy, Towards a community of democracy, Issue of Democracy*, May, p. 9.

155. Ineji, P. U., Bassey - Duke, V., & Brown, N. J. (2014), "Application of Political Propaganda by Government in the Resolution of ASUU/FGN Industrial Conflict of 2013", *Advances in Journalism and Communication*, Vol. 2.
156. Joseph Schumpeter (2008), *Capitalism, Socialism, and Democracy*, Princeton University Press.
157. Paul Cartledge (2018), *Democracy - a life*, Oxford University Press.
158. Richard C Vincent (2007), "Global Communication and Propaganda", *Global Communication*, Belmont: Thomson Wadsworth.
159. Robert Alan Dahl (2000), *Democracy and its critics*, Yale University Press.
160. Sorensen Georg (2007), *Democracy and democractization processes and prospects in changing world*, Westview press.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Ngọc Triết, Đồng Thị Kim Xuyên (2019), “Kinh nghiệm công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay” (Đồng tác giả), *Công tác tuyên truyền trong đồng bào Khmer ở Cần Thơ hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Đồng Thị Kim Xuyên (2021), “Thực hành dân chủ trong chính trị ở tỉnh Kiên Giang hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Kỷ yếu Hội thảo vận dụng sáng tạo tầm nhìn Hồ Chí Minh vào phát triển bền vững tỉnh Kiên Giang hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
3. Đồng Thị Kim Xuyên (chủ nhiệm, 2021), “Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở thành phố Cần Thơ hiện nay trong lĩnh vực tuyên giáo”, Đề tài cấp cơ sở, Trường Đại học Cần Thơ.
4. Đồng Thị Kim Xuyên (2021), “Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu đổi mới đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, Hà Nội.
5. Đồng Thị Kim Xuyên (2022), “Phát huy dân chủ trong Đảng theo tinh thần Đại hội lần thứ XIII”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, Hà Nội.
6. Đồng Thị Kim Xuyên (2022), “Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 8, số 2b, Hà Nội.
7. Đồng Thị Kim Xuyên (2023), “Giải pháp đổi mới công tác tuyên truyền ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, Chuyên đề số 1-2023, Hà Nội.

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1****BẢN ĐỒ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT

MSP:.....

Ngày p/v:

Địa điểm p/v:.....

Kính chào Ông/Bà!

Để có những thông tin trung thực, khách quan phục vụ cho việc nghiên cứu về **“Dân chủ trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”**, chúng tôi kính nhờ Ông/Bà dành chút thời gian trả lời những câu hỏi bên dưới. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Ông/Bà và cam đoan chỉ sử dụng thông tin do Ông/Bà cung cấp cho mục đích nghiên cứu khoa học.

(Ông/Bà vui lòng cung cấp thông tin đối với những câu hỏi mở hoặc chọn phương án được thiết kế sẵn đối với những câu hỏi đóng bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng).

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên (có thể ghi hoặc không):	2. Giới tính: 1 ☐ Nam 2 ☐ Nữ
3. Tuổi: 1 ☐ Dưới 30 2 ☐ Từ 30 - 39 3 ☐ Từ 40 - 49 4 ☐ Từ 50 - 59 5 ☐ ≥ 60	4. Dân tộc: 1 ☐ Kinh 2 ☐ Khmer 3 ☐ Hoa 4 ☐ Khác (cụ thể):
5. Nghề nghiệp: 1 ☐ Cán bộ, đảng viên lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang. <i>Thâm niên công tác:</i> 1.1 ☐ Dưới 5 năm 1.4 ☐ 16 - 20 năm 1.2 ☐ 5 - 10 năm 1.5 ☐ Trên 20 năm 1.3 ☐ 11 - 15 năm 2 ☐ Cán bộ, đảng viên không giữ cương vị lãnh đạo, quản lý trong Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang. <i>Thâm niên công tác:</i> 2.1 ☐ Dưới 5 năm 2.4 ☐ 16 - 20 năm 2.2 ☐ 5 - 10 năm 2.5 ☐ Trên 20 năm 2.3 ☐ 11 - 15 năm 3 ☐ Công nhân 4 ☐ Nông dân	
5 ☐ Cán bộ hưu trí 7 ☐ Khác (cụ thể).....	6 ☐ Doanh nhân/Người buôn bán nhỏ

6. Nơi công tác:.....	
7. Trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ: 1 ☐ Tiểu học 5 ☐ Đại học 2 ☐ Trung học 6 ☐ Sau đại học 3 ☐ Trung cấp 7 ☐ Khác (cụ thể):..... 4 ☐ Cao đẳng 	8. Trình độ lý luận chính trị: 1 ☐ Sơ cấp 2 ☐ Trung cấp (tương đương) 3 ☐ Cao cấp (tương đương) 4 ☐ Khác (cụ thể).....

II. NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Xin Ông/Bà vui lòng cho biết mức độ cần thiết của việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương?

- 1 ☐ Hoàn toàn không cần thiết 3 ☐ Bình thường 5 ☐ Rất cần thiết
 2 ☐ Không cần thiết 4 ☐ Cần thiết 6 ☐ Không ý kiến

2. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện dân chủ trong việc xác định mục tiêu, định hướng và kế hoạch tuyên truyền của cấp uỷ các cấp?

- 1 ☐ Rất kém 3 ☐ Trung bình 5 ☐ Rất tốt
 2 ☐ Kém 4 ☐ Tốt 6 ☐ Không ý kiến

3. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp ở địa phương?

- 1 ☐ Rất kém 3 ☐ Trung bình 5 ☐ Rất tốt
 2 ☐ Kém 4 ☐ Tốt 6 ☐ Không ý kiến

4. Theo Ông/Bà, các văn bản lãnh đạo của cấp uỷ các cấp về công tác tuyên truyền được nghiên cứu, soạn thảo và ban hành có đúng với quy trình dân chủ chưa?

- 1 ☐ Chưa 2 ☐ Chỉ một phần 3 ☐ Có

5. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương?

1 ☐ Hoàn toàn chưa kịp thời, nhanh chóng	3 ☐ Bình thường	5 ☐ Rất kịp thời, nhanh chóng
2 ☐ Chưa kịp thời, nhanh chóng	4 ☐ Về cơ bản kịp thời, nhanh chóng	6 ☐ Khó trả lời

6. Theo Ông/Bà, hệ thống truyền thanh, truyền hình ở địa phương có nhiều chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc không?

- 1 ☐ Rất ít 3 ☐ Trung bình 5 ☐ Rất nhiều
 2 ☐ Ít 4 ☐ Nhiều 6 ☐ Không ý kiến

7. Theo Ông/Bà, các cơ quan báo chí ở địa phương đã thể hiện được vai trò xung kích của mình đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền chưa?

1 ☐ Hoàn toàn không chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan	4 ☐ Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan
2 ☐ Chưa chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan	5 ☐ Hoàn toàn chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan
3 ☐ Bình thường	6 ☐ Không ý kiến

8. Theo Ông/Bà, các cơ quan văn hoá - văn nghệ ở địa phương đã thể hiện được vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa?

1 ☐ Hoàn toàn không cung cấp thông tin và không phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	4 ☐ Cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân
2 ☐ Rất ít cung cấp thông tin và chưa phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	5 ☐ Hoàn toàn cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân
3 ☐ Bình thường	6 ☐ Không ý kiến

9. Ông/Bà vui lòng cho biết, khi xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền, cấp uỷ các cấp ở địa phương có thường xuyên sử dụng những nội dung sau làm căn cứ không?

<i>Căn cứ xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền</i>	<i>Không sử dụng</i>	<i>Rất ít sử dụng</i>	<i>Ít khi hay thỉnh thoảng sử dụng</i>	<i>Về cơ bản có sử dụng</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Khó trả lời</i>
Tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐	6 ☐
Nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐	5 ☐	6 ☐

Người dân được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của công tác tuyên truyền	1□	2□	3□	4□	5□	6□
Xây dựng chủ trương, quan điểm, qui định tạo cơ sở về chính trị nhằm tôn trọng, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trong công tác tuyên truyền	1□	2□	3□	4□	5□	6□

10. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức độ dân chủ trong chỉ đạo việc phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong quá trình tổ chức các hoạt động tuyên truyền ở địa phương?

- 1□ Rất kém 3□ Trung bình 5□ Rất tốt
2□ Kém 4□ Tốt 6□ Không ý kiến

11. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc thực hiện dân chủ trong đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền ở địa phương?

- 1□ Rất kém 3□ Trung bình 5□ Rất tốt
2□ Kém 4□ Tốt 6□ Không ý kiến

12. Ông/Bà đánh giá như thế nào về cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở địa phương?

1□ Hoàn toàn không công khai, minh bạch	4□ Về cơ bản là công khai, minh bạch
2□ Có việc công khai, minh bạch; có việc thì không	5□ Hoàn toàn công khai, minh bạch
3□ Bình thường	6□ Không ý kiến

13. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc thực hiện dân chủ trong quản lý hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong công tác tuyên truyền ở địa phương?

- 1□ Rất kém 3□ Trung bình 5□ Rất tốt
2□ Kém 4□ Tốt 6□ Không ý kiến

14. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ quan có chức năng tuyên truyền?

1□ Hoàn toàn không công khai, minh bạch	4□ Về cơ bản là công khai, minh bạch
2□ Có việc công khai, minh bạch; có việc thì không	5□ Hoàn toàn công khai, minh bạch
3□ Bình thường	6□ Không ý kiến

15. Ông/Bà vui lòng cho biết, trong hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền, các nội dung sau đây được tiến hành ở mức độ nào?

<i>Nội dung quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền</i>	<i>Không tốt</i>	<i>Chưa tốt lắm</i>	<i>Có lúc tốt, có lúc chưa tốt</i>	<i>Về cơ bản là tốt</i>	<i>Rất tốt</i>	<i>Khó trả lời</i>
Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác tuyên truyền thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong công tác tuyên truyền	1□	2□	3□	4□	5□	6□
Tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền	1□	2□	3□	4□	5□	6□
Tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong công tác tuyên truyền có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân	1□	2□	3□	4□	5□	6□
Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc	1□	2□	3□	4□	5□	6□

16. Theo Ông/Bà, cấp uỷ và chính quyền địa phương các cấp có thường xuyên tạo ra môi trường thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương không?

- 1□ Rất không thường xuyên 3□ Đôi khi 5□ Rất thường xuyên
2□ Không thường xuyên 4□ Thường xuyên 6□ Không ý kiến

17. Ông/Bà mong muốn được tiếp nhận thông tin qua phương pháp tuyên truyền nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- 1□ Đối thoại 3□ Nêu vấn đề 5□ Thuyết trình 7□ Trực quan
2□ Đàm thoại 4□ Hỏi đáp 6□ Giảng giải 8□ Nêu gương
9□ Khác (ghi rõ):.....

18. Ông/Bà mong muốn được tiếp nhận thông tin qua hình thức tuyên truyền nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1 ☐ Tư vấn	5 ☐ Sinh hoạt qua Câu Lạc bộ	8 ☐ Tham quan	12 ☐ Sử dụng panô, khẩu hiệu, áp phích, tranh cổ động, băng rôn,...
2 ☐ Lớp học		9 ☐ Xem phim	
3 ☐ Hội nghị, hội thảo, tọa đàm	6 ☐ Hoạt động văn hoá, văn nghệ	10 ☐ Đọc báo, nghe đài, xem tivi	
4 ☐ Thi, tìm hiểu	7 ☐ Mít tinh, diễu hành, lễ hội	11 ☐ Sử dụng mạng xã hội	
13 ☐ Khác (ghi rõ):			

19. Theo Ông/Bà, việc sử dụng phương thức và phương tiện trong công tác tuyên truyền phụ thuộc chủ yếu vào những yếu tố nào sau đây?

<i>Nội dung</i>	<i>Không phụ thuộc</i>	<i>Bình thường</i>	<i>Phụ thuộc</i>	<i>Không ý kiến</i>
Đặc điểm đối tượng tuyên truyền	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐
Nội dung công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐
Cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐
Địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐
Khác (ghi rõ):	1 ☐	2 ☐	3 ☐	4 ☐

20. Theo Ông/Bà, cán bộ thường tìm hiểu những yếu tố nào sau đây khi thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền?

<i>Nội dung</i>	<i>Không tìm hiểu</i>	<i>Tìm hiểu</i>
Đặc điểm đối tượng tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Nội dung công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Khác (ghi rõ):	1 ☐	2 ☐

21. Theo Ông/Bà, khi thực hiện các nhiệm vụ công tác tuyên truyền, cán bộ tuyên truyền thường xuyên nghiên cứu những đặc điểm nào sau đây của đối tượng tuyên truyền? (Có thể chọn nhiều phương án)

1 ☐ Độ tuổi	4 ☐ Trình độ chính trị	6 ☐ Quan điểm, thái độ của đối tượng tuyên truyền với nội dung tuyên truyền
2 ☐ Giới tính		
3 ☐ Trình độ học vấn	5 ☐ Dân tộc, tôn giáo	7 ☐ Khác (ghi rõ):.....

22. Trong quá trình tuyên truyền, cán bộ tuyên truyền có thường xuyên đối thoại với người được tuyên truyền không?

- 1 ☐ Rất không thường xuyên 3 ☐ Đôi khi 5 ☐ Rất thường xuyên
2 ☐ Không thường xuyên 4 ☐ Thường xuyên 6 ☐ Không ý kiến

23. Ông/Bà vui lòng cho biết người được tuyên truyền có phát biểu ý kiến, phản hồi trong công tác tuyên truyền không?

- 1 ☐ Rất không thường xuyên 3 ☐ Đôi khi 5 ☐ Rất thường xuyên
2 ☐ Không thường xuyên 4 ☐ Thường xuyên 6 ☐ Không ý kiến

24. Ông/Bà vui lòng cho biết người được tuyên truyền thường xuyên phản hồi, nêu ý kiến về vấn đề gì sau đây trong quá trình được tuyên truyền?

<i>Nội dung</i>	<i>Không thường xuyên</i>	<i>Thường xuyên</i>
Nội dung tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Phương pháp tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Hình thức tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Phương tiện tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Chất lượng và năng lực cán bộ tuyên truyền	1 ☐	2 ☐
Khác (ghi rõ):.....	1 ☐	2 ☐

25. Theo Ông Bà, cần phải làm gì để thu hút người dân tham gia vào công tác tuyên truyền? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1 ☐ Xây dựng đề cương tuyên truyền phù hợp, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích của người dân	3 ☐ Đa dạng hoá hình thức tuyên truyền
2 ☐ Đa dạng hoá phương pháp tuyên truyền	4 ☐ Lựa chọn phương tiện tuyên truyền phù hợp, đối tượng dễ tiếp cận
5 ☐ Khác (ghi rõ):.....	

26. Ông/Bà vui lòng cho biết, nội dung tuyên truyền hiện nay đã đáp ứng được nhu cầu thông tin của ông bà chưa?

- 1 ☐ Hoàn toàn không đáp ứng 3 ☐ Đáp ứng một phần 5 ☐ Hoàn toàn đáp ứng
 2 ☐ Không đáp ứng 4 ☐ Đáp ứng tốt về cơ bản 6 ☐ Không ý kiến

27. Ông/Bà vui lòng đánh giá mức độ sát hợp với yêu cầu thực tiễn của nội dung tuyên truyền?

1 ☐ Hoàn toàn không sát hợp với thực tiễn	3 ☐ Bình thường	5 ☐ Sát hợp tốt với thực tiễn
2 ☐ Không sát hợp với thực tiễn	4 ☐ Sát hợp cơ bản với thực tiễn	6 ☐ Không ý kiến

28. Ông/Bà vui lòng cho biết phương tiện tuyên truyền ở địa phương có đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn địa phương chưa?

- 1 ☐ Hoàn toàn không đáp ứng 3 ☐ Đáp ứng một phần 5 ☐ Hoàn toàn đáp ứng
 2 ☐ Không đáp ứng 4 ☐ Đáp ứng tốt về cơ bản 6 ☐ Không ý kiến

29. Theo Ông/Bà, cơ chế, chính sách được ban hành trong công tác tuyên truyền ở địa phương đã thể hiện được tính dân chủ chưa?

- 1 ☐ Không thể hiện tính dân chủ 4 ☐ Thể hiện tốt tính dân chủ
 2 ☐ Chưa thể hiện tính dân chủ 5 ☐ Hoàn toàn thể hiện tính dân chủ
 3 ☐ Chỉ thể hiện một phần 6 ☐ Không ý kiến

30. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương hiện nay?

- 1 ☐ Rất kém 3 ☐ Trung bình 5 ☐ Rất tốt
 2 ☐ Kém 4 ☐ Tốt 6 ☐ Không ý kiến

31. Theo Ông/Bà, mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền hiện nay so với trước đây như thế nào?

- 1 ☐ Kém đi nhiều 4 ☐ Về cơ bản, dân chủ tăng lên
 2 ☐ Kém đi nhưng không nhiều 5 ☐ Dân chủ tăng lên và mở rộng hơn nhiều
 3 ☐ Như trước đây 6 ☐ Không ý kiến

32. Theo Ông/Bà, để phát huy hơn nữa dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương, cần thực hiện nhưng giải pháp nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án)

1 ☐ Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến công tác tuyên truyền
2 ☐ Xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, thực hiện minh bạch, công khai thông tin, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân
3 ☐ Đa dạng hoá phương pháp, hình thức tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại,

trao đổi, tương tác đa chiều phù hợp với đặc điểm đối tượng
4 ☐ Hiện đại hoá các phương tiện tuyên truyền, sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện tuyên truyền hiện đại có nhiều chức năng, dịch vụ, tiện ích, tương tác, chia sẻ
5 ☐ Khắc phục triệt để những biểu hiện phi dân chủ, độc tài, áp đặt, dân chủ hình thức và vô kỷ luật trong công tác tuyên truyền
6 ☐ Nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội
7 ☐ Khác (ghi rõ):.....

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà!

PHỤ LỤC 3

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

PHẦN 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Câu 1. Đối tượng

Đối tượng	Số người trả lời	Phần trăm
Người dân	400	80
Ban tuyên giáo	100	20
Tổng	500	100

Câu 2. Đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính	Số người trả lời	Phần trăm
An Giang	100	20
Bến Tre	100	20
Cần Thơ	100	20
Kiên Giang	100	20
Sóc Trăng	100	20
Tổng	500	100

PHẦN 2. THÔNG TIN CHUNG

Câu 3. Giới tính

Giới tính	Số người trả lời	Phần trăm
Nam	244	48,8
Nữ	256	51,2
Tổng	500	100

Câu 4. Tuổi

Độ tuổi	Số người trả lời	Phần trăm
Dưới 30	117	23,4
30-39	182	36,4
40-49	130	26
>= 50	71	14,2
Tổng	500	100

Câu 5. Dân tộc

Dân tộc	Số người trả lời	Phần trăm
Kinh	350	70
Khmer	100	20
Hoa	25	5

Chăm	25	5
Tổng	500	100

Câu 6. Nghề nghiệp

Nghề nghiệp	Số người trả lời	Phần trăm
CB, ĐV lãnh đạo, quản lí	91	18,2
CB, ĐV không giữ cương vị lãnh đạo, quản lí	156	31,2
Công nhân	44	8,8
Nông dân	69	13,8
Cán bộ hưu trí	6	1,2
Doanh nhân/người mua bán nhỏ	52	10,4
Khác*	82	16,4
Tổng	500	100

*: Nghề nghiệp khác: ban dân phố, cán bộ, cán bộ đoàn, chuyên viên pháp lý, công an viên xã, công chức, công dân, dược sĩ, giảng viên, giáo viên, kế toán, làm công, làm thuê, lao động tự do, nhân viên, nội trợ, sinh viên

6.1. Thâm niên công tác của cán bộ, đảng viên lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang

Thâm niên	Số người trả lời	Phần trăm
Dưới 5 năm	4	0,8
5-10 năm	13	2,6
11-15 năm	15	3
16-20 năm	15	3
Trên 20 năm	28	5,6
Không cung cấp thông tin	425	85
Tổng	500	100

6.2. Thâm niên công tác của cán bộ, đảng viên không giữ cương vị lãnh đạo, quản lý trong Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang

Thâm niên	Số người trả lời	Phần trăm
Dưới 5 năm	19	3,8
5-10 năm	49	9,8
11-15 năm	59	11,8
16-20 năm	22	4,4
Trên 20 năm	15	3
Không cung cấp thông tin	336	67,2
Tổng	500	100

Câu 7. Trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ

Trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ	Số người trả lời	Phần trăm
Tiểu học	53	10,6
Trung học	113	22,6
Trung cấp	32	6,4
Cao đẳng	29	5,8
Đại học	185	37
Sau đại học	88	17,6
Tổng	500	100

Câu 8. Trình độ lý luận chính trị

Trình độ lý luận chính trị	Số người trả lời	Phần trăm
Sơ cấp	113	22,6
Trung cấp (tương đương)	98	19,6
Cao cấp (tương đương)	73	14,6
Khác	35	7
Không cung cấp thông tin	181	36,2
Tổng	500	100

PHẦN 3. NỘI DUNG CHÍNH**Câu 1. Mức độ cần thiết của việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương**

Mức độ cần thiết	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không cần thiết	6	1,2
Không cần thiết	3	0,6
Bình thường	28	5,6
Cần thiết	188	37,6
Rất cần thiết	270	54
Không ý kiến	5	1,0
Tổng	500	100

Câu 2. Mức độ thực hiện dân chủ trong việc xác định mục tiêu, định hướng và kế hoạch tuyên truyền của đảng uỷ các cấp

Mức độ thực hiện dân chủ	Số người trả lời	Phần trăm
Rất kém	5	1,0
Kém	8	1,6
Trung bình	91	18,2
Tốt	267	53,4
Rất tốt	116	23,2

Không ý kiến	13	2,6
Tổng	500	100

Câu 3. Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của đảng uỷ các cấp ở địa phương

Mức độ thực hiện dân chủ	Số người trả lời	Phần trăm
Rất kém	1	0,2
Kém	5	1
Trung bình	101	20,2
Tốt	255	51
Rất tốt	108	21,6
Không ý kiến	26	5,2
Không cung cấp thông tin	4	0,8
Tổng	500	100

Câu 4. Các văn bản lãnh đạo của đảng uỷ các cấp về công tác tuyên truyền được nghiên cứu, soạn thảo và ban hành có đúng với quy trình dân chủ

Sự thể hiện tính dân chủ	Số người trả lời	Phần trăm
Chưa	24	4,8
Chỉ một phần	136	27,2
Có	340	68
Tổng	500	100

Câu 5. Về mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền

Mức độ đáp ứng yêu cầu	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn chưa kịp thời, nhanh chóng	12	2,4
Chưa kịp thời, nhanh chóng	20	4
Bình thường	118	23,6
Về cơ bản kịp thời, nhanh chóng	219	43,8
Rất kịp thời, nhanh chóng	124	24,8
Khó trả lời	7	1,4
Tổng	500	100

Câu 6. Hệ thống truyền thanh, truyền hình ở địa phương có nhiều chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc

Chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc	Số người trả lời	Phần trăm
Rất ít	54	10,8
Ít	112	22,4
Trung bình	151	30,2

Chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc	Số người trả lời	Phần trăm
Nhiều	108	21,6
Rất nhiều	49	9,8
Không ý kiến	23	4,6
Không cung cấp thông tin	3	0,6
Tổng	500	100

Câu 7. Các cơ quan báo chí ở địa phương đã thể hiện được vai trò xung kích của mình đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền

Vai trò xung kích đối với việc thực hiện dân chủ	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan	9	1,8
Chưa chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan	44	8,8
Bình thường	108	21,6
Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan	249	49,8
Hoàn toàn chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan	71	14,2
Không ý kiến	19	3,8
Tổng	500	100

Câu 8. Các cơ quan văn hoá – văn nghệ ở địa phương đã thể hiện được vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân

Vai trò là kênh thông tin và phản ánh	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không cung cấp thông tin và không phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	7	1,4
Rất ít cung cấp thông tin và chưa phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	83	16,6
Bình thường	98	19,6
Cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	242	48,4

Hoàn toàn cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	51	10,2
Không ý kiến	19	3,8
Tổng	500	100

Câu 9. Khi xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền, các cấp uỷ ở địa phương có thường xuyên sử dụng những nội dung sau làm căn cứ

9.1 Tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân

Tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng...	Số người trả lời	Phần trăm
Không sử dụng	6	1,2
Rất ít sử dụng	45	9
Ít khi hay thỉnh thoảng sử dụng	51	10,2
Về cơ bản có sử dụng	196	39,2
Thường xuyên	196	39,2
Khó trả lời	4	0,8
Không cung cấp thông tin	2	0,4
Tổng	500	100

9.2. Nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền

Nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia	Số người trả lời	Phần trăm
Không sử dụng	13	2,6
Rất ít sử dụng	47	9,4
Ít khi hay thỉnh thoảng sử dụng	77	15,4
Về cơ bản có sử dụng	175	35
Thường xuyên	173	34,6
Khó trả lời	8	1,6
Không cung cấp thông tin	7	1,4
Tổng	500	100

9.3. Người dân được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của công tác tuyên truyền

Người dân được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát	Số người trả lời	Phần trăm
Không sử dụng	38	7,6
Rất ít sử dụng	43	8,6
Ít khi hay thỉnh thoảng sử dụng	96	19,2
Về cơ bản có sử dụng	152	30,4
Thường xuyên	153	30,6

Khó trả lời	11	2,2
Không cung cấp thông tin	7	1,2
Tổng	500	100

9.4. Xây dựng chủ trương, quan điểm, qui định tạo cơ sở về chính trị nhằm tôn trọng, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trong công tác tuyên truyền

Xây dựng chủ trương, quan điểm, qui định	Số người trả lời	Phần trăm
Không sử dụng	14	2,8
Rất ít sử dụng	29	5,8
Ít khi hay thỉnh thoảng sử dụng	59	11,8
Về cơ bản có sử dụng	186	37,2
Thường xuyên	198	39,6
Khó trả lời	9	1,8
Không cung cấp thông tin	5	1
Tổng	500	100

Câu 10. Việc thực hiện dân chủ trong phối hợp giữa các ban, ngành trong công tác tuyên truyền ở địa phương

Việc thực hiện dân chủ trong phối hợp giữa các ban, ngành	Số người trả lời	Phần trăm
Rất kém	1	0,2
Kém	7	1,4
Trung bình	132	26,4
Tốt	235	47,4
Rất tốt	101	20,2
Không ý kiến	20	4
Không cung cấp thông tin	4	0,8
Tổng	500	100

Câu 11. Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác tuyên truyền ở địa phương

Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá	Số người trả lời	Phần trăm
Kém	20	4
Trung bình	148	29,6
Tốt	211	42,2
Rất tốt	94	18,8
Không ý kiến	24	4,8
Không cung cấp thông tin	3	0,6
Tổng	500	100

Câu 12. Cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở địa phương

Cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không công khai, minh bạch	14	2,8
Có việc công khai, minh bạch; có việc thì không	73	14,6
Bình thường	53	10,6
Về cơ bản là công khai, minh bạch	218	43,6
Hoàn toàn công khai, minh bạch	115	23
Không ý kiến	27	5,4
Tổng	500	100

Câu 13. Việc thực hiện dân chủ trong quản lý hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong công tác tuyên truyền ở địa phương

Việc thực hiện dân chủ trong quản lý hoạt động của các tổ chức chuyên môn	Số người trả lời	Phần trăm
Rất kém	3	0,6
Kém	8	1,6
Trung bình	102	20,4
Tốt	251	50,2
Rất tốt	99	19,8
Không ý kiến	37	7,4
Tổng	500	100

Câu 14. Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ quan có chức năng tuyên truyền

Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không công khai, minh bạch	8	1,6
Có việc công khai, minh bạch; có việc thì không	54	10,8
Bình thường	75	15
Về cơ bản là công khai, minh bạch	215	43
Hoàn toàn công khai, minh bạch	113	22,6
Không ý kiến	35	7,0
Tổng	500	100

Câu 15. Trong hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền, các nội dung sau đây được tiến hành ở mức độ nào

15.1. Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác tuyên truyền thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong công tác tuyên truyền

Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không tốt	7	1,4
Chưa tốt lắm	31	6,2
Có lúc tốt, có lúc chưa tốt	87	17,4
Về cơ bản là tốt	238	47,6
Rất tốt	122	24,4
Khó trả lời	11	2,2
Không cung cấp thông tin	4	0,8
Tổng	500	100

15.2. Tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền

Tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin	Số người trả lời	Phần trăm
Không tốt	6	1,2
Chưa tốt lắm	48	9,6
Có lúc tốt, có lúc chưa tốt	92	18,4
Về cơ bản là tốt	234	46,8
Rất tốt	102	20,4
Khó trả lời	10	2
Không cung cấp thông tin	8	1,6
Tổng	500	100

15.3. Tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong công tác tuyên truyền có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân

Tạo điều kiện về mặt pháp lý	Số người trả lời	Phần trăm
Không tốt	7	1,4
Chưa tốt lắm	38	7,6
Có lúc tốt, có lúc chưa tốt	96	19,2
Về cơ bản là tốt	228	45,6
Rất tốt	115	23
Khó trả lời	8	1,6
Không cung cấp thông tin	8	1,6
Tổng	500	100

15.4. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc

Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân	Số người trả lời	Phần trăm
Không tốt	4	0,8
Chưa tốt lắm	24	4,8
Có lúc tốt, có lúc chưa tốt	77	15,4
Về cơ bản là tốt	224	44,8
Rất tốt	155	31
Khó trả lời	7	1,4
Không cung cấp thông tin	9	1,8
Tổng	500	100

Câu 16. Cấp uỷ và chính quyền các cấp có thường xuyên tạo ra môi trường thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương

Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân	Số người trả lời	Phần trăm
Rất không thường xuyên	15	3,0
Không thường xuyên	45	9
Đôi khi	152	30,4
Thường xuyên	195	39
Rất thường xuyên	76	15,2
Không ý kiến	17	3,4
Tổng	500	100

Câu 17. Ông/bà mong muốn được tiếp nhận thông tin qua phương pháp tuyên truyền nào

Mong muốn được tiếp nhận thông tin qua phương pháp tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Đối thoại	270	54
Đàm thoại	133	26,6
Nêu vấn đề	138	27,6
Hỏi đáp	264	52,8
Thuyết trình	151	30,2
Giảng giải	131	26,2
Trực quan	201	40,2
Nêu gương	167	33,4
Khác*	3	0,6

* Khác: công nghệ thông tin, truyền thông; trực tiếp-gián tiếp; tuyên truyền qua loa phát thanh để người dân nắm bắt kịp thời những thông tin cần thiết

Câu 18. Mong muốn được tiếp nhận thông tin qua hình thức tuyên truyền

Mong muốn được tiếp nhận thông tin qua hình thức tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Tư vấn	138	27,6
Lớp học	108	21,6
Hội nghị, hội thảo, tọa đàm	244	48,8
Thi, tìm hiểu	102	20,4
Sinh hoạt qua Câu Lạc bộ	155	31
Hoạt động văn hoá, văn nghệ	220	44
Mít tinh, diễu hành, lễ hội	116	23,2
Tham quan	120	24
Xem phim	88	17,6
Đọc báo, nghe đài, xem tivi	271	54,2
Sử dụng mạng xã hội	256	51,2
Sử dụng panô, khẩu hiệu, áp phích, tranh cổ động, băng rôn,...	226	45,2

Câu 19. Việc sử dụng phương thức và phương tiện trong công tác tuyên truyền phụ thuộc chủ yếu vào những yếu tố

19.1. Đặc điểm đối tượng tuyên truyền

Đặc điểm đối tượng tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không phụ thuộc	23	4,6
Bình thường	72	14,4
Phụ thuộc	370	74
Không ý kiến	35	7
Tổng	500	100

19.2. Nội dung công tác tuyên truyền

Nội dung công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không phụ thuộc	22	4,4
Bình thường	88	17,6
Phụ thuộc	358	71,6
Không ý kiến	370	74
Tổng	500	100

19.3. Cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền

Cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
--	------------------	-----------

Không phụ thuộc	32	6,4
Bình thường	120	24
Phụ thuộc	296	59,2
Không ý kiến	52	10,4
Tổng	500	100

19.4. Địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền

Địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không phụ thuộc	30	6
Bình thường	119	23,8
Phụ thuộc	310	62
Không ý kiến	41	8,2
Tổng	500	100

Ý kiến khác: thời điểm tuyên truyền, thời gian tuyên truyền, tính cấp bách, tính cấp thiết

Câu 20. Cán bộ thường tìm hiểu những yếu tố khi thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền

20.1. Đặc điểm đối tượng tuyên truyền

Đặc điểm đối tượng tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không tìm hiểu	52	10,4
Tìm hiểu	438	87,6
Không cung cấp thông tin	10	2
Tổng	500	100

20.2. Nội dung công tác tuyên truyền

Nội dung công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không tìm hiểu	25	5
Tìm hiểu	461	92,2
Không cung cấp thông tin	14	2,8
Tổng	500	100

20.3. Cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền

Cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không tìm hiểu	69	13,8
Tìm hiểu	404	80,8
Không cung cấp thông tin	27	5,4
Tổng	500	100

20.4. Địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền

Địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không tìm hiểu	40	8

Tìm hiểu	443	88,6
Không cung cấp thông tin	17	3,4
Tổng	500	100

Khác: Đối tượng được tuyên truyền, thời điểm tuyên truyền, thời gian thực hiện tuyên truyền, tính cấp bách, tính cấp thiết

Câu 21. Khi thực hiện các nhiệm vụ công tác tuyên truyền, cán bộ tuyên truyền thường xuyên nghiên cứu những đặc điểm nào sau đây của đối tượng tuyên truyền

Cán bộ tuyên truyền thường xuyên nghiên cứu những đặc điểm	Số người trả lời	Phần trăm
Độ tuổi	344	68,8
Giới tính	216	43,2
Trình độ học vấn	329	65,8
Trình độ chính trị	217	43,4
Dân tộc, tôn giáo	306	61,2
Quan điểm, thái độ của đối tượng tuyên truyền với nội dung tuyên truyền	334	66,8
Khác	11	2,2

Khác: Lịch sử bản thân đối tượng, môi trường sinh sống và làm việc, nghề nghiệp, tập quán văn hóa, tư tưởng của người dân, thường xuyên tuyên truyền cho người dân

Câu 22. Cán bộ tuyên truyền có thường xuyên đối thoại với người được tuyên truyền

Mức độ đối thoại của cán bộ tuyên truyền với người được tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Rất không thường xuyên	6	1,2
Không thường xuyên	36	7,2
Đôi khi	152	30,4
Thường xuyên	203	40,6
Rất thường xuyên	81	16,2
Không ý kiến	16	3,2
Không cung cấp thông tin	6	1,2
Tổng	500	100

Câu 23. Đối tượng tuyên truyền có phát biểu ý kiến, phản hồi trong công tác tuyên truyền không

Mức độ phát biểu ý kiến, phản hồi của đối tượng tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Rất không thường xuyên	9	1,8
Không thường xuyên	33	6,6

Đôi khi	195	39
Thường xuyên	171	34,2
Rất thường xuyên	57	11,4
Không ý kiến	19	3,8
Không cung cấp thông tin	16	3,2
Tổng	500	100

Câu 24. Người được tuyên truyền thường xuyên phản hồi, nêu ý kiến về vấn đề gì sau đây trong quá trình được tuyên truyền

24.1. Nội dung tuyên truyền

Nội dung tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không thường xuyên	86	17,2
Thường xuyên	399	79,8
Không cung cấp thông tin	15	3
Tổng	500	100

24.2. Phương pháp tuyên truyền

Phương pháp tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không thường xuyên	180	36
Thường xuyên	285	57
Không cung cấp thông tin	25	7
Tổng	500	100

24.3. Hình thức tuyên truyền

Hình thức tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không thường xuyên	158	31,6
Thường xuyên	310	62
Không cung cấp thông tin	32	6,4
Tổng	500	100

24.4. Phương tiện tuyên truyền

Phương tiện tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không thường xuyên	169	33,8
Thường xuyên	282	56,4
Không cung cấp thông tin	49	9,8
Tổng	500	100

24.5. Phẩm chất và năng lực cán bộ tuyên truyền

Phẩm chất và năng lực cán bộ tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không thường xuyên	176	35,2
Thường xuyên	281	56,2

Không cung cấp thông tin	43	8,6
Tổng	500	100

Khác: Chính sách thụ hưởng của đối tượng tuyên truyền, kiến thức tuyên truyền, lợi ích các bên

Câu 25. Cần phải làm gì để thu hút người dân tham gia vào công tác tuyên truyền

Biện pháp thu hút người dân tham gia vào công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Xây dựng đề cương tuyên truyền phù hợp, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích của người dân	354	70,8
Đa dạng hoá phương pháp tuyên truyền	271	54,2
Đa dạng hoá hình thức tuyên truyền	361	72,2
Lựa chọn phương tiện tuyên truyền phù hợp, đối tượng dễ tiếp cận	378	75,6
Khác*	4	0,8

*: Khác: Tạo điều kiện để người ta thấy được hiệu quả thực tế của hoạt động tuyên truyền, lựa chọn cán bộ tuyên truyền có năng khiếu

Câu 26. Nội dung tuyên truyền hiện nay đã đáp ứng được nhu cầu thông tin

Mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của nội dung tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không đáp ứng	6	1,2
Không đáp ứng	8	1,6
Đáp ứng một phần	151	30,2
Đáp ứng tốt về cơ bản	228	45,6
Hoàn toàn đáp ứng	90	18
Không ý kiến	17	3,4
Tổng	500	100

Câu 27. Đánh giá mức độ sát hợp với yêu cầu thực tiễn của nội dung tuyên truyền

Mức độ sát hợp với yêu cầu thực tiễn của nội dung tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không sát hợp	2	0,4
Không sát hợp	12	2,4
Bình thường	155	31
Sát hợp về cơ bản với thực tiễn	181	36,2
Sát hợp với thực tiễn	124	24,8
Không ý kiến	26	5,2
Tổng	500	100

Câu 28. Phương tiện tuyên truyền ở địa phương có đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn địa phương

Mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của phương tiện tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Hoàn toàn không đáp ứng	6	1,2
Không đáp ứng	9	1,8
Đáp ứng một phần	170	34
Đáp ứng tốt về cơ bản	205	41
Hoàn toàn đáp ứng	95	19
Không ý kiến	15	3
Tổng	500	100

Câu 29. Cơ chế, chính sách được ban hành trong công tác tuyên truyền ở địa phương đã thể hiện được tính dân chủ

Tính dân chủ của cơ chế, chính sách được ban hành trong công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Không thể hiện tính dân chủ	8	1,6
Chưa thể hiện tính dân chủ	11	2,2
Chỉ thể hiện một phần	100	20
Thể hiện tốt tính dân chủ	284	56,8
Hoàn toàn thể hiện tính dân chủ	55	11
Không ý kiến	42	8,4
Tổng	500	100

Câu 30. Đánh giá như thế nào về việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương hiện nay

Tính dân chủ của cơ chế, chính sách được ban hành trong công tác tuyên truyền	Số người trả lời	Phần trăm
Rất kém	6	1,2
Kém	8	1,6
Trung bình	144	28,8
Tốt	245	49
Rất tốt	83	16,6
Không ý kiến	14	2,8
Tổng	500	100

Câu 31. Mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền hiện nay so với trước đây

Mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền hiện nay so với trước đây	Số người trả lời	Phần trăm
--	------------------	-----------

Kém đi rất nhiều	1	0,2
Kém đi nhưng không nhiều	3	0,6
Như trước đây	24	4,8
Về cơ bản, dân chủ tăng lên	271	54,2
Dân chủ tăng lên và mở rộng hơn nhiều	162	32,4
Không ý kiến	39	7,8
Tổng	500	100

Câu 32. Để phát huy hơn nữa dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương, cần thực hiện những giải pháp

Những biện pháp nhằm phát huy hơn nữa tính dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương	Số người trả lời	Phần trăm
Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến công tác tuyên truyền	363	72,6
Xây dựng cơ chế thông tin đa chiều, thực hiện minh bạch, công khai thông tin, đáp ứng quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân	363	72,6
Đa dạng hoá phương pháp, hình thức tuyên truyền theo hướng tăng cường đối thoại, trao đổi, tương tác đa chiều phù hợp với đặc điểm đối tượng	334	66,8
Hiện đại hoá các phương tiện tuyên truyền, sử dụng ngày càng nhiều các phương tiện tuyên truyền hiện đại có nhiều chức năng, dịch vụ, tiện ích, tương tác, chia sẻ	350	70
Khắc phục triệt để những biểu hiện phi dân chủ, độc tài, áp đặt, dân chủ hình thức và vô kỷ luật trong công tác tuyên truyền	324	64,8
Nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội	306	61,2
Khác*	2	0,4

*: Khác: Nghiên cứu tính dân chủ trong khuôn khổ pháp luật cho phép, tăng cường các cơ chế phản hồi, góp ý của người dân.

PHẦN 4. PHÂN TÍCH MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỊNH LƯỢNG

Với thang 5 điểm kiểu Likert, các mức độ đánh giá được phân chia như sau:

Mức 1 từ 1-1,5, mức 2 từ 1,51-2,5, mức 3 từ 2,51-3,5, mức 4 từ 3,51-4,5, mức 5 từ 4,51-5

Nội dung	Mức đánh giá trung bình	Đánh giá
Sự cần thiết của việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương	4,44	Cần thiết

Mức độ thực hiện dân chủ trong việc xác định mục tiêu, định hướng và kế hoạch tuyên truyền của đảng uỷ các cấp	4,01	Tốt
Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của đảng uỷ các cấp ở địa phương	3,99	Tốt
Mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền	3,88	Về cơ bản kịp thời, nhanh chóng
Hệ thống truyền thanh, truyền hình ở địa phương có chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc	2,97	Trung bình
Vai trò xung kích của các cơ quan báo chí ở địa phương đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền	3,71	Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, khách quan
Các cơ quan văn hoá – văn nghệ ở địa phương đã thể hiện được vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân	3,52	Cung cấp thông tin và phản ánh được những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân
Căn cứ xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền: Tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân	4,07	Về cơ bản có sử dụng
Căn cứ xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền: Nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền	3,92	Về cơ bản có sử dụng
Căn cứ xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền: Người dân được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của công tác tuyên truyền	3,70	Về cơ bản có sử dụng
Căn cứ xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền: Xây dựng chủ	4,08	Về cơ bản có sử dụng

trương, quan điểm, qui định tạo cơ sở về chính trị nhằm tôn trọng, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trong công tác tuyên truyền		
Về việc thực hiện dân chủ trong phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong công tác tuyên truyền ở địa phương	3,90	Tốt
Về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác tuyên truyền ở địa phương	3,80	Tốt
Về cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở địa phương	3,77	Về cơ bản là công khai, minh bạch
Về việc thực hiện dân chủ trong quản lý hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong công tác tuyên truyền ở địa phương	3,94	Tốt
Về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ quan có chức năng tuyên truyền	3,80	Về cơ bản là công khai, minh bạch
Nội dung quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền: Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác tuyên truyền thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong công tác tuyên truyền	3,90	Về cơ bản là tốt
Nội dung quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền: Tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền	3,78	Về cơ bản là tốt
Nội dung quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền: Tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong công tác tuyên truyền có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân	3,84	Về cơ bản là tốt
Nội dung quản lý nhà nước đối với công tác	4,04	Về cơ bản là tốt

tuyên truyền: Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc		
Mức độ tạo ra môi trường thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương của cấp uỷ và chính quyền địa phương các cấp	3,60	Thường xuyên
Mức độ đối thoại với người được tuyên truyền của cán bộ tuyên truyền	3,66	Thường xuyên
Sự phát biểu ý kiến, phản hồi trong công tác tuyên truyền của cán bộ tuyên truyền	3,50	Đôi khi
Mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin của nội dung tuyên truyền hiện nay	3,82	Đáp ứng tốt về cơ bản
Mức độ sát hợp với yêu cầu thực tiễn của nội dung tuyên truyền	3,87	Sát hợp về cơ bản với thực tiễn
Mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương đối với phương tiện tuyên truyền ở địa phương	3,79	Đáp ứng tốt về cơ bản
Tính dân chủ của cơ chế, chính sách được ban hành trong công tác tuyên truyền ở địa phương	3,82	Thể hiện tốt tính dân chủ
Việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương hiện nay	3,83	Tốt
Mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền hiện nay so với trước đây	4,28	Về cơ bản, dân chủ tăng lên

PHẦN 5. KIỂM ĐỊNH SỰ KHÁC BIỆT VỀ MỨC ĐÁNH GIÁ GIỮA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

5.1. Về mức độ cần thiết của việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,36	0,393	Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê
Bến Tre	3,67		
Cần Thơ	3,62		

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
Kiên Giang	3,88		
Sóc Trăng	4,09		

5.2. Về mức độ thực hiện dân chủ trong việc xác định mục tiêu, định hướng và kế hoạch tuyên truyền của cấp ủy các cấp

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,22	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,78		
Cần Thơ	3,96		
Kiên Giang	3,95		
Sóc Trăng	4,13		

5.3. Về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp ở địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,14	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,74		
Cần Thơ	3,97		
Kiên Giang	3,84		
Sóc Trăng	4,23		

5.4. Về các văn bản lãnh đạo của đảng ủy các cấp về công tác tuyên truyền được nghiên cứu, soạn thảo và ban hành có đúng với quy trình dân chủ chưa

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	2,89	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	2,48		
Cần Thơ	2,68		
Kiên Giang	2,53		
Sóc Trăng	2,82		

5.5. Về mức độ đáp ứng yêu cầu của hệ thống báo in, truyền thanh, truyền hình ở địa phương đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,11	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
Bến Tre	3,67		thống kê ở độ tin cậy 99%
Cần Thơ	3,62		
Kiên Giang	3,88		
Sóc Trăng	4,09		

5.6. Hệ thống truyền thanh, truyền hình ở địa phương có nhiều chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc không

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	3,4	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	2,5		
Cần Thơ	2,72		
Kiên Giang	2,85		
Sóc Trăng	3,3		

5.7. Các cơ quan báo chí ở địa phương đã thể hiện được vai trò xung kích của mình đối với việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền chưa

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,1	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,53		
Cần Thơ	3,45		
Kiên Giang	3,55		
Sóc Trăng	3,90		

5.8. Các cơ quan văn hoá – văn nghệ ở địa phương đã thể hiện được vai trò là kênh thông tin và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng cũng như những bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,01	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,24		
Cần Thơ	3,27		
Kiên Giang	3,46		
Sóc Trăng	3,63		

5.9. Khi xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền, các cấp uỷ ở địa phương có thường xuyên sử dụng những nội dung sau làm căn cứ không?

5.9.1. Tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,56	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,71		
Cần Thơ	3,82		
Kiên Giang	4,05		
Sóc Trăng	4,24		

5.9.2. Nhân dân được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, thái độ, ý kiến về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp công tác tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,6	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,55		
Cần Thơ	3,64		
Kiên Giang	3,81		
Sóc Trăng	4,02		

5.9.3. Người dân được tham gia vào việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của công tác tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,31	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,45		
Cần Thơ	3,29		
Kiên Giang	3,54		
Sóc Trăng	3,90		

5.9.4. Xây dựng chủ trương, quan điểm, qui định tạo cơ sở về chính trị nhằm tôn trọng, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân trong công tác tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,66	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,82		
Cần Thơ	3,78		
Kiên Giang	3,96		
Sóc Trăng	4,17		

5.10. Đánh giá về việc thực hiện dân chủ trong phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong công tác tuyên truyền ở địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,14	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,76		
Cần Thơ	3,67		
Kiên Giang	3,84		
Sóc Trăng	4,07		

5.11. Đánh giá về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác tuyên truyền ở địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,11	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,58		
Cần Thơ	3,67		
Kiên Giang	3,74		
Sóc Trăng	3,89		

5.12. Đánh giá về cơ chế tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và sử dụng cán bộ tuyên truyền ở địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,27	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,29		
Cần Thơ	3,66		
Kiên Giang	3,73		
Sóc Trăng	3,90		

5.13. Đánh giá về việc thực hiện dân chủ trong quản lý hoạt động của các tổ chức chuyên môn trong công tác tuyên truyền ở địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,16	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,76		
Cần Thơ	3,75		
Kiên Giang	3,92		
Sóc Trăng	4,07		

5.14. Đánh giá về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động đầu tư, xây dựng và phát triển các cơ quan có chức năng tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,20	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,47		
Cần Thơ	3,61		
Kiên Giang	3,63		
Sóc Trăng	4,02		

5.15. Trong hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tuyên truyền, các nội dung sau đây được tiến hành ở mức độ nào

5.15.1. Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác tuyên truyền thành các văn bản pháp luật, xây dựng các chế tài bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong công tác tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,22	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,56		
Cần Thơ	3,67		
Kiên Giang	3,88		
Sóc Trăng	4,20		

5.15.2. Tạo lập môi trường, điều kiện khuyến khích thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận, hợp tác giữa các chủ thể, giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,12	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,47		
Cần Thơ	3,68		
Kiên Giang	3,73		
Sóc Trăng	3,91		

5.15.3. Tạo điều kiện về mặt pháp lý để nhân dân được quyền tiếp nhận thông tin, được bàn bạc, trao đổi, đối thoại về những vấn đề trong công tác tuyên truyền có liên quan đến nhu cầu, lợi ích người dân

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,28	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,52		
Cần Thơ	3,75		
Kiên Giang	3,71		
Sóc Trăng	3,93		

5.15.4. Xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức, cá nhân lợi dụng dân chủ để gây rối, mất trật tự an toàn xã hội, an toàn thông tin và xử lý những tin đồn nhảm, thông tin sai lệch, xuyên tạc

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,12	0,002	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 95%
Bến Tre	3,82		
Cần Thơ	4,04		
Kiên Giang	3,93		
Sóc Trăng	4,29		

5.16. Cấp uỷ và chính quyền các cấp có thường xuyên tạo ra môi trường thông tin hai chiều, thảo luận, tranh luận dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương không

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	3,97	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,43		
Cần Thơ	3,29		
Kiên Giang	3,47		
Sóc Trăng	3,83		

5.22. Trong quá trình tuyên truyền, cán bộ tuyên truyền có thường xuyên đối thoại với người được tuyên truyền không

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	3,92	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,33		
Cần Thơ	3,49		
Kiên Giang	3,72		
Sóc Trăng	3,85		

5.23. Đối tượng tuyên truyền có phát biểu ý kiến, phản hồi trong công tác tuyên truyền không

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	3,78	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,09		
Cần Thơ	3,48		
Kiên Giang	3,6		
Sóc Trăng	3,57		

5.26. Nội dung tuyên truyền hiện nay đã đáp ứng được nhu cầu thông tin

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,19	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,47		
Cần Thơ	3,67		
Kiên Giang	3,86		
Sóc Trăng	3,92		

5.27. Đánh giá mức độ sát hợp với yêu cầu thực tiễn của nội dung tuyên truyền

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,31	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,6		
Cần Thơ	3,63		
Kiên Giang	3,67		
Sóc Trăng	4,11		

5.28. Phương tiện tuyên truyền ở địa phương có đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn địa phương

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,23	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,45		
Cần Thơ	3,63		
Kiên Giang	3,96		
Sóc Trăng	3,7		

5.29. Cơ chế, chính sách được ban hành trong công tác tuyên truyền ở địa phương đã thể hiện được tính dân chủ chưa

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,16	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,48		
Cần Thơ	3,86		
Kiên Giang	3,76		
Sóc Trăng	3,83		

5.30. Về việc thực hiện dân chủ trong công tác tuyên truyền ở địa phương hiện nay

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,14	0,000	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%
Bến Tre	3,51		
Cần Thơ	3,72		
Kiên Giang	3,81		
Sóc Trăng	3,96		

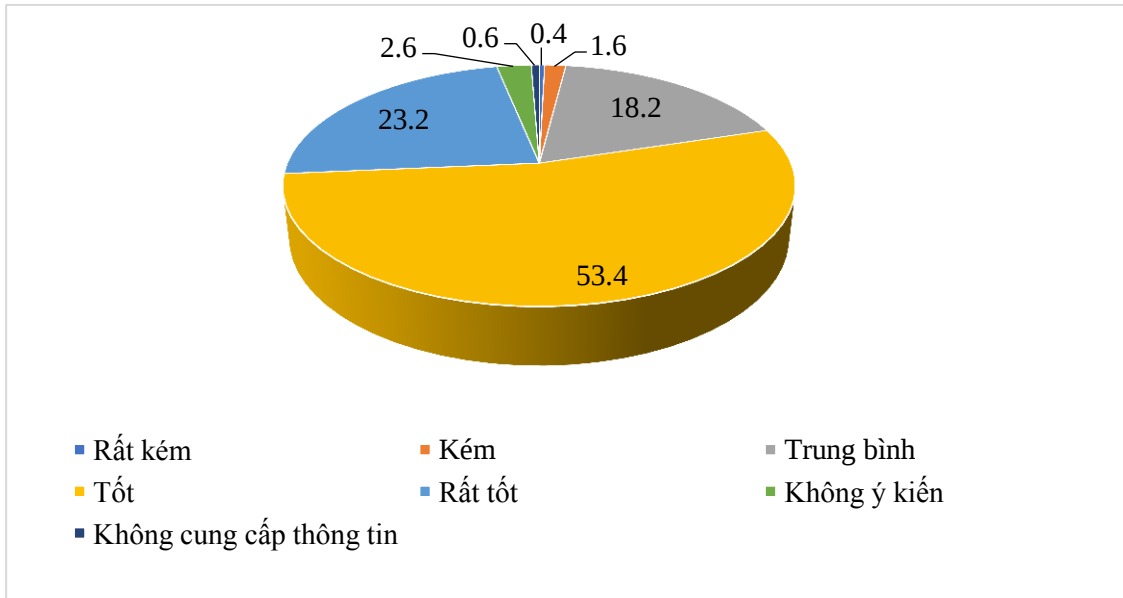
5.31. Mức độ dân chủ trong công tác tuyên truyền hiện nay so với trước đây

Địa phương	Giá trị trung bình	Sig.	Kết luận
An Giang	4,43	0,001	Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 95%
Bến Tre	4,08		
Cần Thơ	4,23		
Kiên Giang	4,34		
Sóc Trăng	4,31		

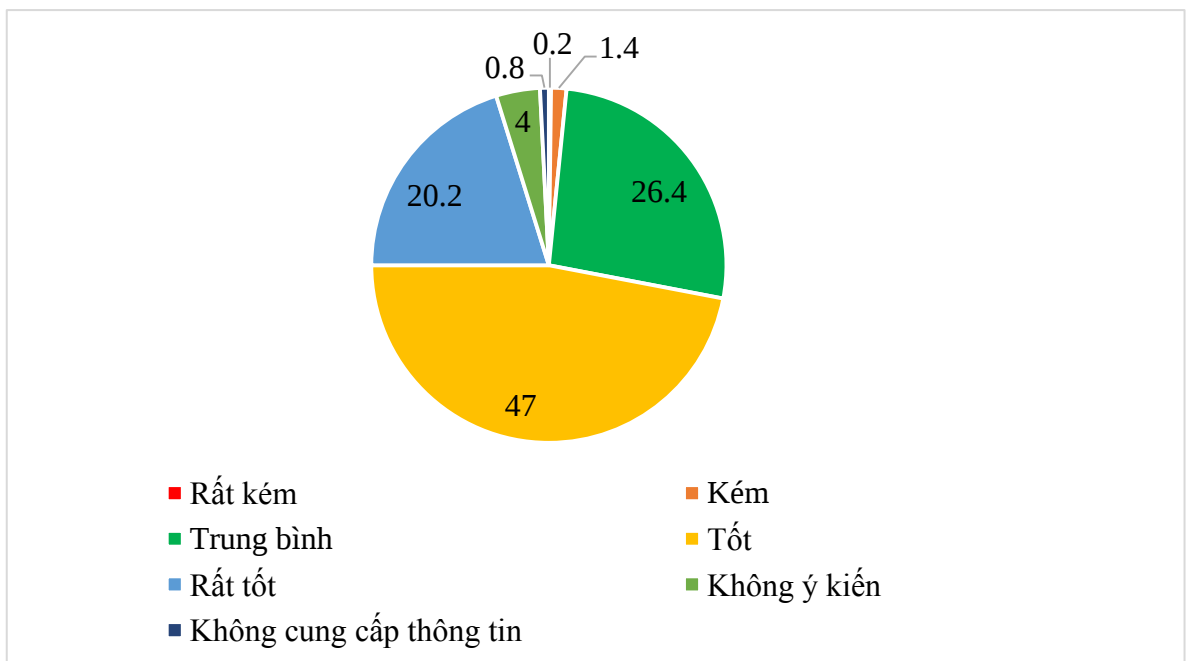
PHỤ LỤC 4

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

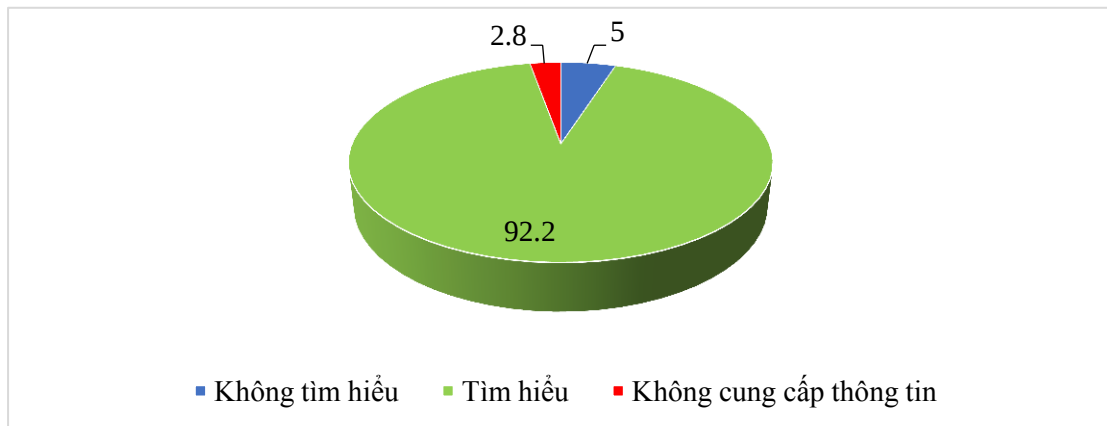
Biểu đồ 4.1: Mức độ đánh giá về thực hiện dân chủ của cấp uỷ các cấp dựa trên tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân khi xây dựng chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



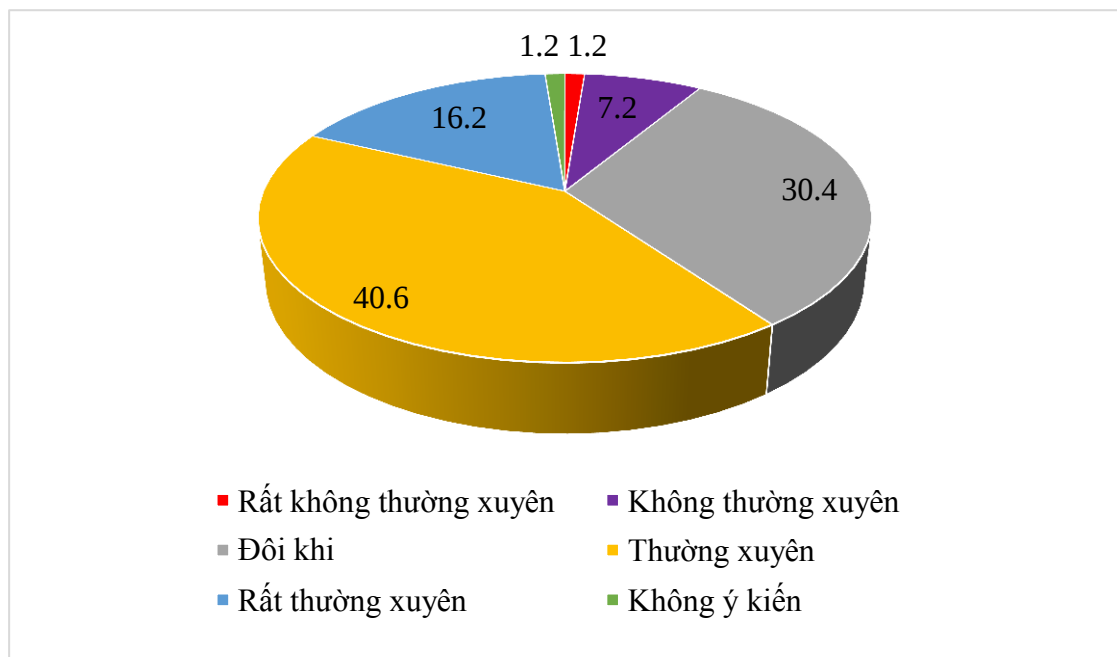
Biểu đồ 4.2: Mức độ đánh giá về cấp uỷ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



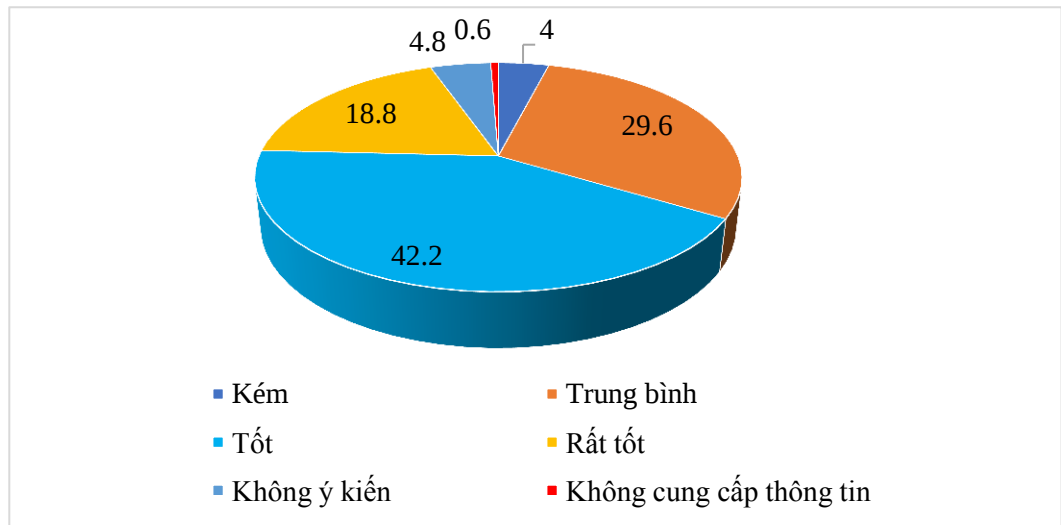
Biểu đồ 4.3: Mức độ cán bộ tìm hiểu về nội dung tuyên truyền khi thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



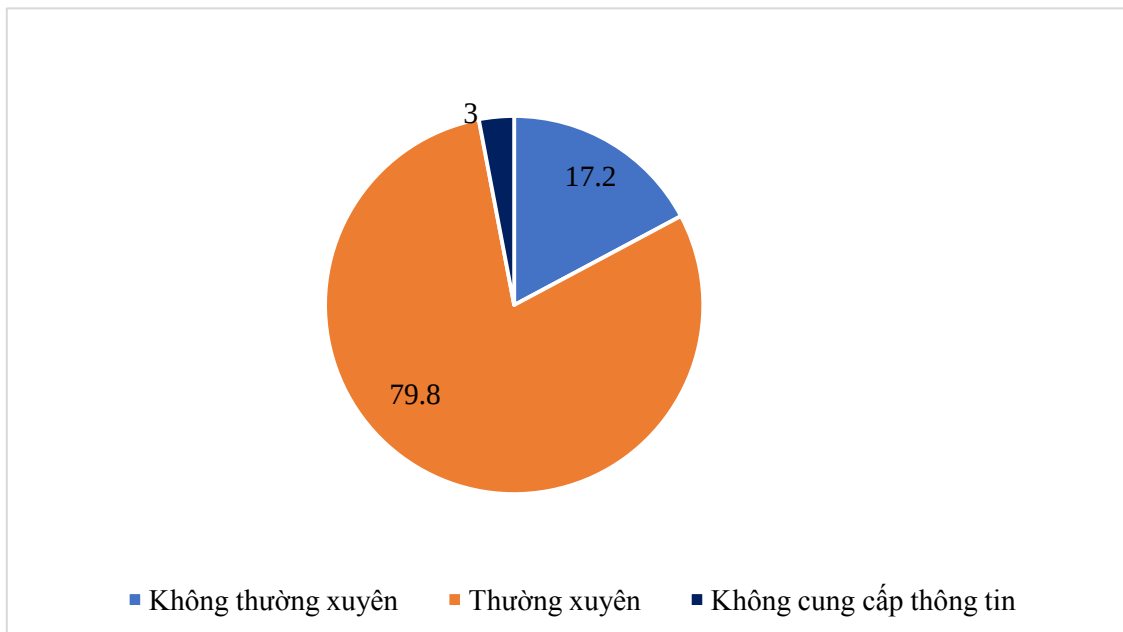
Biểu đồ 4.4: Mức độ đối thoại của cán bộ tuyên truyền với người được tuyên truyền vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



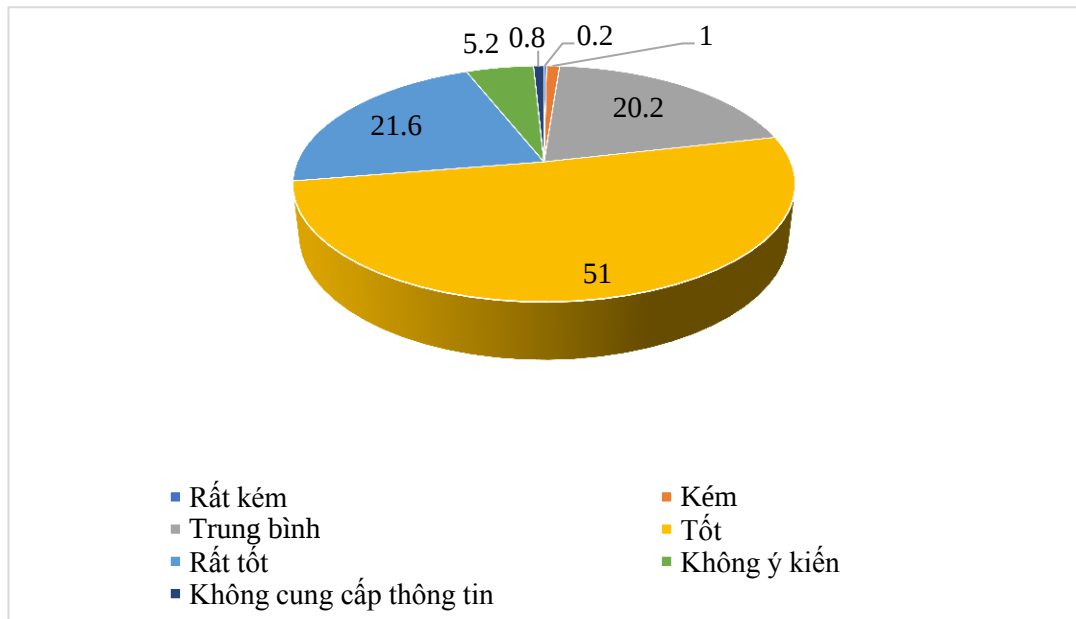
Biểu đồ 4.5: Mức độ thực hiện dân chủ trong hoạt động đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



Biểu đồ 4.6: Mức độ phản hồi, nêu ý kiến về nội dung tuyên truyền trong quá trình được tuyên truyền của đối tượng tuyên truyền vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



Biểu đồ 4.7: Mức độ thực hiện dân chủ trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ các cấp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.



Biểu đồ 4.8: Mức độ đánh giá về chương trình truyền hình, phát thanh tiếng dân tộc ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

